

TRƯỜNG HÀN NGỮ VIỆT HÀN KANATA
Chủ biên: Lê Huy Khoa

GIÁO TRÌNH
LUYỆN DỊCH
TRUNG
CAO CẤP
TIẾNG HÀN QUỐC

한국어 중. 고급 통번역교재

Luyện phiên dịch các bài phát biểu,
hợp đồng đơn giản, bản tin, nội quy công ty, thư tín, kịch bản...



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giáo trình luyện dịch trung cao cấp tiếng Hàn Quốc - 한국어 중.고급 통번역교재

**Luyện phiên dịch các bài phát biểu, hợp đồng đơn giản,
bản tin, nội quy công ty, thư tín, kịch bản...**

Trường Hàn ngữ Việt Hàn Kanata

Chủ biên: Lê Huy Khoa

Chịu trách nhiệm xuất bản

**Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY**

Biên tập: Hân Ngọc Lan

Trình bày: Hoàng Vân

Bìa: Nguyên Uyên

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

XNĐKXB số: 4898-2020/CXBIPH/102-332/THTPHCM

QĐXB số: 382/QĐ-THTPHCM-EBOOK2020 ngày 31/12/2020

ISBN: 978-604-312-335-7. Lưu chiểu Quý I/2021

ISBN: 978-604-312-335-7



9 786 043 123357

TRƯỜNG HÀN NGỮ VIỆT HÀN KANATA

Chủ biên: Lê Huy Khoa

GIÁO TRÌNH

LUYỆN DỊCH TRUNG CAO CẤP TIẾNG HÀN QUỐC

한국어 중. 고급 통번역교재

**Luyện phiên dịch các bài phát biểu,
hợp đồng đơn giản, bản tin, nội quy công ty, thư tín, kịch bản...**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục lục

• Lời nói đầu.....	5
• Đặc tính ngũ pháp tiếng Hàn.....	7
• Kỹ năng dịch thuật.....	8
Bài 1. Bài phát biểu khai mạc.....	14
Bài 2. Lời chào	18
Bài 3. Bài chào mừng.....	21
Bài 4. Lời chào	25
Bài 5. Bài phát biểu khai tiệc tối.....	27
Bài 6. Bài phát biểu chào mừng.....	29
Bài 7. Bài phát biểu chào mừng.....	32
Bài 8. Bài phát biểu chào mừng khai mạc hội thảo	36
Bài 9. Hướng dẫn sinh hoạt	39
Bài 10. Kịch bản Hội thảo Bán dẫn	43
Bài 11. Hợp đồng Mua bán (dịch nói).....	49
Bài 12. Hợp đồng Thuê nhà	52
Bài 13. Kịch bản MC Lễ Khai trương	58
Bài 14. Kịch bản MC một buổi Hội thảo chuyên ngành	65
Bài 15. Kịch bản MC chương trình hội thảo	71
Bài 16. Thuyết trình về du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.....	78
Bài 17. Hợp đồng Thương mại	83

Bài 18.	Thư phản hồi qua email.....	87
Bài 19.	Thư chào	89
Bài 20.	Đề nghị hỗ trợ.....	91
Bài 21.	Thư trao đổi công việc	93
Bài 22.	Thư chào	95
Bài 23.	Thông tin về du học	97
Bài 24.	Công văn đề nghị hợp tác du học	99
Bài 25.	Bản tin.....	102
Bài 26.	Bản tin.....	104
Bài 27.	Bản tin.....	107
Bài 28.	Bản tin tuần.....	115
Bài 29.	Sức mạnh của sự tích cực	120
Bài 30.	Không có thành công nào mà không có nền tảng	123
Bài 31.	Dịch bài báo	126
Bài 32.	10 thói quen để thành công.....	131
Bài 33.	Hợp đồng thương mại	133
Bài 34.	Hợp đồng hợp tác đầu tư.....	136
Bài 35.	Hợp đồng lao động.....	166
Bài 36.	Luyện dịch danh ngôn	169
Bài 37.	Hợp đồng ủy thác bán sản phẩm	181
Bài 38.	Nội qui công ty.....	184
• Giới thiệu tác giả.....	214	

Lời nói đầu

Trong nghề dịch thuật, một bản dịch tốt là một bản dịch diễn đạt tự nhiên, đầy đủ, chính xác ý nghĩa nhưng quan trọng nhất là phải có văn phong, cách hành văn của người Hàn Quốc. Để có được cách hành văn này, việc đầu tiên chúng ta cần làm đó là nghiên cứu và mô phỏng cách viết, cách diễn đạt của người Hàn Quốc trong các loại tài liệu, văn bản, v.v...

Trong suốt 20 năm làm phiên dịch, biên dịch của mình, tôi cảm thấy khá tiếc nuối khi không tập hợp được tất cả những tài liệu, bài dịch mà mình đã dịch từ xưa đến nay. Gần đây, tôi bắt đầu để ý hơn và nhận thấy một số bạn làm công tác biên phiên dịch cần những tài liệu này, tôi đã cố gắng tập hợp để giới thiệu đến tất cả các bạn. Hy vọng rằng với tài liệu mẫu như thế này, những người làm công tác phiên dịch sẽ được học hỏi thêm.

Quyển sách *Giáo trình luyện dịch Trung - Cao cấp tiếng Hàn Quốc* tập hợp các bài phát biểu, kịch bản, các loại hợp đồng, mẫu công văn, thư hồi đáp, bản tin tiếng Hàn, điều

lệ công ty Hàn Quốc, nội qui công ty từ nhiều nguồn khác nhau v.v... Do phạm vi sách có hạn nên không tiến hành dịch song ngữ, nhưng ở cuối mỗi bài đã có phần từ vựng sẽ giúp các bạn theo nghề dịch thuật có thể nhanh chóng lĩnh hội thông tin.

Sách được trình bày từ phiên dịch (dịch nói) đến biên dịch (dịch viết), từ những bài đơn giản đến những bài phức tạp với đại đa số là tiếng Hàn cùng với các từ chuyên môn, nhưng cũng có cả những bài mẫu tiếng Việt để luyện dịch sang tiếng Hàn nhằm giúp các bạn làm công tác biên phiên dịch có thể dịch một cách nhuần nhuyễn hơn.

Đây là một thể loại sách mới mà tôi áp ủ trong thời gian gần đây, và có thể nói, quyển sách này là một trong những quyển sách đầu tiên về luyện dịch, chính vì thế sách còn nhiều thiếu sót, rất mong bạn đọc gần xa góp ý, bổ sung để sách hoàn thiện hơn.

Trân trọng.

Tháng 7-2019
Lê Huy Khoa

ĐẶC TÍNH NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN

1. Động từ bao giờ cũng nằm ở cuối câu 주어 - 목적어 - 서술어
2. Trong cụm danh từ, định ngữ đi trước danh từ 예쁜 처녀
3. Trợ từ luôn nằm ở phía sau danh từ, đại danh từ 옷을, 아버님께서, 동생이
4. Phạm vi ý nghĩa lớn luôn nằm ở phía trước ở trật tự trong câu
 - a. 대한민국, 서울특별시, 마포구, 역남동, 571-17, 청원 빌딩 3층 2010호.
 - b. 2012년 8월 28일 3시
5. Trật tự từng phần trong câu có thể thay đổi 어순은 자유로운 편이다
 1. 저는 한국어를 많이 공부합니다
 2. 저는 한국어를 공부해요, 많이
 3. 저는 많이 공부해요, 한국어를
 4. 한국어를 많이공부해요, 저는
 5. 공부를 많이해요, 저는, 한국어를

KỸ NĂNG DỊCH THUẬT

Dịch thuật là gì?

- ✓ Dịch thuật là khái niệm gồm cả phiên dịch và biên dịch, là công việc truyền đạt, chuyển đổi từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác.
- ✓ Phiên dịch là công tác dùng lời nói để chuyển đổi từ một ngôn ngữ nói này sang ngôn ngữ nói khác, các ví dụ gồm dịch đồng thời, dịch tuần tự, dịch đuổi v.v... Phiên dịch viên là người thực hiện công việc phiên dịch đó.
- ✓ Biên dịch là công việc chuyển đổi bằng chữ viết từ một ngôn ngữ viết này sang một ngôn ngữ viết khác theo dạng văn bản, văn tự, chữ viết. Biên dịch viên là người thực hiện công việc này. Biên dịch là các công việc như dịch sách, dịch phim, dịch tài liệu, dịch đơn từ v.v...

Ở Việt Nam, học biên phiên dịch tiếng Hàn thì học thế nào?

- ✓ Ở Việt Nam chưa có các chương trình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn cụ thể, các trường đại học thì chủ yếu đào tạo tiếng Hàn theo các chuyên ngành Hàn Quốc học hoặc Đông Phương học. Sau khi học xong thì sinh viên sẽ tự trau dồi các kỹ năng dịch thuật

để đi làm. Hiện tại nếu bạn học ở Hàn Quốc thì cũng chỉ học ngôn ngữ là chính, chưa có hệ đại học hay cao hơn đào tạo biên phiên dịch chuyên nghiệp.

- ✓ Hiện có một số trung tâm có chương trình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn, thời gian là 18 tháng, bạn có thể theo học những chương trình ngắn hạn như thế này nếu không thể theo học ở bậc đại học.

Làm sao nhanh nắm bắt cách diễn đạt, văn phong của người Hàn để dịch tốt hơn?

- ✓ Nếu là văn nói, bạn có thể lấy một bài mẫu trình bày nào đó của người Hàn Quốc, bạn vừa nghe và cố gắng hiểu xem người đó đang sử dụng cấu trúc gì và nghĩa của cấu trúc đó như thế nào. Bạn có thể học thuộc bằng cách đặt câu theo cách này để có thể quen dần khi sử dụng.
- ✓ Nếu là văn viết, thì bạn nên theo các mẫu văn bản đã được làm sẵn, điều này sẽ giúp cho các bạn viết văn mà không bị sượng, hoặc tránh kiểu văn mà người Hàn Quốc đọc xong sẽ cho rằng ngữ pháp thì không sai nhưng người Hàn không ai diễn đạt như vậy cả.

Xin cho biết là học bao nhiêu thì có thể làm phiên dịch tiếng Hàn được?

- ✓ Rất khó trả lời chính xác, vì tùy theo trình độ và sức hấp thu của mỗi người. Nhưng nếu tính theo khối lượng kiến thức thì toàn bộ kiến thức ngôn ngữ học

của Trường Đại học Quốc gia Seoul chỉ có 120 bài gồm khoảng 1800 từ vựng và 900 cấu trúc ngữ pháp.

- ✓ Do ở Việt Nam chưa có chuẩn đánh giá cấp độ của phiên dịch, vì thế theo kinh nghiệm của chúng tôi thì các bạn học tiếng Hàn 1-2 năm đạt được Topik 3 là bắt đầu có thể dịch sơ trung cấp, 2-5 năm có Topik 4-5 sẽ là dịch trung cấp và trên 5 năm có Topik 6 thì có thể phiên dịch cao cấp. Tất nhiên chứng chỉ Topik không có thi nói (hoàn toàn khác với dịch) thì chỉ là thước đo có tính ước phỏng.

Em thường bị rối khi dịch tiếng Hàn, làm thế nào?

- ✓ Muốn không rối thì phải có nguyên tắc để dịch. Về cơ bản, dịch tiếng Hàn sẽ là xác định chủ ngữ xong sẽ dịch từ động từ (hay từ cuối câu) lên, hay từ phải sang trái.
- ✓ Bạn cần phải định hình phạm vi cần dịch, bạn sẽ dịch chủ ngữ rồi đến vị ngữ, mỗi câu hoàn thiện tối thiểu cần có 1 chủ ngữ và 1 vị ngữ, trường hợp nhiều vị ngữ thì tùy theo tình hình ngôn ngữ nào. Vị ngữ nhiều thì cần sắp xếp theo trật tự, trình tự sẽ khiến cho bạn không bị rối.
- ✓ Định ngữ quá dài và nhiều sẽ gây rối, vì thế bạn nên xác định thành phần câu rõ ràng trước khi dịch sẽ giúp bạn biết rõ cần phải dịch cái nào trước, cái nào sau.

- ✓ Cần hiểu rõ cấu trúc ngữ pháp của tiếng Hàn là SOV, của tiếng Việt là SVO để tiện so sánh đối chiếu tránh bị rối.

Những nguyên tắc luyện dịch.

Về cơ bản, có những nguyên tắc như sau trong quá trình luyện dịch, những gợi ý này mong bạn đọc kỹ trước khi bắt đầu dịch.

1. Bạn nên tập trung dịch từ đơn giản đến phức tạp, dễ đến khó. Bạn sẽ cảm thấy rất chán nản nếu mình không dịch được. Vì thế hãy tự tìm cách hài lòng trước bằng cách dịch những câu đơn giản và dễ dàng nhất.
2. Ưu tiên độ thành thực. Để luyện thành thực, bạn sẽ phải đọc đi, đọc lại câu dịch khoảng 5-10 lần. Bạn có thể luyện tập thành thực với những cấu trúc, những từ vựng và cách chuyển đổi để khi gặp những tình huống như thế, bạn có thể xử lý ngay.
3. Luyện kỹ năng dịch bằng cách nắm bắt từ vựng qua ngữ điệu và hoàn cảnh. Chúng ta không thể hiểu hết cách trình bày hay diễn đạt của một ngôn ngữ nước ngoài. Có thể bạn không nghe hết từ, nhưng có thể đoán qua ngữ điệu, ngữ cảnh.
4. Từ vựng là yếu tố quyết định nhất nên bạn sẽ phải hết sức ưu tiên vấn đề học từ vựng. Bạn có thể diễn

đạt không chuẩn ngữ pháp nhưng nếu có đủ từ vựng, người khác vẫn sẽ hiểu.

5. Nên dịch viết thật thành thạo trước khi dịch nói vì dịch nói cần kết hợp rất nhiều yếu tố để người nghe có thể hiểu được. Và ở trình độ cao hơn, không dùng từ này thì dùng từ khác chứ không nhất thiết bỏ qua khi chưa tìm ra từ phù hợp cho lời dịch.
6. Khi dịch, bạn nên luyện dịch theo câu hoàn chỉnh và đọc thành tiếng, tuyệt đối không nghĩ rằng dịch câu đó thì cứ thế thôi, khi vào dịch sẽ dịch được. Nhưng thực tế thì khác, luyện tập không dù thi khi vào dịch thực tế sẽ gặp khó khăn. Rất nhiều trường hợp bạn không thể phát âm được hoặc phát âm bị sượng, lý do là phát âm không quen, vì thế, bạn cần phải dịch thành tiếng, phát âm to, có ngữ điệu thay vì lầm bẩm trong miệng.
7. Dịch viết trước, dịch nói sau, dịch viết bao giờ cũng dễ hơn, vì có thời gian trau chuốt hơn, bạn nên dùng kỹ năng, tính cẩn thận của dịch viết để ứng dụng vào dịch nói.
8. Dịch Hàn - Việt trước, dịch Việt - Hàn sau cũng là một cách, vì cách diễn đạt tiếng Việt cho người nghe hiểu là bước đầu tiên, đại đa số người nghe của các bạn là người Việt, sự ưu tiên cho người nghe cũng là điều cần lưu ý. Cũng có thể luyện dịch Việt - Hàn và Hàn - Việt cùng một lần để hiểu sự chênh lệch và

cách thể hiện với những trường hợp như thế. Dịch thuật không phải là một đáp án cố định như các môn tự nhiên.

9. Ban đầu, bạn tập trung dịch thành thạo một câu thay vì nhiều câu. Bạn nên giỏi một câu trước, sau đó hãy chuyển sang luyện dịch thật nhiều kiểu thay vì một kiểu.
10. Thực hiện qui trình sai-dùng-sai-dùng-sai liên tục để hiệu chỉnh, sửa lỗi. Bạn dịch và phải phát hiện ra mình sai, sửa, lại phát hiện ra cái sai khác, lại sửa tiếp. Qui trình này cần thực hiện thật nhiều lần mới có thể hoàn thiện kỹ năng dịch của một người.
11. Về tài liệu dịch, tốt nhất bạn nên xem băng đĩa một bộ phim nào đó và luyện nghe từng câu, xong ngắt câu và dịch, sau đó nghe tiếp 2-3 câu và gắng hiểu cùng một lúc. Tất nhiên, đây chỉ là những công đoạn dịch đơn giản. Cao hơn một mức độ nữa, các bạn có thể nghe những bài thuyết trình bằng tiếng nước ngoài, nghe 2-3 câu hoặc 5 giây trở xuống, hiểu và cố gắng dịch đúng như những gì đã nghe, nhớ tập trung hết sức.
12. Hãy trau dồi ngôn ngữ mẹ đẻ thật tốt, vì đó chính là nền tảng tốt nhất để học dịch thuật.

Bài 1.

BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC

(개회사)

- 존경하는 Nguyễn Văn A 호치민 부시장님, 흥기동 총영사님, 그리고 내외귀빈 여러분. (통역)
- 베트남 경제의 중심지인 호치민에서 3년만에 경영지원 교류회를 다시 갖게 되어 기쁘게 생각합니다. 바쁘신 일정에도 참석해 주신 부시장님과 베트남 정부관계자들께 감사의 말씀을 드립니다. (통역)
- 저는 지난 달 하노이에서 열린 한-베트남 경제포럼에 참석한 적이 있습니다. 그 자리에서 Nguyễn Văn A 부총리님께서 양국간 협력 확대를 강조하셨던 기억이 납니다. 경제를 포함한 전부문에서 양국이 함께 협력하여 새로운 시대를 열어가야 한다는 뜻으로 이해됩니다. (통역)
- 오늘 회의는 이러한 협력 모멘텀을 살리고자 베트남에 진출해 있는 한국 기업의 건의사항을 전달하고 양국 경제협력을 높이기 위한 의견을 교환하기 위해 마련되었습니다. (통역)
- 베트남과 한국은 수교이후 짧은 기간 동안 놀라운 협력의 성과를 보여주고 있습니다. 이미 4천여개가 넘는 한국기업이 활발하게 활동하며 베트남 경제성장의

견인차 역할을 하고 있습니다. 이러한 성과는 베트남의 높은 성장잠재력과 경제발전에 대한 열정이 한국의 경제발전 경험과 더불어 최적의 조합을 이루어낸 결과라고 생각합니다. (통역)

- 이제 양국은 미래를 향해 더욱 정진해 나가야 할 것입니다. 지난 20여년간 견고히 다져온 경제협력을 토대로 새로운 20년을 열어야 합니다. 베트남의 활발한 인프라 투자, 산업 역량 강화를 통한 경제개발 노력은 세계경제의 급속한 변화 속에서도 지속적인 성장을 기대하게 합니다. 양국이 협력의 성과를 고루 나누며, 다양한 분야로 협력을 확대해 나간다면 진정한 경제협력 파트너로 자리매김 할 수 있을 것입니다. (통역)
- 베트남 속담에 ‘앞에 가는 사람이 다리를 놓으면 뒤에 가는 사람이 다리를 건너게 된다’는 말이 있다고 들었습니다. 베트남과 한국이 모든 분야에서 약점을 보완하고 강점을 나누는 우정의 상징이 되기를 희망합니다. (통역)
- 다시 한번 자리를 함께 해주신 부시장님과 베트남 정부 관계자들께 감사 드리며, 이 자리에 계신 모든 분들의 건강과 행운을 기원합니다. 감사합니다. (통역)

TỪ MỚI

강조하다	Nhấn mạnh
강화하다	Đẩy mạnh
견고히	Vững chắc

견인차	Đầu tàu, đầu kéo	진정하다	Đúng nghĩa
경제성장	Tăng trưởng kinh tế	진출하다	Đầu tư, có mặt
경제의 중심지	Trung tâm kinh tế	최적하다	Phù hợp nhất
경제포럼	Diễn đàn kinh tế	함께	Tham gia
경제협력 파트너	Đối tác hợp tác kinh tế	확대하다	Mở rộng
고루	Đều		
급속한 변화	Sự thay đổi nhanh chóng		
내외규빈 여러분	Quý vị quan khách		
더불어	Với, cùng với		
뜻	Ý nguyện		
마련하다	Chuẩn bị, sắp xếp		
모멘텀	Đà (xuất phát, lợi thế)		
보완하다	Bổ sung, hoàn thiện		
살리다	Phát huy		
새로운 시대	Thời đại mới		
성장잠재력	Tiềm năng phát triển		
우정의 상징	Tượng trưng của tình hữu nghị		
이루어내다	Tạo ra		
자리매기다	Giữ vị trí ổn định		
전부문	Tất cả mọi lĩnh vực		
정부관계자	Quan chức chính phủ		
정진하다	Tiến triển		
조합하다	Kết hợp		

Bài 2.

LỜI CHÀO

(인사 말씀)

1. 오늘 바쁘신 가운데도 불구하고 우리 방문단 일행을 따뜻이 맞아 주신 베트남 수산부 장관님을 비롯한 베트남 수산 분야 기업 관계자 여러분께 진심으로 감사의 말씀을 드립니다. (통역)
2. 오늘 베트남 수산부와 부산시 간 수산분야 교류 협력과 발전적 미래를 위한 의향서를 체결하게 된 것을 부산 시장으로서 무척 기쁘게 생각합니다. (통역)
3. 한국과 베트남은 1992년 수교 이래, 많은 분야에 걸쳐 교류 협력이 활발하게 진행되고 있으며, 특히 수산분야에서 양자는 협력을 통한 상호 발전 가능성이 무척 크다고 생각합니다. (통역)
4. 베트남에서 부산에 수출하는 품목 중 수산 분야 자원이 가장 큰 비중을 차지하고 있으며, 지난해 개최된 부산 국제 수산EXPO에는 베트남의 자비코 (savico) 가 참가하는 등 (v.v.) 최근 수산분야 교류가 활발히 진행되고 있습니다. (통역)
5. 부산의 기술과 자본이 베트남의 풍부한 수산분야 자원과 우수한 인력의 결합을 통해 양자 공히 수산 분야에서 커다란 발전을 기대할 수 있다고 생각합니다. (통역)

6. 오늘 체결하는 수산분야 교류 협력 의향서는 양자가 수산분야 양식, 가공, 유통 기술 협력 등 분야에서 서로 협력하는 계기가 될 것이라고 굳게 믿습니다. (통역)

7. 다시 한번 부산과 베트남간의 수산분야 교류 협력 의향서 체결을 환영하며 Nguyễn Văn A 장관님의 건승과 베트남의 발전 그리고 우리 두 나라의 영원한 우정을 기원합니다. 감사합니다. (통역)

TỪ MỚI

가공하다	Gia công
개최하다	Tổ chức
건승하다	Khoe mạnh
걸치다	Trải qua
결합하다	Kết hợp
계기	Cơ hội, dịp
공히	Cùng nhau
굳게	Vững, chắc chắn
기대하다	Chờ đợi
맞아주다	Đón tiếp
분야	Lĩnh vực
불구하다	Bất chấp, mặc dù
비중	Tỷ trọng
상호	Tương hỗ, cùng
수교하다	Thiết lập quan hệ ngoại giao

수산 분야 자원	Tài nguyên lĩnh vực thủy sản
수산부 장관님	Ngài bộ trưởng Bộ thủy sản
수산분야	Lĩnh vực thủy sản
시장으로서	Với tư cách là thị trưởng
양식	Nuôi (cá...)
양자	Hai bên
우정	Tình bạn, tình hữu nghị
유통	Lưu thông
의향서	Bản thỏa thuận, bản ghi nhớ
의향서 체결	Ký kết bản ghi nhớ
아래	Đến nay
일행	Đoàn, nhóm
자본	Vốn
자원	Tài nguyên
차지하다	Chiếm giữ, giữ
체결하다	Ký kết
커다랗다	To lớn, lớn lao
품목	Hạng mục, hàng hóa
활발하다	Sôi nổi

Bài 3.

BÀI CHÀO MỪNG

(인사말)

- 존경하는 ooo 인민위원회 Nguyễn Văn A 부시장님 및 부서장님. 호치민 총영사관 흥기동 총영사님, 대한상공회의소 흥기동 부회장님. (통역)
- 그리고 바쁘신 중에도 귀중한 시간을 내어 오늘 진출기업 환경 개선을 위한 경영지원교류회에 참석해 주신 기업인들에게 감사의 말씀을 드립니다. (통역)
- 잘 아시는 바와 같이, 한-베 양국은 1992년 수교 이후 경제중심의 공고한 관계발전을 토대로 이제는 신의에 기반을 둔 특별한 협력관계로 심화 발전되고 있습니다. (통역)
- 1992년 수교 당시와 비교할 때, 지난해 양국 교역 액은 60배 이상 증가한 303억불을 달성하였으며, 한국의 대 베트남 투자 역시 현재 450배 이상 증가한 434억불에 달하고 있습니다. 이로써 한국은 베트남 내 실질적인 최대 투자국으로 자리매김하였으며, 4천여개 이상의 한국기업이 백만명 이상의 베트남인을 고용하여 베트남의 경제발전과 번영에 기여하고 있습니다. (통역)

5. 이와 같은 양국 관계 발전의 원동력은 어려운 환경에서 혼신의 힘을 다하여 경영에 임하는 한국 기업인 여러분들과 오늘의 경영지원 교류회와 같은 간담회 등 다양한 경로를 통해 베트남 정부가 기업의 어려움을 직접 듣고, 개선하고자 하는 의지 (ý chí) 와 적극적인 협력이 있었기에 가능하였다고 확신합니다.(통역)
6. 우리 진출기업은 어려운 환경 속에서도 성공적인 기업 경영을 위해 최선을 다할 뿐만 아니라 기업의 이익을 나눔의 정신으로 베트남 사회에 환원하기 위한 많은 일들을 하고 있습니다. 그 하나의 예로 2004년 처음 개최하여 올해까지 매년 개최한 코참 자선의 밤 행사를 통해 호치민시, 빈증성, 동나이성, 바리아 봉따우성, 롱안성 장애인 연합회 및 장애아 센터, 1,100명의 백내장 환자 수술비, 불우 심장병 환자 고아, 불우가정 등에게 현금으로 총 130억동, 물품으로 60억동을 전달하였습니다. (통역)
7. 코참은 앞으로도 우리 기업들이 CSR 활동을 원활히 할 수 있도록 이러한 나눔의장을 계속 열어 갈 것입니다. 오늘 이 경영 지원 교류회를 개최하기까지 많은 수고를 하신 관계자 여러분께 깊은 감사를 드리며, 이와 같은 행사가 지속되고 확대될 수 있도록 보다 적극적인 지원을 부탁 드립니다.(통역)
8. 이 자리에 참석하여 주신 모든 분들께 건강과 행운이 함께 하길 바랍니다. 또한 베트남과 한국이 우호협력 관계의 무궁한 발전을 기원합니다. 감사합니다.

TỪ MỚI

간담회	Buổi trao đổi, buổi đối thoại
경로	Con đường, phương thức
공고하다	Vững chắc
기반을 두다	Dựa vào nền tảng
기여하다	Đóng góp
나눔	Sự chia sẻ
달성하다	Đạt được
당시	Đương thời, lúc đó
대한상공회의소	Phòng thương mại và công nghiệp Hàn Quốc
무궁한 발전	Sự phát triển vô tận
백내장 환자 수술비	Chi phí phẫu thuật cho bệnh nhân đục thủy tinh thể
번영	Sự phồn vinh
불우가정	Gia đình khó khăn
신의	Chữ tín, sự tin tưởng
실질적이다	Có tính thực tế
심장병 환자	Bệnh nhân bệnh tim
심화 발전	Phát triển theo chiều sâu
양국 교역 액	Kim ngạch giao dịch hai nước
연합회	Liên hiệp, hiệp hội
우호협력 관계	Quan hệ hợp tác hữu nghị
원동력	Động lực

자리매김하다	Giữ vị trí ổn định
장	Sân chơi
적극적인 지원	Sự hỗ trợ tích cực
코참 자선의 밤 행사	Chương trình đêm từ thiện Kocham
토대	Nền tảng
혼신의 힘	Tất cả mọi sức lực
확신하다	Tin tưởng chắc chắn
환경 개선	Cải thiện môi trường
환원하다	Hoàn nguyên

Bài 4.

LỜI CHÀO

(인사말씀)

- 신 짜오~! 존경하는 공과대학 Nguyễn Văn A 부총장님, Nguyễn Văn B 교수님을 비롯한 대학 관계자 여러분, 아침 일찍부터 저희들을 이렇게 환대해 주셔서 감사드립니다. 방금 전 아름다운 공과대학 교정을 들어오면서 학생들의 모습을 보았습니다. 베트남의 미래가 이곳에서 시작되지 않나 생각합니다. (통역)
- 공과대학으로 알려진 베트남 국립대학 중 최고의 공과대학인 KDIA 와 공동으로 MOU를 체결하게 된 것은 의미가 큽니다. IT 분야에서 KDIA와 함께 공과대학 학생들의 발전과 교수님들의 협력 사업을 위해 노력할 것입니다. (통역)
- 우리대학 IT Display 분야 학과들을 학교 주변에 있는 삼성전자 또는 협력업체들과 공동으로 연구하거나 현장실습 경험을 하게 됩니다. 기능하면 공과대학생들도 함께 경험할 수 있기를 희망합니다. (통역)
- 제가 대학원장을 맡고 있는 법과학대학원, Forensic Science 분야는 한국에 하나 밖에 없는 프로그램입니다. 졸업 후에는 경찰에 특별 채용 되어 현장 과학수사,

crime scene investigation 요원으로 활동합니다. 공과대학의 화학공학과, 컴퓨터학과, 재료공학과 또는 IT 분야에서 공부하는 학생이라면 지원 가능합니다. 베트남 치안문제를 해결하는 전문 인재로 성장할 수 있도록 돕겠습니다. (통역)

- 오늘 이 자리가 우리 두 대학이 공식적인 업무를 추진하는 첫 번째 자리입니다만, 이미 우리는 오랜 친구가 된 느낌입니다. 앞으로 지속적으로 함께 발전하는 사이가 되길 기원합니다. 감사합니다. 신 캄언!. (통역)

TỪ MỚI

공과대학	Trường Đại học Bách Khoa
공동	Cùng, chung
공식적	Có tính chính thức
교정	Cổng trường
대학원장	Viện trưởng viện sau đại học
재료공학과	Khoa công nghệ vật liệu
전문 인재	Nhân tài chuyên môn
치안문제	Vấn đề an ninh
특별 채용	Tuyển dụng đặc biệt
현장 과학수사	Điều tra khoa học hiện trường
현장실습 경험	Kinh nghiệm thực tập tại nhà máy
협력업체	Các công ty cùng hợp tác
환대하다	Chào đón

Bài 5.

BÀI PHÁT BIỂU KHAI TIỆC TỐI

(만찬사)

- 존경하는 Nguyễn Văn A 호치민시 인민위원회 부위원장님, Nguyễn Văn B 베트남 국립 호치민대학교 총장님, 홍기동 한국반도체산업협회 부회장님, 홍기동 세미컨덕터 사장님을 비롯한 강사님들, 그리고 내외 귀빈 여러분. (통역)
- 반도체 산업이라는 다소 어려운 주제로 진행된 이틀간의 워크샵에 끝까지 참여해 주신 참가자 여러분들 수고 많으셨습니다. (통역)
- 이번 워크샵을 통해 양국간 본격적인 반도체산업 발전에 있어서 작지만 중요한 발걸음을 뗄었다고 생각합니다. 한국의 서울대학교 반도체연구소와 호치민국립대간 MOU를 체결하여 양 대학간 반도체 인력양성을 위한 협력을 마련했고, 한국 반도체산업협회 부회장님의 방문으로 양국 반도체산업협회간 교류도 더욱 확대될 것이라 기대합니다. (통역)
- 저는 오늘 워크샵이 단순히 하나의 행사로 아니라 반도체산업 발전 뿐 아니라 첨단산업 분야에서 양국이 전략적 동반자 관계를 확대해 나가기 위한 중요한 초석이라고 될 것이라 확신합니다. (통역)

5. 이번 워크샵에서 끝까지 자리를 함께하시고 격려해 주신
Nguyễn Văn A 부위원장님께 감사의 말씀 드립니다.
그리고 Nguyễn Văn C 호치민시 ICT 국장님 및 관련
직원 여러분, 교수님들께도 다시 한번 감사드립니다.
(통역)

TỪ MỚI

격려하다	Khích lệ
국립 호치민 대학교 총장	Giám đốc Đại học Quốc gia TP. HCM
다소	Ít nhiều
본격적이다	Thực sự ào ạt, rầm rộ
인력양성	Đào tạo nhân lực
인민위원회 부위원장	Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân
전략적 동반자 관계	Quan hệ đối tác chiến lược
첨단산업 분야	Lĩnh vực công nghệ cao
초석	Nền tảng đầu tiên
한국반도체산업협회 부회장	Phó chủ tịch Hiệp hội công nghiệp bán dẫn Hàn Quốc

Bài 6.

BÀI PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG

(개회사)

1. 오늘 워크숍을 위하여 수고해 주신 다낭 사회·경제발전
연구소 (DISED)의 ooo 본부장님, ooo 실장님, ooo
연구원님, ooo 연구원님께 진심으로 감사드립니다.
여러 귀한 분들을 모시고 저희 KEI에서 주최하는 “제2
차 한-베트남 역량강화 프로그램”을 개최하게 된 것을
매우 기쁘게 생각합니다.(통역)
2. KEI 와 DISED는 2015 제1차 한-베트남 국제환경평가
워크숍을 시작으로 올해 제2차 워크숍을 추진하게
되었습니다. 이에 따라 양기관의 환경영향평가분야의
상호 정보 교류와 협력은 보다 활발히 이루어지고
있습니다.(통역)
3. 이번 워크숍에서는 특히 한국 세종시 마스터플랜 사례를
통해 다낭시 도시개발 시 친환경성을 확보하기 위한
환경평가의 역할과 방향을 모색하고자 합니다. 또한
산업 단지 발전에 대한 환경영향평가 절차 및 대기질,
수질에 대한 정량적 평가 기법을 전수하고자 합니다.
(통역)
4. 뿐만 아니라 DISED 및 이번 워크숍에 참석하신
분들과의 지속적인 교류와 협력을 통해 환경보전을 위한

국제협력체계를 구축하고, 나아가 아시아 지역 개발의 환경영향평가 발전을 위한 국제적 노력을 함께하고자 합니다. 이를 위하여 진지하고 열띤 토론의 자리가 될 수 있도록 여기 참석해 주신 여러분들께서 적극 동참하여 주시기를 부탁드립니다. (통역)

5. 다시 한번 국제포럼에 함께 해 주신 여러분께 감사의 말씀을 드리며, 모든 분들께 의미 있는 워크숍이 되기를 바랍니다. 감사합니다.(통역)

TỪ MỚI

구축하다	Xây dựng, tạo dựng
국제포럼	Diễn đàn quốc tế
국제협력체계	Hệ thống hợp tác quốc tế
대기질	Chất lượng khí quyển
동참하다	Cùng tham gia
마스터플랜	Kế hoạch tổng thể
모색하다	Tìm tòi, nghiên cứu
사례	Ví dụ điển hình
수질	Chất lượng nước
양기관	Hai cơ quan
역량강화	Tăng cường năng lực
역할	Vai trò, nhiệm vụ
연구소	Viện nghiên cứu
열띠다	Sôi nổi
워크숍	Buổi hội thảo

절차	Trình tự, thủ tục
정량적	Tính định lượng
주최하다	Chủ trì, tổ chức
진지하다	Thận trọng, nghiêm túc
추진하다	Xúc tiến
확보하다	Bảo đảm
환경보전	Giữ gìn môi trường
환경영향평가	Đánh giá tác động môi trường

Bài 7.

BÀI PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG

(축사)

1. 신 짜오! 안녕하십니까? 저는ooo 호치민 상무관입니다. 한국과 베트남 경제협력의 상징, 한-베 인큐베이터파크 조성사업의 사업을 마무리 짓는 워크샵의 개최를 진심으로 축하드립니다. (통역)
2. 오늘 뜻깊은 자리를 함께 해 주신 Nguyễn Văn A 부시장님, ooo 한국산업기술진흥원 국제협력단장님, ooo 한국생산기술연구원 국제협력부장님, 개소식 준비에 애써 주신 관계자 여러분, 그리고 특히 이번 행사를 위해 참석해 주신 국내 기업체 분들과 베트남의 기업체 분들께 감사말씀 드립니다. (통역)
3. 내외 귀빈 여러분, 저는 베트남에서 상무관으로 재직하며, KVIP의 수립과정을 초기부터 지켜 보았습니다. KVIP의 착공을 축하했던 기억이 아직 생생한데 벌써 시간이 이렇게 지나 건물이 준공되고, 장비가 구축되고, 많은 기업들이 입주를 진행하고 있습니다. (통역)
4. 2012년부터 올해까지 진행된 한-베 인큐베이터파크 조성사업은 그동안 단순한 기초적 시설을 제공하는 데에 집중했던 ODA사업들과는 달리 한국형 인큐베이터파크의 설립과 시스템, 노하우를 전수하였습니다. (통역)

5. 향후 KVIP를 거쳐갈 수많은 기업들이 베트남의 발전에 크게 이바지할 수 있을 것입니다. 이 모든 결과물은, 본 사업의 성공적인 수행을 위해 한결같이 힘써 주신 한국생산기술연구원, 한국산업기술진흥원, 꺼너시 관계자분들, 그리고 KVIP 직원들의 노력이 있었기 때문일 것입니다. (통역)
6. 잘 아시다시피 한국과 베트남의 관계는 그 어느 때보다도 가까워진 상태입니다. 베트남은 한국의 3대 교역국 중 하나로 부상하였고 올해 5월 한-베 FTA가 서명되는 등 양국의 협력관계는 더욱 더 두터워졌습니다. (통역)
7. 부디 KVIP가 그동안 양국이 쌓아온 우정의 상징으로 거듭나고 꺼너시의 지역경제를 활성화시킴과 동시에 양국 경제협력을 더욱 발전시킬 수 있는 무대로 더욱 발전해 나가기를 바랍니다. (통역)
8. 금년 8월로 본 사업은 종료되지만, 앞으로 KVIP를 운영해 나가실 꺼너시 관계자분들과 KVIP 임직원분들의 변함없는 관심과 열정을 부탁드립니다. (통역)
9. 또한 오늘 정식으로 설립되는 KVIP 입주 한국기업 협의회에 대한 지속적인 관심과 지원 역시 부탁드립니다. 마지막으로 함께 하신 모든 분들의 건강과 행복을 기원합니다. 신 깜 언! 감사합니다. (통역)

TỪ MỚI

구축되다	Được xây dựng
노하우	Bí quyết
두터워지다	Trở nên sâu đậm, bền chặt
뜻깊다	Có ý nghĩa sâu sắc
마무리	Sự hoàn tất, hoàn thành
변함없다	Không thay đổi, bất biến
부상하다	Nỗi trội lên, nổi bật lên
상징	Sự tượng trưng
수립과정	Quá trình thành lập
애쓰다	Cố gắng, gắng sức
우정	Tình hữu nghị
인큐베이터파크	Incubator Park (Vườnươm công nghệ công nghiệp)
입주하다	Vào ở, vào sử dụng
재직하다	Đương nhiệm, đảm nhận vị trí
전수하다	Truyền thụ, chuyển giao
조성사업	Dự án xây dựng
준공되다	Được hoàn công
지켜보다	Xem xét, theo dõi
착공	Khởi công
한결같이	Trước sau như một, không thay đổi
한국산업기술진흥원	Viện phát triển công nghệ Hàn Quốc

한국생산기술연구원	Viện nghiên cứu kỹ thuật sản xuất Hàn Quốc
한국형	Mô hình Hàn Quốc
향후	Sắp tới, trong tương lai

Bài 8.

BÀI PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG KHAI MẠC HỘI THẢO (워크숍 개회사)

1. 안녕하십니까. 저는 한국생산기술연구원 국제협력부장 홍기동입니다. 한-베 인큐베이터파크 조성사업의 총괄책임자를 맡고 있습니다. (통역)
2. Nguyễn Văn A 껌티시 부인민위원장님, ooo 상무관님, ooo 단장님, 그리고 행사 개최를 위해 관계자 여러분과, 특별히 이번 행사를 위해 참석해 주신 국내 기업체 분들과 베트남의 기업체 분들께도 감사의 말씀을 드립니다. (통역)
3. 한국생산기술연구원이 주관기관으로 2012년부터 추진해 온 한베인큐베이터 파크사업 (KVIP)이 이번 달을 마지막으로 사업이 종료될 예정입니다. (통역)
4. 그간 이 사업이 성공적으로 마무리 될 수 있도록 많은 지원과 노력을 함께 해주신 껌티시 시장님, 부시장님, 실무자 분들께 감사의 말씀을 드립니다. (통역)
5. 아시는 바와 같이 KVIP는 한국과 베트남 양국가적으로도 중요한 사업으로 시작 되었습니다. (통역)

6. 하지만 베트남에게는 개념조차 생소한 인큐베이터파크 사업을 추진하는 것은 결코 쉽지 않은 일이었고, 주관기관인 생기원으로서도 늘 큰 부담과 어려움도 많이 있었습니다. (통역)
7. 사업 진행과정에서 상호 시행착오도 있었고, 입장 차이도 있었지만 양국 실무자들 간에 견고하게 맺어진 상호 신뢰를 바탕으로 그간 어려운 일들을 슬기롭게 해결해 올 수 있었다고 생각합니다. (통역)
8. 오늘 최종 워크숍은 그간의 노력과 성과를 함께 되돌아보고, 향후 KVIP가 더욱 활성화 될 수 있는 방안에 대해서도 고민해 보는 의미 있는 자리입니다. (통역)
9. 향후 한베 인큐베이터파크가 양국간 산업기술협력의 대표적인 성공 사례로 더욱 발전할 수 있도록 좋은 제안과 논의를 많이 해 주시기를 바랍니다. (통역)
10. 마지막으로, 이 자리에는 인큐베이터파크에 입주하게 될 기업대표 분들도 함께 하고 계십니다. (통역)
11. 오늘 워크숍을 통해 향후 기업들이 입주해서 불편 없이 성공적으로 사업을 하실 수 있는 방안에 대해서도 함께 고민해 주시고, 껌티시측에서 적극적으로 지원해주시길 부탁드립니다. 감사합니다 (통역)

TỪ MỚI

견고하다	Kiên cố
결코	Tuyệt đối (không)

맺어지다	Được gắn kết
바탕	Nền tảng
생소하다	Lạ lầm, mới mẻ
슬기롭다	Khôn ngoan, tinh nhanh
시행착오	Trải nghiệm sai từ việc thực hiện
실무자	Người phụ trách
조성사업	Dự án xây dựng
총괄책임자	Người đảm nhận trách nhiệm tổng thể
한-베 인큐베이터파크	Vườn ươm Hàn Việt
활성화하다	Thúc đẩy

Bài 9.

HƯỚNG DẪN SINH HOẠT

(생활안내)

1. Xin chào (chào đón, hoan nghênh) các bạn đã đến Việt Nam. Chuyến đi dài chắc chắn và lắm phải không? (phiên dịch)
2. Việt Nam bây giờ là 4h chiều, chậm hơn Hàn Quốc 2 tiếng. Sau đây tôi sẽ nói về lịch trình tham quan Việt Nam của chúng ta. Chúng ta sẽ ở Việt Nam trong vòng 2 ngày, ngày 23 và 24 tháng 6. Trước tiên tôi sẽ nói về lịch trình ngày 23. (phiên dịch)
3. 10h sáng, chúng ta sẽ xuất phát và thăm Trường Cao đẳng nghề TP.HCM. Có 30 học sinh Trường Đại học Kyongdong và 30 học sinh trường đại học Việt Nam sẽ tham gia chương trình này. (phiên dịch)
4. Hai giáo sư Trường Đại học Kyongdong sẽ đi cùng, ở Trường Cao đẳng nghề TP.HCM sẽ có thầy hiệu phó và một số nhân viên, giảng viên sẽ tham dự. (phiên dịch)
5. Từ 10-11h, sẽ có chương trình giao lưu văn hóa, các học sinh Hàn Quốc sẽ biểu diễn võ Taekwondo, Kpop, Samulnori, v.v... Học sinh Việt Nam sẽ trình diễn các trò chơi dân tộc như võ Việt Nam v.v... (phiên dịch)

6. Từ 11h, chúng ta chia làm ba nhóm, mỗi nhóm có 10 người, sẽ vào 3 lớp và dạy tiếng Hàn cho học sinh Việt Nam. (phiên dịch)
7. Đại đa số sinh viên Việt Nam không biết tiếng Hàn nên chúng ta chỉ dạy tiếng Hàn cơ bản như chào hỏi, cảm ơn v.v... (phiên dịch)
8. Từ 12h đến 13h30 là thời gian ăn cơm trưa, chúng ta sẽ ăn tại căn tin của trường đại học với sinh viên Việt Nam. (phiên dịch)
9. Từ 13h30 đến 15h là chương trình giao lưu. (phiên dịch)
10. Chương trình sẽ kết thúc lúc 15h20, chúng ta sẽ chụp ảnh kỷ niệm tại cổng trường. Sau đó các bạn về khách sạn nghỉ ngơi. Buổi tối, sau khi ăn cơm tối, chúng ta có thể đi tham quan Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy với các bạn Việt Nam. (phiên dịch)
11. Tiếp theo, tôi sẽ nói lịch trình ngày 24/6. Lúc 8h, chúng ta sẽ ăn sáng ở khách sạn, nhớ đừng đến muộn. 9h, chúng ta sẽ xuất phát và đến trường Kanata lúc 9h30. Từ 9h30 đến 10h30 sẽ có giao lưu văn hóa. (phiên dịch)
12. Học sinh ở đây đều đang học tiếng Hàn nên chúng ta có thể sử dụng tiếng Hàn. Buổi trưa chúng ta sẽ ăn trưa ở nhà hàng bên ngoài với các món ăn truyền thống Việt Nam. Chúng ta sẽ di chuyển đến nhà hàng bằng xe buýt. (phiên dịch)
13. Từ 14h đến 16h30, chúng ta sẽ sửa phát âm cho học sinh của Kanata, mong các bạn làm tốt. (phiên dịch)
14. 16h30, chúng ta sẽ chụp hình kỷ niệm và xuất phát từ Kanata, nhớ trao đổi quà với các bạn học sinh Việt Nam. Trước khi chia tay, nhớ lấy địa chỉ liên lạc. (phiên dịch)
15. Buổi tối chúng ta sẽ ăn món ăn Việt nam ở ngoại thành, có thể là món phở. (phiên dịch)
16. Trong thời gian ở Việt Nam, nhớ giữ gìn sức khỏe, cẩn thận khi đi xe máy và nếu có vấn đề gì thì báo ngay cho trưởng đoàn. Đặc biệt, không đi ra ngoài sau 10h tối, không đi ra ngoài một mình, hạn chế ăn các món ăn ngoài đường. Không lái xe máy vì rất nguy hiểm. Hộ chiếu, tiền bạc nên bảo quản ở khách sạn. Khi di bộ, cẩn thận túi xách, ví tiền, cẩn thận khi sang đường vì giao thông Việt Nam rất phức tạp. (phiên dịch)
17. Ở khách sạn, có wifi nên có thể liên lạc với gia đình khi cần thiết. Các bạn còn câu hỏi nào nữa không, nếu không còn thì bắt đầu check in và 1 tiếng đồng hồ sau tập hợp lại tại đây. (phiên dịch)
18. Số xe của chúng ta là 51a- 913-19... và số điện thoại của người hướng dẫn đoàn là 0913-101-789. Cảm ơn các bạn. (phiên dịch)

TỪ MỚI

Căn tin của trường	교내식당
Chương trình	행사, 일정
Di chuyển	이동하다
Đi cùng	동행
Hạn chế	삼가하다
Hướng dẫn	가이드하다
Lái xe	운전하다
Lịch trình	일정
Sửa phát âm	발음교정하다
Tiếp theo	계속해서, 이어서, 그리고
Thầy hiệu phó	부총장님
Trao đổi	교환하다
Trường cao đẳng nghề	직업전문대학교

Bài 10.

KỊCH BẢN HỘI THẢO BÁN DẪN

(반도체)

1. Xin chào tất cả quý vị, cảm ơn quý vị đã tham gia Hội thảo công nghiệp bán dẫn Việt Nam - Hàn Quốc. Sau đây là nội dung tóm tắt chương trình hội thảo ngày hôm nay. (phiên dịch)
2. Hội thảo lần này được tổ chức tại khách sạn Rex, Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 2 ngày từ ngày 9 đến 10-10-2014. Chương trình của chúng ta sẽ tiến hành trong vòng 1 ngày, buổi sáng từ 8h đến 12h, chiều từ 1h đến 5h, ngày tiếp theo di tham quan hiện trường. (phiên dịch)
3. Mục đích của hội thảo lần này là cùng chia sẻ kinh nghiệm chế tạo mạch bán dẫn của Việt Nam và Hàn Quốc, nâng cao sự hiểu biết về trình sản xuất mạch bán dẫn cho các doanh nghiệp và viên chức Việt Nam. Tìm các phương án để các giáo sư của các trường đại học, doanh nghiệp Hàn Quốc cùng hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực mạch bán dẫn. (phiên dịch)
4. Cơ quan chủ quản của buổi hội thảo lần này là Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, Viện

- nghiên cứu bán dẫn Seoul, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp theo, xin giới thiệu các chủ đề của hội thảo ngày hôm nay. (phiên dịch)
5. Trước tiên, chúng ta tìm hiểu về lịch sử phát triển, qui trình sản xuất mạnh bán dẫn v.v... Tiếp theo, Viện trưởng Viện nghiên cứu bán dẫn Seoul sẽ giới thiệu về qui trình đào tạo nhân lực bán dẫn. Phần thứ 3 là các đề án chiến lược để tham gia vào ngành công nghiệp bán dẫn. (phiên dịch)
 6. Và một doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc sẽ giải thích về phương án xây dựng nhà máy bán dẫn. Cuối cùng, một diễn giả đến từ Hàn Quốc sẽ giới thiệu các chính sách hỗ trợ của chính phủ và lịch sử phát triển của ngành công nghiệp bán dẫn của Hàn Quốc. (phiên dịch)
 7. Phía Hàn Quốc quan tâm các lĩnh vực sau: 1. Chương trình đào tạo nhân lực, bồi dưỡng giáo viên. 2. Các chính sách phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. 3. Hỗ trợ của nhà nước về ngành công nghiệp bán dẫn. (phiên dịch)
 8. Thành phần tham dự chương trình hôm nay sẽ bao gồm các giáo sư đại học Seoul, giáo sư đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện các doanh nghiệp bán dẫn Hàn Quốc và Việt Nam, đại diện của các sở ban ngành của Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện của viện nghiên cứu Seoul Hàn Quốc, Hiệp hội bán dẫn Hàn Quốc v.v... (phiên dịch)
 9. Trước tiên, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông đọc lời phát biểu khai mạc. Mời ông lên sân khấu. Cảm ơn ông. Tiếp theo, xin mời Phó chủ tịch Hiệp hội bán dẫn Hàn Quốc sẽ đọc lời chào mừng. Cảm ơn ông. (phiên dịch)
 10. Bây giờ chúng ta sẽ di vào phần nội dung hội thảo hôm nay. Trước tiên, giáo sư Kim Yong Duk sẽ phát biểu phần một. Sau đó, chúng ta sẽ nghỉ giải lao trong vòng 10 phút, bên ngoài đã chuẩn bị trà và cà phê, mời quý vị thưởng thức và 9h40 chúng ta sẽ lại bắt đầu. (phiên dịch)
 11. Và như vậy là chương trình sáng hôm nay của chúng ta đến đây kết thúc, chiều nay chúng ta sẽ lại bắt đầu lúc 1h. Chúc quý vị có buổi cơm trưa ngon miệng. Quý vị nào chưa có phiếu ăn hãy gặp nhân viên chúng tôi để nhận. Cơm trưa sẽ ăn tại nhà hàng tầng 2 của khách sạn. (phiên dịch)
 12. Nào, chúng ta lại bắt đầu chương trình chiều hôm nay. Mời giáo sư Park Yong Kwan sẽ phát biểu phần hai. Và như vậy, những người tham gia (diễn giả) đã phát biểu phần nội dung chuẩn bị của mình. (phiên dịch)
 13. Cuối cùng chính là thời gian hỏi đáp, quý vị có câu hỏi nào xin mời đặt câu hỏi. Khi đặt câu hỏi, mong quý vị giới thiệu tên, tuổi, nơi làm việc, và nếu không có thời gian, mong quý vị viết vào phiếu và gửi cho chúng tôi, chúng tôi sẽ trả lời sau khi nghiên cứu. (phiên dịch)

14. Chương trình hội thảo chúng ta đến đây kết thúc, xin cảm ơn các giáo sư, diễn giả đã trình bày các nội dung thú vị. Một lần nữa xin cảm ơn quý vị đã tham gia đến cuối cùng, và chúc quý vị sức khỏe, thành đạt. Rất mong có cơ hội gặp lại quý vị. (phiên dịch)
15. Sáng ngày mai, chúng ta sẽ xuất phát tại khách sạn lúc 8h sáng, đi thăm khu công nghệ cao ở quận 9, và sẽ trở về khách sạn vào lúc 5h chiều. Trước khi ra về, tất cả chúng ta sẽ chụp hình kỷ niệm, rất mong tất cả lên sân khấu. Xin cảm ơn. (phiên dịch)

TỪ MỚI

Bán dẫn	반도체
Bồi dưỡng	양성하다
Các doanh nghiệp	기업들
Công nghiệp	산업
Cuối cùng	마지막으로
Bài chúc mừng	축사
Chế tạo	제조하다
Chia sẻ	공유하다
Chính sách hỗ trợ	지원정책
Chủ quản	주관
Chúc	기원하다
Chương trình	행사
Diễn giả	연사

Đại diện các doanh nghiệp	기업 대표
Đại diện của các sở ban ngành	관련부서의 대표
Đào tạo nhân lực	훈련 교육
Để	위한
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	우정통신청 청장님
Hiểu biết	이해하다
Hỏi đáp	질문과답변
Hỗ trợ	지원하다
Hội thảo	세미나
Hợp tác	협력하다
Kết thúc	마무리하다
Khai mạc	개막사
Khu công nghệ cao	첨단단지/ 하이테크단지
Lĩnh vực	분야
Mong muốn	기대하다
Nâng cao	제고하다
Nơi làm việc	근무처
Nghiên cứu	검토하다
Nhà máy	공장
Phát biểu	프리젠테션하다
Phiếu	종이
Phiếu ăn	식권

Phó chủ tịch	부회장
Qui trình	공정
Qui trình đào tạo	양성과정
Qui trình sản xuất	생산공정
Sân khấu	무대
Sở Thông tin và Truyền thông	우정통신청
Tìm	모색하다
Tổ chức	개최하다
Tham gia	진입하다
Tham quan hiện trường	현장시찰
Thành đạt	성공하다
Thành phần tham dự	참여자
Trình bày	발표하다
Và như vậy	그럼으로
Viên chức	공무원

Bài 11.

HỢP ĐỒNG MUA BÁN (Dịch nói) (매매계약서)

Sau đây, tôi xin tóm tắt HỢP ĐỒNG MUA BÁN giữa hai công ty chúng ta. (phiên dịch)

1. Công ty Việt Hàn, sau đây gọi là A, và công ty thương mại Đại Hàn, sau đây gọi là B, thỏa thuận liên quan đến việc mua bán sản phẩm được ghi tại điều 1. (phiên dịch)
2. Sản phẩm: Tên sản phẩm là máy vi tính, đơn giá là 820 USD/cái, được sản xuất tại Hàn Quốc. Số lượng 1000 cái (phiên dịch)
3. Thanh toán: Cùng lúc với ký hợp đồng này, bên A sẽ chi trả trước 30.000 USD là 50% tổng giá trị hợp đồng, số tiền còn lại sẽ được chi trả sau khi hàng về đến Việt Nam và bán hết. (phiên dịch)
4. Trách nhiệm bồi thường: Trong trường hợp không bàn giao sản phẩm như cam kết, chất lượng sản phẩm kém, số lượng thiếu, bao gói hư hỏng, và khách hàng có yêu cầu bồi thường do những thiệt hại này gây ra thì bên B phải bồi thường tất cả chi phí và thiệt hại phát sinh. (phiên dịch)

5. Sau khi nhận được thông báo từ khách hàng về những khiếu nại trên, bên A phải thông báo bằng văn bản cho bên B biết, bên B phải tiến hành đàm phán với bên A để giải quyết vấn đề này. (phiên dịch)
6. Cam kết đặc biệt: Những nội dung không qui định trong hợp đồng này có thể quyết định bằng sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Những nội dung không thể thỏa thuận thì căn cứ vào tập quán thương mại được thừa nhận chung để giải quyết. (phiên dịch)
7. Để chứng minh và xác nhận nội dung trên, hợp đồng này được làm thành hai bản, sau khi bên A và bên B ký tên, mỗi bên giữ một bản. (phiên dịch)

TỪ MỚI

Bao gói hư hỏng	포장 불량
Bằng	로
Cái	개당
Cam kết	서약
Cam kết đặc biệt	특약
Căn cứ vào tập quán thương mại	일반적으로 인정되는
được thừa nhận chung	상관례에 의해
Cùng lúc với	와동시에
Chất lượng sản phẩm kém	품질 불량
Điều	조
Được ghi	기록되다

Làm thành hai bản	2 통을 작성하다
Khiếu nại	크레임
Mỗi bên giữ một bản	각각 1통씩 보관하다
Những thiệt hại phát sinh do điều này gây ra	이로 인해 발생한 손해
Sản xuất	제조하다
Số lượng thiếu	수량 부족
Số tiền còn lại	남은 금액
Tên sản phẩm	제품명
Tiến hành đàm phán	상의하다, 협의하다
Thanh toán	대금 결제
Thỏa thuận như sau	다음과 같이
Trách nhiệm bồi thường	보상책임

Bài 12.

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ (Dịch nói)

(주택임대계약서)

- Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Bản hợp đồng thuê và cho thuê. Hôm nay, tại phòng công chứng Tân Thuận, chúng tôi gồm. (phiên dịch)
- Bên A, bên cho thuê, ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1976, số chứng minh nhân dân 028382xxx, và bà Trương Thị B, sinh năm 1980, số chứng minh nhân dân 394939xxx, địa chỉ cư trú: 4xx/16, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. (phiên dịch)
- Bên B, bên thuê nhà, ông Kim Myong Hwan, quốc tịch Hàn Quốc, sinh năm 1961, hộ chiếu số 39492xx, Bộ ngoại giao thương mại Hàn Quốc cấp, hiện nay đang cư trú tại số 9xx/78 đường Trường Chinh, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (phiên dịch)
- Người phiên dịch là ông Trần Nam X, sinh năm 1983, quốc tịch Việt Nam, hiện cư trú tại quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (phiên dịch)

- Hai bên thỏa thuận thuê và cho thuê như sau. (phiên dịch)
- Điều 1: Đối tượng của hợp đồng này là căn nhà tại số 2xx, đường 3/2, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (phiên dịch)
- Tiền thuê là 30 triệu đồng/tháng, số tiền này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá thuê trên không bao gồm tiền điện, tiền nước máy, truyền hình, phí internet, phí quản lý, phí vệ sinh, thuế thu nhập cá nhân, v.v... Các chi phí trên do bên B trực tiếp chi trả cho công ty cung cấp dịch vụ. (phiên dịch)
- Bên B trả tiền thuê nhà cho bên A trước ngày 11 dương lịch hàng tháng. Bên B có thể trả bằng tiền mặt hoặc có thể chuyển khoản vào tài khoản của bên A. (phiên dịch)
- Để đảm bảo thực hiện hợp đồng này, bên B giao cho bên A một khoản tiền đặt cọc là 50 triệu đồng, số tiền này sẽ trả lại cho bên B khi kết thúc hợp đồng, tuy nhiên nếu bên B chưa trả tiền thuê nhà, hoặc có các chi phí phát sinh như tiền điện, tiền nước v.v... thì sẽ khấu trừ từ số tiền này. (phiên dịch)
- Điều 2: Thời gian hợp đồng và mục đích thuê: Thời gian thuê của hợp đồng là 2 năm kể từ ngày ký, mục đích thuê của hợp đồng là để ở. (phiên dịch)
- Điều 3: Quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi bên sẽ được ghi rõ trong phụ lục được đính kèm. (phiên dịch)

12. Điều 4: Trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết, nếu không được sẽ đưa ra tòa án địa phương để giải quyết, và phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng, các bên sẽ phải tuân thủ. (phiên dịch)
13. Trường hợp một bên gây thiệt hại cho bên kia, hoặc cho bên thứ ba, thì có trách nhiệm bồi thường. (phiên dịch)
14. Hợp đồng này được làm thành 2 bản bằng tiếng Việt và tiếng Hàn, có giá trị tương đương nhau, tuy nhiên tiếng Việt sẽ được ưu tiên. (phiên dịch)
15. Hai bên đã đọc và hiểu rõ nội dung của hợp đồng này, hợp đồng này phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản thì tuyệt đối không thể thay đổi nội dung hợp đồng này. (phiên dịch)

TỪ MỚI

Bản hợp đồng thuê và cho thuê	임차임대 계약서
Bên	측
Bên kia	상대방
Bên thứ ba	제삼자
Bộ ngoại giao	외교통상부
Bồi thường	배상하다
Tiền thuê nhà	임대료, 집세
Căn nhà tại	...에 위치하다

Cấp	발급하다
Cung cấp	제공하다
Cuối cùng	최종
Chi phí	비용
Chi trả	지불하다
Cho thuê	임대
Chuyển khoản	송금하다
Chứng minh nhân dân	주민등록증
Dương lịch	양력
Đăng ký kết hôn	결혼신고서
Để ở	거주용
Điều thứ 1	제1조
Dính kèm	첨부
Gây thiệt hại	피해을 입히다
Ghi rõ	명기하다
Giải quyết	해결
Giao	예치하다
Hợp đồng	완료하면
Kèm	첨부
Khẩu trừ	공제
Mỗi bên	각자
Nghĩa vụ	의무
Ông	씨

Phí quản lý	관리비	Thuế thu nhập cá nhân	개인소득세
Phí truyền hình	수신료	Thực hiện	이행
Phòng công chứng	공증사무소	Thương lượng	합의
Phụ lục	부록	Trả lại cho bên B	돌려준다
Quá trình	과정	Tranh chấp	분쟁
Quyền hạn	권한	Văn bản	문서
Sinh năm	년생	Vi phạm	위반
Số	번지		
Số tiền	금액		
Tài khoản	계좌		
Tiền đặt cọc	보증금		
Tiền điện	전기세		
Tiền mặt	현금		
Tiền nước máy	수도세		
Tiền thuê	임차료		
Tòa án	법원		
Tòa án có thẩm quyền	관할법원		
Tuân thủ	준수하다		
Tương đương	동등		
Thay đổi	변경		
Thỏa thuận	합의하다, 동의하다		
Thuê	임차		
Thuế giá trị gia tăng	부가가치세		

Bài 13.

KỊCH BẢN MC LỄ KHAI TRƯƠNG

(시나리오)

1. 안내 말씀드리겠습니다. 잠시 후 한 - 베 FTA 활용지원센터 개소식이 시작 될 예정입니다. 본 행사에 참석해 주신 내빈께서는 자리에 착석해 주시기 바랍니다. (통역)
2. 다시 한번 안내 말씀드리겠습니다. 잠시후 한 - 베 FTA 활용지원센터 개소식이 시작될 예정입니다. 본 행사에 참석해 주신 내빈께서는 자리에 착석해 주시기 바랍니다. (통역)
3. 잠시 후 행사를 시작하겠습니다. 자리에서 잠시만 기다려 주시기 바라며, 원활한 진행을 위해 가지고 계신 핸드폰은 진동 또는 매너모드로 바꿔 주시기 바랍니다. (통역)
4. 지금부터 한 - 베 FTA 활용지원센터 개소식을 시작하겠습니다. (통역)
5. 안녕하십니까? 한 - 베 FTA 활용지원센터 개소식 사회를 맡은 KOTRA 홍기동입니다. (통역)
6. 오늘은 2015년 12월 20일 발효된 한 - 베 FTA 효과를 제고하고 양국 기업인들의 활용을 지원하기 위한 한 - 베 FTA 활용지원센터 개소를 기념하는 자리입니다.

이러한 뜻 깊은 자리에 사회를 맡게 되어 기쁘게 생각합니다. (통역)

7. 그럼 오늘 행사를 위해 참석해 주신 귀빈 분들을 소개해드리겠습니다. 한 분 한 분 소개해 드릴 때마다 큰 박수 부탁드리겠습니다. (통역)
8. 먼저 대한무역투자진흥공사 ooo 부사장님께서 참석하셨습니다. (통역)
9. 주호치민 대한민국 총영사관 ooo 총영사님께서 참석하셨습니다. (통역)
10. 대한민국 정부 산업통상자원부 ooo 국장님께서 참석하셨습니다. (통역)
11. KOTRA 호치민무역관 ooo 관장님께서 참석하셨습니다. (통역)
12. 호치민시 인민위원회 ooo 부위원장님께서 참석하셨습니다. (통역)
13. 호치민시 외무국 ooo 대사님께서 참석하셨습니다. (통역)
14. Vietrade 호치민 사무소 ooo 소장님께서 참석하셨습니다. (통역)
15. 호치민투자무역진흥센터 ooo 센터장님께서 참석하셨습니다. (통역)
16. 사이공하이테크파크관리위원회 ooo 부관리위원장님께서 참석하셨습니다. (통역)

17. 그 외 참석해 주신 모든 분들께 진심으로 감사의 말씀을 드립니다.(통역)
18. 그럼 개소식 행사에 앞서 한 - 베FTA 의미 및 그간 양국의 경제협력 발자취에 대한 동영상을 먼저 시청하도록 하겠습니다.(통역)
19. 이어 지금부터 한 - 베 FTA 활용지원센터 현판식을 진행하도록 하겠습니다.(통역)
20. 호명되신 귀빈께서는 차례로 도우미 안내에 따라 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
21. 대한무역투자진흥공사 ooo 부장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
22. 호치민시 ooo 부위원장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
23. 주호치민 대한민국 총영사관 ooo 총영사님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
24. 호치민시 외무국 ooo 대사님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
25. 대한민국 정부 산업통상자원부 ooo 국장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
26. Vietrade 호치민 사무소 ooo 소장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
27. 호치민투자무역진흥센터 ooo 센터장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
28. KOTRA 호치민무역관 박상협 관장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
29. 사이공하이테크파크관리위원회 ooo 부관리위원장님 단상 위로 올라와 주시기 바랍니다.(통역)
30. 자 그럼 하나, 둘, 셋의 베트남어 구호인 “ 못, 하이, 바”에 따라 줄을 잡아당겨 주시기 바랍니다.(통역)
31. (한,베 MC 다같이) 못! 하이! 바. 네 감사합니다. 귀빈 여러분들께서는 기념촬영을 위해 잠시만 포즈를 취해 주시기 바랍니다.(통역)
32. 이것으로 현판식을 마치도록 하겠습니다. 귀빈 분들께서는 도우미의 안내에 따라 자리로 이동해 주십시오.(통역)
33. 이어서 진행되는 행사는 원만한 진행을 위해 동시 통역을 준비하였으니 비치된 동시통역기를 사용해 주시기 바랍니다.(통역)
34. 그럼 우선 대한민국 무역투자진흥기관 ooo부사장님의 개회사를 시작으로 본 설명회를 시작하도록 하겠습니다.(통역)
35. ooo 부사장님을 큰 박수로 맞아 주시기 바랍니다. ooo 부사장님, 감사합니다.(통역)
36. 다음은 호치민시 인민위원회 ooo 부위원장님의 축사가 있겠습니다. 큰 박수로 맞아 주시기 바랍니다.(통역)

37. 이어서 주호치민 총영사관 ooo 총영사님의 환영사가 있겠습니다. 큰 박수로 맞아 주시기 바랍니다. Ooo 총영사님의 환영사 감사드립니다. (통역)
38. 다음으로, 대한민국 정부 산업통상자원부 통상 국내내책관 ooo 국장님을 모시고 "한 - 베FTA개요 및 정부지원정책"에 대한 발표를 듣도록 하겠습니다. Ooo 국장님의 발표 감사드립니다. (통역)
39. 다음은 호치민무역관 ooo 관장님의 "한 - 베 경제교류 현황 및 전망"에 대한 발표가 있겠습니다. Ooo 관장님의 발표 감사드립니다. (통역)
40. 다음은 호치민무역관FTA 활용지원센터 ooo 전문위원님의 "한 - 베FTA 현황 및 활용방안"에 대한 발표가 있겠습니다. Ooo 전문위원님의 발표 감사드립니다. (통역)
41. 다음은 Vietrade 호치민 사무소 ooo 소장님의 한 - 베 교역 확대를 위한 협력에 전략에 대한 발표가 있겠습니다. Ooo 사무소장님의 발표가 있겠습니다. (통역)
42. 강연에 수고해 주신 귀빈 분들께 감사드립니다. (통역)
43. 마지막으로 오늘 공식 출범하게 되는 한 - 베 FTA 활용지원센터에 대한 안내가 있겠습니다. "한 - 베 FTA 활용지원센터"를 방문하시고자 하시는 분은 위 주소로 오시면 관련 상담을 받으실 수 있습니다. (통역)
44. 한국 기업뿐만 아니라, 베트남 기업도 이용가능하오니 문의사항이 있으시면 언제든지 연락해 주시면 감사하겠습니다. (통역)
45. 이것으로 한 - 베FTA 활용지원센터 개소식을 마치도록 하겠습니다. 참석자분들을 위한 오찬이 제공되오니 나눠드린 식권을 가지로 로비층부페식당으로 이동해 주시기 바랍니다. (통역)
46. 오늘 행사에 참여해 주신 모든 분들께 다시 한번 감사의 말씀을 드립니다. 저는 여기서 인사 드리겠습니다. 감사합니다. (통역)

TỪ MỚI

대한무역투자진흥공사	Tổng công ty xúc tiến đầu tư thương mại Hàn Quốc
대한민국 총영사관	Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc
동시통역	Phiên dịch đồng thời
문의사항	Nội dung cần hỏi
산업통상자원부	Bộ tài nguyên, thương mại và công nghiệp
식권	Phiếu ăn
오찬	Cơm trưa
외무국	Sở ngoại vụ
원활하다	Trôi chảy, trơn tru
인민위원회	Ủy ban nhân dân
지원센터	Trung tâm hỗ trợ

하이테크파크관리위원회

Ủy ban quản lý
khu công nghệ cao

현판식

Lễ treo bảng hiệu

호치민무역관

Trung tâm thương mại
Thành phố Hồ Chí Minh

호치민투자무역진흥센터

Trung tâm xúc tiến
thương mại và đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh

Bài 14.

KỊCH BẢN MC MỘT BUỔI HỘI THẢO CHUYÊN NGÀNH

(시나리오)

1. 안녕하십니까? 오늘 바쁘신 와중에도 베한이 주관하는 세미나에 참석해주신 귀빈 여러분께 감사 인사드립니다. 저는 이번 세미나의 사회를 맡은 베한 국내영업부 ooo 과장입니다. (통역)
2. 현재 베트남 섬유 산업은 환태평양 경제 동반자 협정 (TPP), 베트남-EU FTA, 아세아 경제 공동체 출범 등 많은 호재 속에 세계 경제의 블루오션으로 각광을 받고 있습니다. (통역)
3. 하지만 환경오염에 대한 베트남 정부의 규제 강화, 벤더들의 환경 요구 사항 강화, 높아지는 임금에 따른 단가 경쟁력 약화, 물 쿼터제 등 아직 풀어나가야 할 숙제들이 남아 있는 상황입니다. 이에 베한에서는 “지속 가능한 친환경 염색기술 세미나”라는 제목 아래 베트남 염색 산업에 혁신 기술을 나눌 수 있는 시간이 되길 바라며, 이를 통해 귀사와 베한이 WIN-WIN할 수 있는 기회가 되었으면 하는 바램입니다. (통역)
4. 본격적인 세미나를 시작하기 전에 오늘 세미나 식순을 간략하게 말씀 드리겠습니다. (통역)

5. 금일 세미나는 1,2,3부로 나뉘며 세미나 전 베한 경영진 인사말씀이 있겠으며 1부에서는 베한 회사 소개를 진행하겠습니다. 2부에서는 베한 염색 신기술 소개와 친환경염색을 위한 유해물질 대응법 그리고, 염색현장에서 발생할 수 있는 TROUBLE SHOOTING의 원인과 대책에 대해 발표 및 질의 응답시간을 갖도록 하겠습니다. (통역)
6. 마지막 3부에서는 저녁식사가 예정되어 있으니 끝까지 경청해 주시기 바랍니다. (통역)
7. 첫번째 순서로 베한 홍기동 회장님의 인사 말씀이 있겠습니다. 회장님 단상으로 나와 주십시오. (통역)
8. ooo 회장님께서는 이스트웰, 나모 인터렉티브 대표이사, 엔씨소프트 사업총괄 부사장, 베한 대표이사를 거쳐 2011년 베한 그룹 회장으로 부임하셨습니다. (통역)
9. 회장님 인사 말씀 감사 드리며 귀빈 여러분께서는 박수 부탁 드립니다. 이어서 베한 회사 소개가 있겠습니다. (통역)
10. 회사 소개는 베한 해외사업부 ooo 팀장이 진행하도록 하겠습니다. ooo 팀장님 앞으로 나와 주십시오. (통역)
11. 다음은 당사에서 개발한 염료 신제품 소개 및 발표의 시간을 갖도록 하겠습니다. (통역)
12. 발표 순서는 반응성 염료 신제품 소개 후, 분산 염료 신제품과 산성 염료 신제품 소개로 나누어 진행하도록 하겠습니다. (통역)
13. 먼저, 반응성 염료 신제품 소개 및 발표는 당사 ATB의 ooo 과장님께서 진행하도록 하겠습니다. (통역)
14. 발표 내용에 대해 궁금하시거나, 문의 사항 있으시면 말씀해 주시기 바랍니다. (통역)
15. ooo 과장님의 자세한 설명 감사 드립니다. 내외빈 여러분께서는 ooo 과장님께 힘찬 박수 부탁드리겠습니다. (통역)
16. 다음으로는 분산 및 산성염료 신제품에 소개에 대한 발표가 있겠습니다. 발표자는 당사 ATB의 홍기동 파트장입니다. (통역)
17. 발표 내용에 대해 궁금하시거나 문의사항 있으시면 말씀해주시기 바랍니다. (통역)
18. 홍기동 파트장님의 자세하고 이해하기 쉬운 설명에 감사 드립니다. 발표에 수고해 주신 홍기동 파트장에게 박수 부탁드리겠습니다. (통역)
19. 참고로 오늘 미처 질문하지 못하신 분들은 세미나 후에 별도로 문의해 주시기 바랍니다. (통역)
20. 어느덧 염료 신제품 소개 및 발표가 모두 끝났는데요. 20분간 잠시 쉬는 시간을 갖도록 하겠습니다. (통역)
21. 귀빈 여러분 많이 기다리셨죠? 이제 다음 주제로 친환경염색을 위한 유해물질 대응법에 대한 발표와 현장에서 발생하는 문제점에 대한 발생원인과 대책에

- 대해 진행하도록 하겠으니 자리에 앉아 주시기 바랍니다. (통역)
22. 앞서 말씀 드렸다시피 베트남 섬유산업이 안고 있는 문제에 대해 해결 방법을 찾을 수 있는 좋은 시간이 될 것이라고 사료됩니다. (통역)
 23. 이번 주제 발표는 당사 Sustainability를 담당하고 있는 Product Stewardship Manager 인 ooo 박사님입니다. 박수로 환영해 주시기 바랍니다. (통역)
 24. 발표 내용에 대해 궁금하시거나 문의사항 있으시면 말씀해주시기 바랍니다. (통역)
 25. Ooo 박사님의 자세하고 이해하기 쉬운 설명에 감사 드립니다. 발표에 수고해주신 ooo 박사님에게 박수 부탁 드리겠습니다. (통역)
 26. 벌써 마지막 발표 시간이 다가왔습니다. 이번 발표는 현장에서 발생할 수 있는 염색 문제점의 원인과 대책에 대해, 염색공학 박사이자 염색기술사이며 베한 국내영업부 팀장으로 계시는 ooo 팀장님께서 발표해 주시겠습니다. (통역)
 27. 발표 내용에 대해 궁금하시거나 문의사항 있으시면 말씀해주시기 바랍니다. (통역)
 28. 훌륭한 Solution을 제공해 주신 ooo 팀장님에게 감사드리며, 발표에 수고해주신 ooo 팀장님에게 박수 부탁 드리겠습니다. (통역)

29. 마지막 순서로는 이미 예고해 드렸듯이 저녁식사가 예정되어 있습니다. 세미나 실 뒷 편에 부페가 준비되어 있으니 즐거운 시간 가지시길 바랍니다. (통역)
30. 이것으로 “지속가능한 친환경 염색 기술 세미나”를 마치겠습니다. 오랜 시간 경청해 주신 내외빈 여러분께 다시 한 번 감사 인사 드립니다. (통역)

TỪ MỚI

각광	Sự quan tâm, sự yêu thích
국내영업부	Phòng kinh doanh trong nước
규제	Qui chế
당사	Công ty chúng tôi
대응법	Cách ứng phó
반응성	Có tính phản ứng
벤더	Nhà thầu phụ
세미나	Hội thảo
식순	Trình tự buổi lễ
아세아 경제 공동체 출범	Sự ra đời của cộng đồng kinh tế ASEAN
염색공학	Công nghệ nhuộm
유해물질	Chất có hại
임금	Tiền lương

친환경염색	Cách nhuộm thân thiện với môi trường
해외사업부	Phòng kinh doanh quốc tế
혁신	Đổi mới
환경오염	Ô nhiễm môi trường
환태평양	Xuyên Thái Bình Dương

Bài 15.

KỊCH BẢN MC CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO (시나리오)

- “2015 섬유의류 기술세미나”에 참가하신 여러분께 잠시 안내 말씀 드리겠습니다. 잠시 후 “2015 섬유의류 기술세미나”를 시작하겠습니다. 행사장 외부에 계신 참석자 여러분들께서는 속히 행사장 안으로 입장해 주시기 바랍니다. (통역)
- 다시 한번 안내 말씀 드립니다. 잠시 후 “2015 섬유의류 기술세미나”를 시작하겠습니다. 참석자분들께서는 가급적 앞자리부터 앉아 주시기 바라며 행사 시작 후에는 되도록 자리를 이석하지 않아 주셨으면 합니다. 또한, 세미나의 원활한 진행을 위하여 가지고 계신 휴대전화의 전원을 꺼두시거나 매너모드로 전환하여 주시기 바랍니다. (통역)
- 안녕하십니까! 금일 세미나의 사회를 맡은 한국생산기술연구원 베트남 사무소 소장 ooo 입니다. 본 세미나를 진행하기에 앞서, “2015 섬유의류 기술세미나”에 대한 설명을 드리고자 합니다. 오늘의 세미나는 한국생산기술연구원 베트남사무소와 호치민

한인상공인연합회가 함께 주관하는 섬유의류 분야의 정책과 기술을 겸한 세미나입니다. (통역)

4. 최근 베트남을 둘러싼 통상환경이 다양하게 변화하고 있고 그 중 섬유산업은 최대의 수혜를 누리게 될 것이라고 모든 경제분석기관들이 전망하고 있습니다. (통역)
5. 이에 현지에 진출한 한국섬유의류기업과 베트남섬유의류기업이 변화하는 통상환경에 대응하는 전략을 수립하는데 미약하나마 보탬이 되었으면 하는 마음에서 마련한 자리로입니다. 또한 통상환경이 보호장벽을 낮추는 추세로 가고 있는 것과 반대로 기술적으로 비보호장벽들이 높아지고 있는 추세하에서 최신 관련기술동향과 규제동향을 살펴봄으로써 기업에서 더욱 적극적으로 대처하는데 유용한 세미나가 되기를 바랍니다. 오늘 세미나에 모신 강사분들은 각분야에서 최고 전문가로서 참석하신 여러분들에게 다양한 방향으로 도움이 될 것으로 확신합니다. (통역)
6. 그럼, 본 식순에 앞서 참석해주신 귀빈을 소개해 드리겠습니다. 소개받으신 분께서는 자리에서 일어나 뒤쪽을 향해 인사해 주시면 감사하겠습니다. (통역)
7. 본 세미나의 공동개최 측인 호치민 한인상공인연합회 ooo 회장님 참석해 주셨습니다. [자리에서 일어나 인사 후 착석]. (통역)
8. 호치민 총영사관에서 ooo 상무관님 참석해 주셨습니다. [자리에서 일어나 인사 후 착석]. (통역)

9. 베트남 과학기술부 차관님 참석해 주셨습니다. [자리에서 일어나 인사 후 착석]. 베트남섬유의류협회 Ms. Nguyễn Văn A 부회장님 참석해 주셨습니다. [자리에서 일어나 인사 후 착석]. (통역)
10. 그럼 지금부터 2015 섬유의류 기술세미나를 시작하겠습니다. 먼저 호치민 한인상공인연합회 ooo 회장님의 환영사가 있겠습니다. ooo 회장님을 자리로 모시겠습니다. [등단 후 중앙연단에서 환영사]. < 환영사 마친 후> 환영사를 해 주신 ooo 회장님 대단히 감사합니다. (통역)
11. 다음은 ooo 님의 축사가 있겠습니다. ooo 님을 자리로 모시겠습니다. [등단 후 중앙연단에서 축사]. <축사 마친 후> 축사를 해 주신 ooo 님 대단히 감사합니다. (통역)
12. 이제부터 본격적으로 2015 섬유의류 기술세미나를 시작하도록 하겠습니다. 첫 번째 발표는 주호치민 총영사관의 ooo 상무관님께서 해주시겠습니다. 발표주제는 "대외 통상환경 변화와 베트남 섬유산업" 입니다. ooo 상무관님을 자리로 모시겠습니다. [ooo 상무관님 발표] <발표 마친 후> 좋은 발표 감사드립니다. (통역)
13. 다음은 베트남섬유의류협회의 Ms.ooo 부회장님께서 "베트남 섬유의류산업 발전전략"에 대해 발표해 주시겠습니다. Ms.ooo 부회장님을 자리로 모시겠습니다. [ooo 부회장님 발표] <발표 마친 후>

- 발표 감사드립니다. 지금부터 약 20분간 Coffee Break 를 가지도록 하겠습니다. (통역)
14. 지금부터는 한국섬유산업연합회의 ooo 과장님께서 "TPP 역내 섬유산업 가치사슬과 원산지 규정에 대한 전망"에 대해 발표해 주시겠습니다. [ooo 과장님 발표] <발표 마친 후>. 발표 감사드립니다. (통역)
 15. 발표를 들으시면서 궁금하셨던 것들에 대해 발표자들께 질문과 의견을 듣는 시간을 마련하겠습니다. 질문은 시간 관계상 2개만 받도록 하겠습니다. 추가 질문은 오찬시간 및 휴식시간을 이용해 주시고 이것으로 오전 행사를 모두 마치도록 하겠습니다. 참석해주신 모든 분들께서는 1층 뷔페식당에 마련된 오찬을 즐겨주시기 바랍니다. (통역)
 16. 더불어 오후 일정에 대해서 안내 말씀드리겠습니다. 오후 일정은 1시 20분부터 진행될 예정이며 동일 장소에서 계속 될 예정입니다. 또한 행사에 참여해 주신 분들께는 소정의 기념품도 마련해 놓았습니다. 오후행사 중간 Coffee Break 때 저희 스텝들이 나눠줄 예정이므로 세미나 끝까지 많은 참여 부탁 드립니다. 그럼 점심 맛있게 드시고 오후 세션에서 뵙겠습니다. (통역)
 17. [기념촬영] 오늘 세미나에 참석해주신 VIP 와 강연자분들의 기념촬영이 있겠습니다. 사진촬영을 위해 무대로 자리해 주시기 바랍니다. (통역)
 18. 안내 말씀드리겠습니다. 두 번째 세션이 곧 시작되오니 로비에 계신 분들께서는 입장하여 주시기 바랍니다. 지금부터 오후 세미나를 진행하도록 하겠습니다. 오후 첫 번째 발표는 한국생산기술연구원 ooo 수석연구원님께서 "최신 섬유기술 개발동향"에 대해 발표해 주시겠습니다. [ooo 수석연구원님 발표]. <발표 마친 후> 발표 감사드립니다. (통역)
 19. 다음 발표는 한국생산기술연구원 ooo 수석연구원님께서 "최근 염색가공 기술동향"에 대해 발표해 주시겠습니다. [ooo 수석연구원님 발표] <발표 마친 후> 발표 감사드립니다. (통역)
 20. 지금부터 약 25분간의 휴식시간을 갖도록 하겠습니다. 이미 안내드린 것과 같이 준비한 소정의 기념품을 저희 스텝들이 나누어 줄 것이니 한분도 빠짐없이 받아가시기 바랍니다. (통역)
 21. 다음은 베한의 흥기동 과장님께서 "Apparel 산업의 자동화 시스템 기술동향"에 대해 발표하시겠습니다. [흥기동 과장님 발표] <발표 마친 후> 발표 감사드립니다. (통역)
 22. 다음은 "글로벌 브랜드 유해물질 규제동향 및 대응방향"에 대해 한베의 흥기동 부장님께서 발표해 주시겠습니다. [흥기동 부장님 발표] <발표 마친 후> 발표 감사드립니다. (통역)
 23. 이것으로 모든 발표를 마치겠습니다. 오후 강연 내용 중 질문사항이 있으면 받도록 하겠습니다. 이것으로 2015

- 년 섬유의류 기술세미나를 모두 마치도록 하겠습니다.
(통역)
24. 본 세미나가 기업이 변화하는 통상환경에 최적의 대응책을 마련하는데 조금이라도 보탬이 되었으면 좋겠습니다. 발표를 해주신 모든 분들과 참석해 주신 여러분들께 다시 한번 감사의 말씀드립니다. 감사합니다. (통역)

TỪ MỚI

경제분석기관	Cơ quan phân tích kinh tế
관련기술동향	Xu thế kỹ thuật liên quan
규제	Qui chế
기술동향	Xu thế kỹ thuật
동향	Tình hình
미약하나마	Tuy nhỏ
보탬이 되다	Giúp ích, giúp đỡ
비보호장벽	Bức tường phi bảo hộ
섬유의류	Dệt may
수립하다	Thành lập
수석연구원	Nghiên cứu viên hàng đầu
수혜하다	Hưởng lợi
원산지 규정	Qui định về xuất xứ
이석하다	Rời khỏi chỗ ngồi
추세	Xu thế

한인상공인연합회
Hiệp hội các doanh nhân người Hàn Quốc
행사장
Nơi tổ chức buổi lễ, hội trường

Bài 16.

THUYẾT TRÌNH VỀ DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(호치민관광)

- 지난 300년 동안 성장과 발전을 거듭한 사이공, 호치민시는 젊고 năng동적인 도시로서 베트남 남부의 경제, 금융, 상업, 서비스의 중심지로서 역할과 동남아 지역에서의 특별한 위치를 담당하고 있다. 베트남의 통합과 발전 과정에서 호치민은 항상 신속하게 선두에서 앞장섰으며, 지구촌 식구들을 적극적으로 초대하고 있다. (통역)
- 메콩 델타와 베트남 남동부 사이에 위치하고 있는 호치민시는 베트남 남부의 중심 지점이다. 면적은 2,000km² 이상이고, 인구는 거의 1,000만명에 이른다. 오늘날 호치민시는 국제교류의 중심지인 동시에 경제, 문화, 여행, 교육, 기술과학, 의학의 베트남 중심지가 되었다. 베트남 총 생산품의 21%, 국가 재정의 1/3, 전국 수출총액의 1/5을 담당하고 있다. (통역)
- 호치민시에 있는 74개의 크고 작은 부두와 선창들은 베트남 남부지역 경제에 중요한 해상교통요지 역할을 하고 있으며, 수상 여행로와 동남아와 다른 나라들을

이어주는 관문으로서 성장할 수 있는 잠재력을 지니고 있다. (통역)

- 호치민시와 다른 나라들과의 교류와 통합을 위한 교통 인프라는 갖추기 위한 작업이 진행 중에 있다. 땐선녓 국제공항은 1,000만명 이상의 외국 이용객들을 서비스할 수 있도록 투자가 이루어지고 있다. (통역)
- 호치민시는 도시교통시스템 개선을 위한 인프라 투자를 최우선으로 하고 있다. 땐선녓 국제공항에서 도심으로 진입하는 도로 적절한 투자를 통해 개선을 이루었다. (통역)
- 호치민시는 교통 인프라 구축을 위해 여러 거점에 교통기반시설을 건설하였고 이를 통해 지역경제와 환경오염 최소화를 이루었다. 보반끼엣 대로는 동남아에서 가장 현대적인 호치민시의 최신식 도로로서 총길이 22km이며, 그 중 1,49km는 사이공강을 가르는 지하 터널로 이루어져 있다. 또한 현재 진행 중인 호치민시 지하철 1,2 호선 사업은 각각 총길이 17,9km, 11,7km에 달하며 38억6530만 달러가 투자되는 대규모 사업이다. (통역)
- 공업부분에서 호치민시의 발전은 두드러진다. 식품가공산업부터 각종 생활용품 생산과 수출산업에 투자가 계속 이어지고 있다. (통역)
- 호치민시내의 여러 공업 지역과 하이테크 산업지역은 외국의 여러 투자자들로부터 러브콜을 받고 있다. 시는 지식기술산업의 기초를 마련하기 위한 기술과학분야를 중점적으로 육성하고 있다. (통역)

9. 정부의 공업화와 농업기술의 현대화 방침에 따라 호치민시의 고기술농업지역은 국내와 외국 투자자들의 관심을 듬뿍 받고 있다. 그곳에서 이루어지고 있는 농업 과학기술들은 베트남 농산품 가치 향상에 크게 기여하고 있다. (통역)
10. 300개 이상의 전통 시장과 슈퍼마켓, 마트 등 잘 갖추어진 상업시설은 외국 투자자들이 호치민 시장을 선호하는 이유이다. 호치민에 투자하고 있는 외국의 대형 그룹들과 국제적 규모의 전시 박람회 등은 호치민시가 상업적으로 전세계로부터 매우 주목받고 있는 곳임을 보여준다. (통역)
11. 현재 호치민시에는 국가은행, 상업은행, 외국은행들의 지점과 대표 사무실을 비롯하여 호치민 증권거래소가 활동하고 있으며 금융의 중심지 역할을 하고 있다. (통역)
12. 호치민시는 매우 친근하고 매력적이고 안전한 곳으로서 각국에서 오는 관광객들이 만족하고 감탄하는 베트남의 대표 여행 도시이다. 현재 호치민시는 더 낮은 시설과 서비스를 제공하기 위한 개선 작업을 시행하고 있다. 호치민시내의 독특하고 매력적인 여행지들은 매년 5백만명의 전세계 여행객들을 끌어들이고 있다. (통역)
13. 호치민시는 3성에서 5성급 호텔 100여개를 비롯해 2,000개 이상의 호텔을 갖추고 있으며, 멀리서 호치민시를 찾은 외국 관광객들의 요구에 맞는 서비스와 다양한 특산 음식들을 선보이고 있다. 호치민시는 남부지방 문화의 다양성과 고유의 색을 느낄 수 있는 여행 매력을 지녔다. 현대와 전통의 문화가 서로 조화롭게 어울어져 있는 호치민시는 여행객들에게 더 없이 매력적인 곳이다. (통역)
14. 호치민시의 의료부문은 현재 국제적 수준에 맞는 시설과 기술, 서비스를 제공하기 위한 발전 과정에 있다. 현대적 요구에 부응하기 위해 시는 아직 가능성이 많은 이 분야에 외국의 투자를 적극 유치하고 있다. (통역)
15. 교육은 여러 선진국들이 투자에 관심을 보이고 있는 부문으로서 현재 호치민에는 여러 국제학교들이 도시의 발전과 통합을 위한 인력 양성에 기여하고 있다. 호치민은 동방국가의 색깔을 지닌 동시에 젊고 능동적이고 창의적인 도시를 추구하고 있다. 호치민에서 활기 넘치는 도시의 모습을 경험할 수 있다. (통역)
16. 호치민시는 문화중심지로서 다양한 문화 활동들을 통해 항상 다른 나라들과의 교류의 문을 활짝 열어놓고 있다. 시에 있는 42개의 영사관, 7개의 경제문화무역 대표소, 5개의 국제 조직들이 지구촌과의 교류협력의 토대를 마련하고 있다. 이러한 시의 문화교류협력은 경제, 문화, 교육, 사회 분면의 발전에 효과적인 영향을 미치고 있다. (통역)
17. 호치민시는 앞으로 발전 가능성이 아주 많은 곳으로 앞으로도 통합과 발전을 위해 따뜻하고 열린 자세로 능동적으로 노력할 것이다. 호치민시는 새로운 천년을

여는 도시로서, 전세계 여행객들과 투자자들에게 매우 매력적인 도시이다. (통역)

TỪ MỚI

공업화	Công nghiệp hóa
관문	Cánh cửa
국제교류	Giao lưu quốc tế
농업기술	Kỹ thuật nông nghiệp
도시교통시스템	Hệ thống giao thông đô thị
메콩 델타	Đồng bằng sông Cửu long
부두	Bến cảng, bến tàu, đầu mối
상업적	Có tính thương mại
선진국	Nước tiên tiến
선창	Dẫn đầu
요구에 부응하다	Đáp ứng yêu cầu
의료부문	Lĩnh vực y tế
인프라	Hệ thống cơ sở hạ tầng
잠재력	Tiềm năng
중심지	Trung tâm
증권거래소	Trung tâm giao dịch chứng khoán
최소화하다	Giảm thiểu hóa

Bài 17.

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

(계약서)

Hôm nay, ngày 30 tháng 1 năm 2015, chúng tôi, công ty Việt Hàn, sau đây gọi là bên A; và công ty ACB, sau đây gọi là bên B, tiến hành thỏa thuận về việc buôn bán.

Điều 1. Sản phẩm là máy tính xách tay, hiệu Kanata, sản xuất từ Hàn Quốc.

Điều 2. Bên B sẽ tiến hành bàn giao sản phẩm cho bên A trong vòng 1 tháng sau khi bên A đặt hàng.

Điều 3. Sản phẩm này phải là sản phẩm mới, không vi phạm qui định của chính phủ Việt Nam về qui định nhập khẩu hàng hóa.

Điều 4. Các thiệt hại phát sinh do giao hàng muộn, chất lượng kém, số lượng thiếu, đóng gói hư, bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu thấy thiệt hại đó là lớn. Sau khi có (nhận) khiếu nại của khách hàng, bên B phải tiến hành xử lý ngay, trong vòng 3 ngày phải giải quyết ổn thỏa và thông báo cho bên A.

Điều 5. Chi phí phát sinh đến điểm giao nhận do bên B chịu, các chi phí phát sinh sau đó như chi phí kiểm tra, chi

phi vận chuyển, chi phí thông quan, chi phí bốc dỡ, chi phí bảo hiểm do bên A chịu.

Điều 8. Hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 1 năm 2017 tính từ ngày ký tên và đóng dấu. Việc có gia hạn hợp đồng hay không sẽ được hai bên thương sự thống nhất quyết định khi kết thúc hợp đồng.

Điều 9. Nội dung của hợp đồng này có thể thay đổi nếu hai bên thương sự thỏa thuận với nhau.

Điều 10. Bên A và bên B không thể chuyển nhượng, chuyển giao, thế chấp quyền lợi và nghĩa vụ của hợp đồng này cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước của bên còn lại.

Hiệu lực của hợp đồng này phát sinh sau khi đại diện của hai bên ký tên và đóng dấu. Những nội dung không qui định trong hợp đồng này sẽ được quyết định sau khi hai bên thỏa thuận, những nội dung không thỏa thuận được sẽ được giải quyết dựa theo tập quán chung được thừa nhận.

Để chứng minh và xác nhận nội dung trên đây, bản hợp đồng này sẽ soạn thành hai bản, sau khi bên A và bên B ký tên và đóng dấu, mỗi bên sẽ giữ một bản.

Bên A
Giám đốc công ty
Nguyễn Văn A

Bên B
Giám đốc công ty
Nguyễn Thị B

TỪ MỚI

Bản	부
Bàn giao sản phẩm	제품 인도
Bên thứ 3	제3자
Bồi thường	배상
Buôn bán	매매하다
Chất lượng kém	품질 불량
Chi phí bảo hiểm	보험료
Chi phí bốc dỡ	하역비
Chi phí kiểm tra	검사료
Chi phí thông quan	통관료
Chi phí vận chuyển	운송료
Chịu chi phí	비용 부담
Chuyển nhượng, chuyển giao,	양도, 이전, 담보 제공
làm thế chấp	
Đến điểm giao nhận	제품 인도지점까지
Đóng dấu	도장 찍다
Đóng gói hư	포장 불량
Gọi là bên A	"갑"이라 한다
Gia hạn hợp đồng hay không	연장 여부
Giao hàng muộn	인도지연
Giữ	보관하다
Hai bên thương sự	양측당사자가

Hồ sơ chất hàng	선적 서류
Khi kết thúc hợp đồng	기간 만료시
Khiếu nại	클레임
Không có sự đồng ý trước	상대측의 사전 승인 없이
của bên còn lại	
Mỗi bên	각각
Một bản	1부씩
Nhận hàng	인계
Soạn	작성하다
Số lượng thiếu	수량 부족
Tập quán chung	일반적으로 인정되는
được thừa nhận	상관례
Thay đổi nội dung	내용 변경
Thiệt hại	손해
Thỏa thuận	합의하다
Thời gian có hiệu lực	효력기간

Bài 18.

THƯ PHẢN HỒI QUA EMAIL

(이멜)

- 대표님 안녕하세요. ABC 은행 홍길동 과장입니다. 메일을 한글로 드리는게 맞을지 고민을 많이 했는데요. 대표님이 워낙 한글을 잘 하셔서 한글로 보내드립니다. ^^ 점심식사 때 시간 내 주셔서 너무 감사합니다. 베트남 분하고 한글로 편하게 얘기해서 너무 좋았습니다. (통번역)
- 짧은 시간이었지만 대표님이 얼마나 정직하게 일을 하고 계신지 느낄 수 있었습니다. 더 쉽게 더 큰 돈을 버실 수도 있으실 텐데 정직하게 일하시는 모습보고 감동을 받았습니다. 그래서 더욱 제가 자신 있게 말씀드리고 싶습니다. (통번역)
- 환율이 오르고 있어서 전에 말씀 드린 거보다 조금 높아졌습니다. 하지만 송금수수료는 저희가 아주 싸게 보내드릴 수 있습니다. 식사 때도 말씀 드렸지만 학교에 여러 학생의 등록금을 한번에 보내면 수수료가 1회만 나가기 때문에 싸게 할 수 있습니다. (통번역)
- 대표님과 식사를 한 후에 가나다어학원과 더욱 거래를 하고 싶어졌습니다. 저희는 계속 기다릴 수 있습니다. 대표님의 연락을 기다리겠습니다. 오늘도

주변 분들과 행복한 시간 보내세요. 감사합니다.
(통번역)

TỪ MỚI

등록금	Tiền học phí, tiền đăng ký học
송금수수료	Phí gửi tiền
정직하게	Chính trực
편하게	Một cách thoải mái
환율	Tỷ giá hối đoái

Bài 19.

THƯ CHÀO

(인사편지)

1. 안녕하십니까 레 원장님, 한국에서 학원을 운영 중인 홍기동 원장이라고 합니다. 저는 수학전문학원을 운영하고 있으며, 베트남 교육사업 진출에 관해 관심을 가지고 있습니다. 그러던 중 평소 친분이 깊은 이 원장님께 레 원장님을 소개 받게 되었고 이렇게 메일로 인사를 드리게 되었습니다. (번역)
2. 저는 2017년 2월과 7월 포함 총 3번의 베트남 방문 경험이 있으며, 방문할 때마다 하루가 다르게 성장해 가는 베트남의 모습을 보며 벅찬 기대와 감동이 교차 함을 느끼고 있습니다. (번역)
3. 저는 하노이 지역에 한국인들 대상의 수학학원 운영을 생각하고 있습니다. 하지만 경우에 따라서 하노이뿐만 아니라 타 지역의 가능성도 열어둔 상황입니다. 그리고 수학외에 다른 과목도 가능하구요. 한국에서 베트남 진출 관련된 자료를 찾기가 너무 힘든게 사실입니다. 기회가 된다면 원장님과 좋은 을 유지하며, 베트남 교육 사업에 관한 고견을 나누고 싶습니다. (번역)

4. 저는 베트남으로의 출장도 자유로운 편입니다. 그럼 답
메일 기다리고 있겠습니다. 서울 ooo 수학학원 원장
홍기동 드림. (번역)

TỪ MỚI

고견	Cao kiến
과목	Môn học
교차	Đan xen
기대하다	Chờ đợi
벽찬하다	Tràn đầy
성장하다	Tăng trưởng
전문학원	Trung tâm chuyên đào tạo
진출하다	Tham gia
파트너십	Quan hệ đối tác
한국인들 대상	Đối tượng là người Hàn Quốc

Bài 20.

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(협조요청)

1. 안녕하세요. 호치민 무역관에서 소개받아 연락을 드립니다. 한국에서 자동차용 원격시동기를 제조하고 있는 베한시스템의 홍기동이라고 합니다. (번역)
2. 금번 자동차 악세서리 매장 오픈 관련하여, 9월 11일 ~ 15일, 호치민 방문일정이 있으며, 12일 ~ 14일동안 통역 및 차량운행을 가능한 통역원을 알아보고 있습니다. 9월 12~13일에는 7구역의 자동차 판매장조사 및 설문, 14일에는 5구역의 자동차 부품 용품시장조사를 준비하고 있습니다. 함께 하실 수 있으시면 비용관련하여 협의 하시면 좋겠습니다. 감사합니다. (번역)
3. 안녕하세요, ooo 증권거래소 홍기동 대리입니다. Mr. Le님 맞으신지요? 상공회의소에서 추천 받고 연락 드립니다. 우리 거래소에서는 9월 5일 15시30분에 베트남 호치민에서 자본시장컨퍼런스를 개최할 예정입니다. 그런 관계로 통역을 부탁합니다. 감사합니다 (번역)

TỪ MỚI

매장	Cửa hàng
부품 용품	Linh kiện xe hơi
상공회의소	Phòng thương mại và công nghiệp
악세서리	Đồ trang trí, trang sức
원격시동기	Thiết bị khởi động từ xa
자본시장컨퍼런스	Hội thảo về thị trường vốn
증권거래소	Trung tâm giao dịch chứng khoán
판매장조사	Điều tra cửa hàng có bán sản phẩm
협의	Thỏa thuận

Bài 21.

THƯ TRAO ĐỔI CÔNG VIỆC

(업무 문서)

1. 안녕하십니까, Le 선생님, 매번 잡지 검정 신경써 주셔서 감사드립니다. 바쁘실 것이라 사료 되어 이렇게 메일을 드리게 되었습니다. 선생님의 가나다 어학당 광고 크기는 저희가 맞춰드리려고 노력하고 있습니다. (통번역)
2. 하지만 광고는 저희 외주업체에서 관리를 하고 있어 임의로 크기를 늘리기가 쉽지 않습니다. 앞으로 적합한 공간에 최대한 고려하여 가나다 어학당의 광고를 신도록 하겠습니다. 다소 크기가 작은 점 이해 부탁드리며, 반 페이지의 광고가 어렵더라도 양해 부탁드립니다. (통번역)
3. 부득이하게 크기가 작다면, 앞쪽 페이지나, 잘 보이는 위치쪽에 배치 노력하고 있습니다. 다시 한 번 감사드리며, 양해의 말씀을 드립니다. 필요하신 사항이 있으시면 언제든 연락 주시기 바랍니다. 홍기동 드림. (통번역)
4. 안녕하세요, 베한인재개발원 홍기동입니다. 작년에 리더십 교육 통역을 요청드렸었는데 기억하시는지요?

오는 8월에 <면접관 교육>을 하노이에서 실시하고자 하여, 선생님께 통역을 요청드리고자 합니다. (통번역)

5. 일정 8월 21일 (월요일) 11시 ~ 18시 6시간, 8월 22일 (화요일) 9시 ~ 18시 8시간
6. 장소 abc호텔 하노이,
내용 <면접관 양성 과정> + <면접관 워크샵>,
언어: 한국어 → 베트남어
7. 통역 일정 괜찮으신가요? 비용도 함께 회신 부탁드립니다.
통역이 가능하시다면 이력서도 함께 회신 부탁드립니다.
(주요 경력 등) 감사합니다. (통번역)

TỪ MỚI

검정하다	Thẩm định
반페이지	1/2 trang
부득이	Bất đắc dĩ
사료하다	Cho rằng
외주업체	Công ty giao hàng ở bên ngoài
인재개발원	Viện đào tạo nhân tài
임의	Tùy ý

Bài 22.

THƯ CHÀO

(인사편지)

1. 안녕하세요 레님. Viet Han 회장님의 베트남사업 업무연락 담당을 하게 된 홍기동 과장입니다. 레 님께서 홍기동부장님과 진행하였던 업무연락을 앞으로도 저에게 하여 주시면 되십니다. 잘 부탁드리겠습니다. (통역)
2. 방문 논의에 앞서 선생님이 운영하고 계신 한국어센터와 관련한 사항에 안내 자료가 있으신지요? 어떤 규모로 한국의 어떤 대학들과 학생 유치나 교육에 대해 진행하고 계신지 문의드립니다. (통역)
3. 저희도 이번 방문에 국제교류원장님이 직접 참가를 하시는 상황이라, 기본적인 사항에 대한 정보를 보고 드리고, 협의할 수 있는 사항을 한국에서 준비해 가야 할 것 같아 부탁드립니다. 메일 보시면 답변 부탁드립니다. 감사합니다. abc 대학교 국제교류원 김기봉 드림. (통역)
4. 레 님. 안녕하세요. (주) 베한의 홍기동입니다. 레님의 4 월분 업무지원에 따른 보수료를 송금하여 드렸습니다. 첨부된 송금표 확인하여 주시기 바랍니다. 그리고, 저의 업무 종료에 대한 안내를 드리게 되어 죄송합니다. (통역)

5. 서류를 영어로만 준비하면 되는지? 베트남어로 번역해서 준비해야 하는지? 아님 두 가지 언어로 다 준비해야 하는지 확인이 필요합니다. 금융 능력 보고서 (Financial capacity report)로, 2년 동안의 재정능력 증명이나, 모회사의 보증이 필요한데, Viet Han가 이번 프로젝트만을 위해서 최근에 설립된 회사여서, 위의 서류들을 준비할 수가 없습니다. (통역)

TỪ MỚI

금융 능력 보고서	Báo cáo năng lực tài chính
논의	Bàn bạc
모회사	Công ty mẹ
보수료	Thù lao
보증	Bảo lãnh
송금표	Phiếu gửi tiền
재정능력	Năng lực tài chính

Bài 23.

THÔNG TIN VỀ DU HỌC

(유학)

1. 안녕하세요. ABC 대학교 한국어교육원 입학 담당자입니다. 추천해 주신 11명 학생의 본교 한국어교육원 입학을 진심으로 환영합니다. 추후 진행되는 사항에 대해서는 첨부파일을 꼭 참고하여 숙지하시기 바라며, 학생들에게도 안내 부탁드립니다. (통번역)
2. 기타 주의사항 첨부된 INVOICE를 참고하여 등록금 납부기간을 준수하여 등록금을 납부해 주시기 바라며, 해외 은행에서 ABC 대학교 계좌로 등록금 송금 시 반드시 학생 본인 이름으로 송금하시기 바랍니다. (통번역)
3. 지정된 기간에 등록금을 납부하지 않을 시 입학허가가 취소되어니 기간을 반드시 준수하여 주시기 바랍니다. 등록금 납부 확인 후 2차 E-MAIL을 발송할 예정이며, 2차 E-MAIL 발송 시 '사증발급인정서'를 첨부 할 예정입니다. (통번역)
4. '사증발급인정서'를 수령한 후에는 어학연수비자 (D-4-1) 신청에 필요한 기타 서류를 함께 구비하여 즉시 한국 영사관에 비자를 신청하시기 바랍니다. (통번역)

TỪ MỚI

사증발급인정서	Giấy chứng nhận cấp visa
어학연수비자	Visa tu nghiệp ngôn ngữ
첨부파일	File đính kèm
추후	Sau này, về sau
한국 영사관	Lãnh sự quán Hàn Quốc
한국어교육원	Viện giáo dục tiếng Hàn

Bài 24.

CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ HỢP TÁC DU HỌC (유학사업 협력)

1. Kanata 선생님. 안녕하세요 facebook 으로 연락 드린 국립 abc대학교 국제교류원 ooo 입니다. 하이퐁에 있는 ooo 라는 저희 대학 박사과정 졸업생에게 호치민쪽 유학생 유치 관련해서 문의를 했더니 선생님을 추천해 주셔서 이렇게 연락하게 되었습니다. (통번역)
2. Abc대학교는 경남에 위치한 국립대학교로 2008년부터 유학생 유치 사업을 본격적으로 시행하고 있습니다. (통번역)
3. Abc은 LG, 삼성, 한화, VOLVO, STX 등 한국 대기업 제조분야 공장이 밀집한 기계공업도시이고, 경상남도 도청이 소재하고 있는 행정 중심 도시입니다. (통번역)
4. 당초 중국학생들의 유치에 집중이 되었던 한국 유학생의 수요가 베트남 현지로 이동하게 되면서 저희 대학에도 베트남 학생들의 입학문의나 지원이 증가하고 있는 상황입니다. (통번역)
5. 이에 무엇보다 공신력 있고 신뢰성 있는 기관을 통해 베트남 유학 프로그램을 구성하고자 4월 23-25일자에 하노이와 호치민을 방문할 예정입니다. (통번역)

6. 저희는 현재 DONGNAI UNIVERSITY, DANANG UNIVERSITY, HANOI RMIT, HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES, THU DUC COLLEGE OF TECHNOLOGY등과 협정 체결 및 교류프로그램을 추진하고 있습니다. (통번역)
7. 유학생 유치와 관련해서 현지 유학원을 통한 유학생 유치 프로그램의 실패 사례 등을 많이 접하고 있어 담당자 입장에서 많이 조심스러운 부분이 있지만, 신뢰성 있는 기관만 있다면 abc대학교는 적극적으로 유학생 유치를 논의하고자 합니다. (통번역)
8. 우선은 선생님이 별도로 이러한 유학업무도 진행을 하고 계신지, 타 대학과는 어떤 요건으로 운영을 하고 있으신지 궁금합니다. 학생 유치 관련하여 등록금 등에 대한 조정으로 이러한 부분을 추가적으로 논의할 수 있을 거라 생각됩니다. (통번역)
9. abc대학교에 대한 소개 자료를 송부하오니, 참고하여 주시고, 기타 의견이나 문의 사항이 있으시면 연락 부탁드립니다. 감사합니다. abc대학교 국제교류원 ooo 드림. (통번역)

TỪ MỚI

공신력	Có uy tín
기계공업도시	Thành phố công nghiệp máy móc
대기업	Tập đoàn
도청	Nghe trộm

제조분야
행정

Lĩnh vực chế tạo
Hành chính

Bài 25.

BẢN TIN

(신문기사)

1. 베트남, 2018년부터 대규모 품목 수입 세율 0%..., 자동차도 인하.
2. 베트남, 최초로 발표된 "대학 순위"... 1위 하노이 국립대.
3. 베트남 인민군, 지대공 미사일 시스템 첫 발사 실험.
4. 호찌민, 노선 버스 차체 광고 요금 발표.
5. 엔터, 공무원들 사무실에서 청바지 T셔츠 착용 금지.
6. 제트스타 퍼시픽 항공, 하노이-오사카 노선 취항.
7. 베트남 정부 보유 비나밀크 지분 3.33% 매각 계획.
8. 베트남 최장 해상 교량 개통, 일본의 ODA 안건.
9. 3일 연휴 기간에 교통 사고 건수 75건, 58명 사망.
10. 9월부터 시행되는 새로운 규정, 재해 예보 오보에 벌금 등.
11. 호치민시, 지하수의 이용 금지 제안, 지반 침하 가능성.

12. 전국의 학교에서 새 학기 맞이, 국가 주석도 입학식에 참석.
13. 식품회사, 베트남에 투자 늘린다.
14. 베트남, 첫 토종브랜드 자동차 생산 추진.
15. 베트남, 연초 8개월간의 외국인 방문자수 전년 동기 대비 + 29.7% 늘어난 847만명.

TỪ MỚI

세율	Mức thuế
대학 순위	Xếp hạng đại học
인민군	Quân đội nhân dân
지대공 미사일	Tên lửa đất đối không
발사 실험	Bắn thử nghiệm
차체 광고	Quảng cáo trên thân xe
노선 취항	Mở tuyến bay
지분	Cổ phần 3
안건	Dự án
예보 오보	Dự báo sai
지반 침하	Lún nền đất
국가 주석	Chủ tịch nước
토종브랜드	Thương hiệu trong nước
외국인 방문자수	Số khách du lịch nước ngoài

Bài 26.

BẢN TIN

(신문기사)

1. 4일 연휴 교통사고 건수 113건, 158명 사상.
2. 광닌 성 '관광의 해 2018' 개막, 국내외 관광.
3. 동나이 성인민위원회 부위원장 직권 남용, 남편 회사에 편의 도모.
4. 베트남 항공 국제선 기내 면세품 판매 재개.
5. 베트남 4월 광공업 생산 지수 전년 동월 대비 + 9.4% 증가.
6. 4월 전국 소비자 물가 지수 전년 동월 대비 + 2.75%, 휘발유, 쌀 가격 상승.
7. 1-4월 소매 매출액 1399조 VND, 전년 동기 대비 + 9.8% 증가.
8. TRUONG HAI 자동차 2018년 11만대 이상 판매 목표, 전년 대비 31%증가.
9. 베트남 과거 7년여의 완성 차 수입, 52만 8000대에 117억 USD.
10. 라오스- 베트남 간 철도 건설 안건, 투자 총액 50억 USD 이상.

11. 베트남 빅맥 지수, 베트남동 과소 평가에도 45.8%로 개선.
12. 호치민 '베트남 카페 쇼' 5월 2일부터 바리스타 대회.
13. 하노이 노이바이 공항, 수출입품의 자동 수입 통관 관리 시스템 정식 도입.
14. 중국, 베트남 최대 수출 상대국으로 15년간 선두였던 미국 제쳐.
15. 푸꾸억 섬 등 일부 지방 지가 급등 대도시 땅값 넘어서, 특구 격상 기대.
16. 재무부, 부동산 등 고정 자산에 새로운 보유세 도입 검토.
17. 호치민 온라인 공공 서비스 확대.
18. 베트남 엔테크 환경, 에너지산업전 9일 개막... 5개국 참가.
19. 한국, 베트남 2천억원 의약품 수출시장 지킬까?
20. 베트남 개정 형법 중 사회보험료 납부회피죄의 적용.

TỪ MỚI

연휴	Nghi dài ngày
관광의 해	Năm du lịch
직권 남용	Lạm dụng chức quyền
재개	Tái triển khai, mở lại

광공업	Công nghiệp khai khoáng
생산 지수	Chi số sản xuất
전년 동월 대비	So với cùng kỳ năm trước
소비자 물가 지수	Chỉ số tiêu dùng hàng hóa
소매 매출액	Doanh số bán lẻ
완성 차 수입	Nhập khẩu xe nguyên chiếc
철도 건설 안건	Dự án xây dựng đường sắt
과소 평가	Đánh giá thấp tiền tệ, định giá thấp
통관 관리 시스템	Hệ thống quản lý thông quan
수출 상대국	Nước xuất khẩu
지가	Giá đất
급등	Tăng đột biến
고정 자산	Tài sản cố định
보유세	Thuế sở hữu
온라인 공공 서비스	Dịch vụ công online
개정 형법	Luật hình sự sửa đổi
사회보험료	Tiền bảo hiểm xã hội
납부회피죄	Tội trốn (thuế, phạt...)

Bài 27.

BẢN TIN

(자유무역협정)

- 2016년 10월 5일, 베트남과 아시아-유럽경제연맹 (EAEU) 간 자유무역협정이 정식 발효됨으로 인해 1억 8천만명 이상의 인구, 총 GDP 2조 달러, 1조 달러 이상의 경상수지 규모를 가진 깊은 잠재력과 국제적으로 거대한 시장에 진입함으로써 베트남의 수출량의 증가를 기대할 수 있게 되었다. (번역)
- 이번 협정은 아시아-유럽경제연맹 이 최초로 제 3의 국가와 체결한 자유무역협정이면서 베트남에게는 구소련연방에 속했던 전통적인 파트너와 처음으로 체결하게 된 협정이다. (번역)
- 새로운 세대의 베트남-EAEU 자유무역협정은, 베트남과 EAEU간의 경제-무역협력 이 전면적으로 모든 분야에 걸쳐진 자유무역협정이다. (번역)
- 관세절감을 통해 재화 무역에 편리한 조건들이 형성되는 이점 이외에도 이 협정은 지적소유권 보호, 지역개발, 비즈니스, 정부구매, 경쟁 등과 관련된 양측의 서약을 포함한다. (번역)
- 협정서에 내용에 따르면 EAEU 측은 농수산물, 직물, 구두, 목제품 등과 같은 베트남의 많은 잠재력을

- 가진 제품들이 시장에 좀더 편리하게 진입할 수 있는 여건들을 마련했다. (번역)
6. 관세를 철폐하는 동시에 양측은 농림축산 검역 (SPS-동식물위생조치에 관한협정)에 대한 조항들과 관련하여 적극적으로 전개하며 협력을 강화하고 무역편리화, 기술지원과 더불어 양측간 자문체계를 구축할 예정이다. (번역)
 7. 베트남은 EAEU에게 축산, 공업물품 기계, 설비, 운전시설 등과 같은 제품군의 시장을 개방할 것을 약속했다. 새로 진입할 제품들은 베트남 제품들과 경쟁하는 것이 아니라 국내시장의 상품을 다양화하게 할 것이다. (번역)
 8. 전체적으로 양측은 물품들이 관세가 부과되는 제품군들의 총 대비 90% 수준으로 시장을 개방하고 쌍방무역량 또한 그와 비슷한 90% 정도로 될 것으로 전망하고 있다. (번역)
 9. 이 밖에 이번 협정은 국가 간 무역관리활동들의 명백성을 향상시키고 세관, 품질관, 동식품 검역 및 식품안전위생 등과 관련하여 양측의 국가관리기관들 간 협력을 강화시킬 수 있는 조치들을 규정하였다. 또한 무역서비스, 투자, 인재교류 대한 규정도 명시되어 있다. (번역)
 10. 러시아 연방의 베트남무역 자문관인 쯔엉황밍 씨의 의견에 따르면 베트남- EAEU 자유무역협정은 베트남기업들에게 수출 증가 및 경제무역협력강화와 관련하여 매우 좋은 기회이다. 하지만 이번 협정을

통해 이익을 얻기 위해서 베트남기업들은 러시아 및 EAEU 속한 국가들의 민간소비습관, 품질취향, 포장, 제품모형 또는 법률 조건, 기술수준시스템, 특수 식품안전위생문제들뿐만 아니라 시장에서 보편적으로 사용되는 러시아어와 관련 된 언어 장벽 등과 같은 현지 문제들을 심도있게 연구해야 한다. (번역)

11. 호치민 주재 러시아 연방 총영사인 Popov Aleksei씨가 말하는 베트남- EAEU 자유무역협정의 전망에 따르면 우선 베트남- EAEU 간 자유무역지역을 설립하게 되면 총 무역량의 규모가 현재 4 억 달러에서 향후 8-10 억 달러까지 증가될 것으로 예상된다. 수산물, 봉제 등과 같은 베트남의 깊은 잠재력을 가진 제품들의 수출량을 증가시키기 위한 기회인 것이다. 반면 러시아의 자동차생산분야가 베트남시장에 쉽게 진출할 수 있다. (번역)
12. 러시아의 거시경제연구원 니코라이니코라이애치 (Nikolay Nikolayevych) 교수의 말에 따르면 EAEU는 아시아-유럽대륙에서 큰 규모의 통합조직으로 거대한 잠재력을 갖고 있다. 그러므로 베트남과 EAEU 간의 자유무역협정이 체결된다는 것은 물품금액부터 외상소득을 큰 폭으로 증가시키고 새로운 일거리를 늘릴 것으로 예상된다. (번역)

TỪ MỚI

간	Giữa
강화하다	Tăng cường

개방하다	Mở cửa	늘리다	Tăng lên
거대하다	Rất lớn	더불어	Cùng với
거대한 시장에 진입하다	Tham gia vào thị trường to lớn	동식물위생조치	Quy chế vệ sinh động thực vật
거시경제연구원	Viện nghiên cứu kinh tế vĩ mô	식품 검역	Kiểm dịch thực phẩm
검역	Kiểm dịch	러시아연방	Liên bang Nga
경상수지 규모	Qui mô chỉ số thương mại	명백성	Tính minh bạch
경쟁	Cạnh tranh	명시되어 있다	Được ghi/ thể hiện rõ ràng
경제무역협력강화	Tăng cường hợp tác kinh tế thương mại	목제품	Đồ gỗ
공업물품	Sản phẩm công nghiệp	무역관리활동	Hoạt động quản lý thương mại
관세절감	Cắt giảm thuế quan	무역서비스	Dịch vụ mậu dịch
구소련연방	Liên bang Xô Viết cũ	물품금액	Doanh số hàng hóa
구축하다	Xây dựng	소비	Tiêu dùng
국내시장	Thị trường trong nước	밖에	Ngoài ra
규모	Quy mô	반면	Trái lại
규정하다	Quy định	발효하다	Có hiệu lực
그러므로	Vì vậy, và như vậy	법률	Pháp luật
기계	Máy móc	보편적으로	Một cách phổ biến
기대할 수 있게 되었다	Có thể chờ đợi	보호하다	Bảo vệ, bảo hộ
기술수준시스템	Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật	봉제	Dệt may
기술지원	Hỗ trợ kỹ thuật	부과되다	Bị đánh thuế
기회	Cơ hội	분야	Lĩnh vực
농림축산	Nông lâm súc sản	비지니스	Thương mại
농수산물	Nông thủy sản	서약	Cam kết

설비	Thiết bị	잠재력	Tiềm năng
세대	Thời đại, thế hệ	장벽	Rào cản
수출 증가	Tăng xuất khẩu	재화	Hàng hóa
수출량	Lượng hàng hóa xuất khẩu	전개하다	Triển khai
식품안전위생	Vệ sinh an toàn thực phẩm	전망	Tầm nhìn
심도있게	Có chiều sâu	전면적	Toàn diện
쌍방무역량	Lượng giao dịch song phương	전체적으로	Một cách tổng thể
아시아- 유럽경제연맹	Liên minh kinh tế Á Âu	전통적인 파트너	Đối tác truyền thống
여건	Điều kiện	정식	Chính thức
연구하다	Nghiên cứu	제품군	Nhóm sản phẩm
예상된다	Được dự tính	제품모형	Mẫu mã sản phẩm
외상소득	Thu nhập trả sau	조치	Biện pháp
운전시설	Thiết bị vận chuyển	조항	Hạng mục
유럽대륙	Lục địa châu Âu	주재하다	Đóng tại
이상	Trên	지역개발	Phát triển khu vực
이외에	Ngoài ra	지적소유권	Quyền sở hữu trí tuệ
이익	Lợi ích	직물	Dệt may
인구	Dân số	진입하다	Tiến vào, tham gia vào
인재교류	Giao lưu nhân tài	철폐하다	Loại bỏ
일거리	Công việc	체결하다	Kí kết
자동차생산분야	Lĩnh vực sản xuất ô tô	총영사	Tổng lãnh sự
자문체계	Hệ thống tư vấn	최초로	Lần đầu
자유무역협정	Hiệp định thương mại tự do	축산	Chăn nuôi gia súc

측	Phía
통합조직	Cơ cấu tổng hợp
투자	Đầu tư
편리한 조건	Điều kiện thuận lợi
포장	Đóng gói
품질관리	Quản lý chất lượng
품질취향	Sở thích chất lượng
향상시키다	Nâng cao
향후	Về sau
협력	Hợp tác
형성되다	Được hình thành

Bài 28.

BẢN TIN TUẦN

(주간 뉴스)

- 한국 정부는 3.9 통일부 대변인 성명을 내고 북한이 최근 임금 5.18% 인상 등을 담은 개성공단 노동규정 개정을 일방적으로 통보해 온 데 대해 강력한 유감을 표명함. (Tuổi Trẻ젊은이 3.14, 20면). (번역)
- 베트남 기획투자부 외국인투자국은 금년 1-2월간 한국의 대 베트남 투자가 신규 투자사업50건, 증자사업 19건 등 총 2.22억불을 기록한 것으로 집계됐다고 밝힘. (Hà Nội Mới 새하노이 3.16, 4면). (번역)
- 제19차 중앙사법개혁지도위원회 회의가 Trương Tấn Sang 국가주석의 주재 하에 3.14 개최됨. 동 회의에서는 민사소송법 개정안, 체포·구속제도, 행정소송법(개정안), 형사조사기관조직법 등에 대해 심의함. (청년 3.15, 2면). (번역)
- 중국-베트남 해상 상생발전을 위한 협력분과위원회가 3.13-15간 다낭시에서 제4차 협상을 진행함. 양측은 양국 정상간의 공동 인식을 바탕으로 베-중 해상문제 해결을 위한 기본합의 사항을 준수하고 해상 상생발전을 위한 협력방안을 지속적으로 모색하기로 함. (Hà Nội Mới 새하노이)

5. Nguyễn Thị Doan 국가 부주석은 일본 센다이에서 열린 제3차 유엔방재회의 참석차 일본을 방문하여 Fumio Kishida 외무상을 접견함. 이 자리에서 Doan 부주석은 일본에 베트남의 인프라 구축, 인력양성, 부품소재산업 개발, 방재역량 강화 등에 보다 적극적으로 지원해 줄 것을 요청함. (Tiến Phong 선봉 3.16, 12면) (번역)
6. 인도 약품협회 (Pharmexcil) 와 베트남 인도기업협회가 주호찌민시 인도총영사관의 후원으로 오는 3.19-20 간 호찌민시 GEM Center에서 인도 의약품전시회를 개최할 예정임. 현재 인도는 베트남 최대의 의약품 수입국으로 2014년 베트남에 등록된 인도 의약품은 4,269가지에 달해 전체 의약품의 26%를 차지한 것으로 나타남. (청년) (번역)
7. 산업무역부의 최신자료에 따르면, 금년 1-2월간 베트남의 대중국 수입액이 74억불, 수출액이 23억불로 무역적자가 51억불을 기록해 전년 동기 대비 28억불이 증가한 것으로 집계됨. (새하노이) (번역)
8. 하노이전력공사 (EVN Hà Nội) 는 3월까지 하노이 지역의 전 고객에게 전기요금 전자 청구서를 발행할 예정이라고 밝힘. (인민 3.14, 2면) (번역)
9. Nguyễn Tiến Đông 베트남 중앙은행 경제신용국장은 3.10 기준 베트남의 신용성장률이 지난해 말 대비 0.46% 상승했다고 밝힘. (경제시보 3.16, 9면) (번역)
10. 시장조사기관인 IDC에 따르면, 2014년 베트남에서 휴대전화 판매량이 2,870만대로 전년 대비 13% 증가한 것으로 집계되었으며 이중 스마트폰 판매량은 1,160

만대로 57%가 증가한 것으로 집계됨. 삼성 스마트폰의 시장 점유율은 2013년 38%에서 2014년 26%로 떨어졌지만 여전히 1위를 차지한 것으로 나타남. (경제시보) (번역)

11. 중앙은행은 상업은행들이 오는 9.30까지 베트남 중앙은행에 의해 확정된 부실채권총액 100%를 베트남자산관리공사 (VAMC)에 매각할 것을 요청하는 문서를 발송했다고 밝힘. (경제시보) (번역)
12. 중앙은행과 세계은행 (WB)는 호찌민시 위생 기준 등 환경 개선사업추진을 위해 4억5천만불 규모의 차관 계약을 체결함. (경제시보) (번역)
13. 베트남인이 운영하는 상점이 밀집된 러시아 Kazan 시의 Admiral 쇼핑몰에서 화재가 발생해 베트남인 2 명을 포함한 35명이 부상을 입었고, 베트남인의 상점 400여개가 불에 탄 것으로 확인됨. (청년) /끝/(번역)

TỪ MỚI

개정안	Đề án sửa đổi
경제시보	Báo kinh tế
구축	Xây dựng
국가주석	Chủ tịch nước
노동규정 개정	Sửa đổi qui định lao động
대변인	Người phát ngôn
대중국	Với Trung Quốc
모색하다	Tìm kiếm

무역적자	Thâm hụt thương mại	자산관리공사	Công ty quản lý tài sản
민사소송법	Luật tố tụng dân sự	전년 동기 대비	So với cùng kỳ năm ngoái
방재역량	Năng lực phòng chống thiên tai	전자 청구서	Hóa đơn điện tử
부실채권	Nợ xấu	접견하다	Tiếp kiến
부주석	Phó chủ tịch	준수하다	Tuân thủ
산업무역부	Bộ công thương	중앙사법개혁지도위원회 회의	Hội nghị chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương
상생발전	Cùng phát triển	중앙은행	Ngân hàng trung ương
상업은행	Ngân hàng thương mại	증자사업	Dự án tăng vốn
상점	Cửa hàng	집계	Thống kê
새하노이	(Báo) Hà Nội Mới	차관	Khoản vay
세계은행	Ngân hàng thế giới	청년	Thanh niên
시장 점유율	Tỷ lệ chiếm giữ thị trường	최대의 의약품 수입국	Nước nhập khẩu được phẩm lớn nhất
시장조사기관	Cơ quan điều tra thị trường	투자사업	Dự án đầu tư
신용성장률	Mức độ tăng trưởng tín dụng	하노이전력공사	Công ty điện lực Hà Nội
심의하다	Xem xét, bàn bạc	해상	Trên biển
양국 정상간	Giữa lãnh đạo hai nước	행정소송법	Luật tố tụng hành chính
외국인투자국	Cục đầu tư nước ngoài	협상	Hiệp thương
외무상	Ngoại trưởng	형사조사기관조직법	Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự
유감을 표명하다	Bày tỏ sự đáng tiếc	환경 개선사업	Dự án cải thiện môi trường
의약품전시회	Triển lãm sản phẩm y dược		
인력양성	Đào tạo nhân lực		
인민	Nhân dân		
인상	Nâng (lương)		
인식	Nhận thức		

Bài 29.

SỨC MẠNH CỦA SỰ TÍCH CỰC

(긍정의 힘)

1. 매사를 기쁨과 설렘으로 살아갈 수 있고 자기 자신이 가지고 있는 능력의 120%를 발휘할 수 있다. 긍정과 비관은 관점의 차이일 뿐이다. 그러나 그것은 때로 상상할 수 없는 결과의 차이를 만든다. (번역)
2. 실제로, 긍정적인 사람은 그러나 부정적인 사고를 가진 사람은 자신에게 주어진 기쁨을 제대로 만끽 하지도 못하고 실력 발휘 역시 못하는 경우가 많다. (번역)
3. 긍정적인 사고방식은 서울시 CE로 근무하면서도 나를 지탱시켜준 힘이었다. 2003년 6월, 청계천 복원 착공식을 보름여 앞두고 있을 무렵이다. 착공 예정일은 7월 1일인데 착공할 수 있을지조차 장담할 수 없다. 산적한 현안들이 아무것도 해결되지 못했기 때문이다. 교통 문제는 물론이고, 상인들과 노점상 대책도 아무런 합의점을 찾지 못했다. 시민단체들은 쓰레기, 교통, 서민의 생존권 보호 등을 이유로 착공을 반대했다. (번역)
4. 상인들은 오히려 더욱 강성이 되어 투쟁 일변도로 나아갔다. 입이 바싹바싹 마르던, 그때, 한 고위간부가

슬며시 말했다. "시장님, 착공식은 아무래도 미루어야 것 같습니다. 며칠 안 남았는데 아직 해결된 게 아무것도 없습니다". (번역)

5. "며칠밖에 안 남았다뇨? 아직 며칠이나 남지 않았습니까? 그동안 얼마나 많은 일을 할 수 있는지 아십니까?" 며칠이라는 시간은 길다면 길고 짧다면 짧은 시간이었다. 생각하기 나름인 것이다. 실제로 나는 그 며칠 동안 대통령을 직접 만나 교통 대책을 마련해 주겠다는 든든한 지원사격까지 얻어냈다. 이것 역시 긍정의 힘이었다. (번역)
6. 며칠밖에 안 남은 것과 며칠이나 남은 것. 고위간부가 내내 포기하라는 언질을 주었던 그때, 며칠밖에 안 남았다고 내가 포기했다면 어땠을까? 청계천 복원은 임기 중 영원히 착공에 들어가지 못했을지도 모른다. 사물을 긍정적으로 바라보는 것이야말로 어려움을 이겨내는 최고의 힘인 것이다. (번역)

(Sưu tầm)

TỪ MỚI

강성하다	Cứng rắn
긍정적이다	Tích cực
노점상	Buôn bán ở lòng lề đường
매사	Mọi việc
비관하다	Bi quan
산적하다	Chất đống

상상하다	Tưởng tượng
생존권 보호	Bảo hộ quyền sinh tồn
언질하다	Gợi ý
지원사격	Hỗ trợ
착공식	Lễ khởi công
현안	Vấn đề chưa giải quyết

Bài 30.

KHÔNG CÓ THÀNH CÔNG NÀO MÀ KHÔNG CÓ NỀN TẢNG

(기초 없는 성공은 없다)

1. 기초야말로 모든 일의 성패를 좌우하는 근본이다. 어느 분야든 성공의 원동력은 곧 탄탄한 기초에서 나오는 것이다. (번역)
2. IMF 사태가 터지고 난 뒤의 일이다. 당시 기업들 사이에선 'Back to the Basics' 이란 말이 유행이었다. 우리 경제가 IMF사태를 맞게 된 것도 기본기를 소홀히 한 채 외형과 단기간의 성과에만 급급했다는 반성에서 비롯된 표현이었다. 그로부터 8년 동안 "기본기를 충실히 다지자"는 구호는 사회 모든 분야로 파급되어 나갔다. (번역)
3. 기본기의 중요성은 특히 스포츠 경기에서 잘 증명된다. 축구 경기에서도 마찬가지다. 축구 선수들에게 가장 기본이 되어야 하는 것은 바로 90분 내내 운동장을 누릴 수 있는 체력이다. 선수 개개인의 기술이나 조직력, 감독의 전술이 아무리 뛰어나 다 할지라도 체력이 뒷받침 되지 않고서는 이를 효과적으로 발휘할 수 없는 것이다. (번역)

4. 마찬가지로 국가 운영이나 기업 경영에서도 기본기가 중요하다. 국가 경제가 잘 되려면 경제의 기본 원칙이 잘 지켜져야 하고, 기업 경영이 잘 되려면 기초가 되는 수익성이 좋아야 한다. (번역)
5. 그렇다면 한 사람에게 있어 기본기란 무엇일까? 나는 품성이라고 생각한다. 삶을 긍정하면서 도전하는 자세, 원칙을 중요하게 여기는 자세야말로 무엇과도 바꿀 수 없는 기본기다. (번역)
6. '기본'과 '원칙'은 때로 단기간의 손해를 가져다주기도 한다. 원칙과 기본을 철저히 따지다 보면 일의 진행은 더뎌지고 진행 과정은 번거로워진다. 그러나 긴 안목으로 볼 때 원칙과 기본은 더 큰 성공을 보장해 줄 수 있다. 그러므로 성공을 원하는 사람이라면 명심할 일이다. 기본 없이는 성공도 없다는 사실을... (번역)

(Sưu tầm)

TỪ MỚI

경영	Kinh doanh
급급하다	Chăm chăm
기본 원칙	Nguyên tắc cơ bản
기본기	Kỹ năng cơ bản
기초	Nền tảng
다지다	Làm vững, chăm chú
도전하다	Thử thách
뒷받침하다	Hỗ trợ, theo

뛰어나다	Nổi bật
반성하다	Tỉnh ngộ
사태	Sự việc, tình huống
손해하다	Thiệt hại
수익성	Tính lợi nhuận
안목	Con mắt
운영하다	Vận hành
원동력	Động lực
자세	Tư thế
전술	Chiến thuật
좌우하다	Chi phối, quyết định
품성	Phẩm hạnh

Bài 31.

DỊCH BÀI BÁO

(기사)

1. 번역전문기업인 딘칵뚜언 (Đinh Khắc Tuấn) '변화하는 경제환경'에서 '새로운 사업 착안'으로 성공. (번역)
2. 딘칵뚜언 (Đinh Khắc Tuấn) 사장은 성공한 번역전문 기업인이다. 그가 10여 년 전, 번역전문서비스 사업을 시작할 때는 '개방과 투자유치를 적극 추진하는 베트남정부의 '도이마이 정책이 탄력을 받기 시작할 때였다. 그 때문에 많은 외국기업체와 전문적인 투자 상담이나 협력 사업들이 활발하게 이루어지고 있었고 전문 번역 서비스의 중요성도 커졌지만 번역 전문 인력은 크게 부족한 시기였다. (번역)
3. 변화된 경제환경에서 '전문 번역'이라는 새로운 수요에 착안한 뚜언은 다양한 외국어 전문가들을 모아 CNN이라는 기업을 설립, 본격적인 번역 서비스 사업을 시작했다. 그가 사업을 시작할 무렵에는 전문적으로 번역 서비스를 제공하는 업체가 없었고, 그래서 Mercedes-Benz, Ford, Honda, Toyota, Nissan 등 자동차기업과 Tung Feng, ABB, Siemens, ANZ, Dutch Bank, MayBank, MB Bank, WorldBank, Lienviet Post Bank, Indochina Legal 등 유명 세계기업들이 모두 그의 고객이 됐다.

전문성을 갖추고 번역 시장을 선점한 CNN은 베트남 수출업체들과 은행들이 해외지점을 개설하거나 투자하는데도 도움을 주면서 사업규모를 확장할 수 있었다. (번역)

4. 번역사업도 품질과 가격으로 경쟁한다. 하지만 외국어 번역 사업에도 시련이 왔다. 정보통신기술이 발달하면서 기계번역 (machine translation)에 의존 (dựa vào) 하는 기업들이 늘어나고, 이에 따라 번역전문 업체들은 어려움을 겪고 있다. 현재 전 세계의 번역 시장 규모는 40억 달러로 추정되고 그 가운데 기계번역이 12% 정도를 차지한다. 이러한 기계번역 시장은 번역품질이 좋아지면서 더욱 커질 것으로 예상된다. (번역)
5. 뚜언 씨는 machine translation이 아직은 전문적인 상담이나 서류내용을 파악하기에는 부족하다고 믿고 있다. 때문에 전문번역회사는 재무시스템이나 은행, 의약, 법, 정보통신 (IT) 등 의뢰받는 기업의 전문분야에 대한 지식을 갖추고 높은 수준의 번역작업으로 승부해야 한다고 말한다. CNN 번역회사는 이런 원칙을 지켜 '품질과 가격'이라는 두 가지 무기로 경쟁업체들을 앞설 수 있었다. 뚜언 씨는 어떤 사업이든지 경쟁은 있기 때문에, 소비자들의 수요와 욕구를 정확하게 파악하고 그 바탕위에서 보다 나은 서비스를 제공하는 노력을 계속해야 한다고 말했다. (번역)
6. 그는 "나 자신을 알고, 다른 사람들을 알라"라는 경영방침을 가지고 기업을 운영해 왔고, 2020년까지

CNN이 전 세계 번역회사 50위 안에 드는 것을 목표하고 있다. CNN사는 이를 위해 2년 전 'ExperTrans'라는 새로운 브랜드를 창안하고 경영진의 리더쉽과 구조개편, 시장확대, 인재확보를 위한 구체적인 계획들을 추진 중이다. (번역)

7. 시련은 기회고 자기 개발이 중요. 경제환경 변화에 맞춰 새로운 사업에 착안했고, 어려움도 겪었지만 포기 하지 않고 목표를 향해 나가는 딘칵뚜언씨의 이야기는 청년 사업가들 사이에서 많은 공감을 얻고 있다. 뚜엔씨는 새로 사업을 시작하는 젊은 사업가들에게 자문하고 TV에도 출연, 자신의 이야기를 들려 준다. 그는 젊은이들에게 자신은 어려운 고비가 있을 때마다 친구들과 지인들의 응원과 스스로의 노력을 통해 극복할 수 있었고, 그런 어려웠던 시간들이 오히려 좋은 기회이기도 했다고 말한다. 그리고 다양한 경로를 통해 많은 사람들과 좋은 관계를 유지하는 것이야말로 가장 효과적인 자기 개발 방법이라고 가르쳐 준다. (번역)

베트남뉴스_하왕 (Hà Quang) 기자

TỪ MỚI

TV에도 출연	Xuất hiện trên TV
개방과 투자유치	Mở cửa và thu hút đầu tư
경로	Con đường, lối đi
경영방침	Phương châm kinh doanh
경영진	Ban lãnh đạo
경쟁업체	Công ty cạnh tranh

경제환경	Môi trường kinh tế
고비	Khó khăn
공감	Đồng cảm
구조개편	Tái cấu trúc
도이머이	Đổi mới
목표를 향하다	Hướng đến mục tiêu
바탕	Nền tảng
번역전문기업	Công ty chuyên dịch thuật
번역품질	Chất lượng biên dịch
본격적이다	Thực sự
브랜드	Thương hiệu
사업가	Những doanh nhân
사업규모	Qui mô kinh doanh
선점하다	Chiếm chỗ trước
설립하다	Thành lập
수요	Nhu cầu
수출업체들	Doanh nghiệp xuất khẩu
승부	Chiến thắng
시련	Thử thách
시장확대	Mở rộng thị trường
오히려	Ngược lại
욕구	Yêu cầu
응원하다	Cỗ vũ
의약	Y được

인재확보	Tìm kiếm nhân tài
자기개발	Phát triển bản thân
자기개발방법	Phương pháp phát triển bản thân
자문	Tư vấn
재무시스템	Hệ thống tài chính
전문분야	Lĩnh vực chuyên môn
전문성	Tính chuyên môn
정보통신기술	Công nghệ thông tin
지인	Người quen
착안하다	Để mắt
추진하다	Xúc tiến
투자상담	Tư vấn đầu tư
포기하다	Từ bỏ
해외지점	Chi nhánh nước ngoài
효과적이다	Có tính hiệu quả

Bài 32.

10 THÓI QUEN ĐỂ THÀNH CÔNG

(성공을 부르는 하루 10가지 습관)

- 영화 '매트릭스' 시리즈에서 가장 가슴에 남는 메시지는 2편에 등장하는 정보 브로커 메로빈지언의 대사다. 결과 없는 행위는 없다는 것, 모든 일에는 원인이 있으며 이런 맥락에서 우연처럼 보이는 사건도 필연일 수 있다는 발언이다. 이 주장은 지금의 나, 내가 처한 상황은 지금까지 살아온 내 행위, 내 인생의 결론이라는 뜻으로 귀결된다. 물론 어떤 사람에게 일어난 모든 불행이 그 사람의 책임이냐는 반론이 있을 수도 있다. 하지만 내 인생에 내가 책임을 진다는 의미에서 이 주장은 진지하게 받아들일 만하다. (번역)
- 이런 의미에서 성공에도 원인이 있다. 성공에는 대가가 따른다고 표현할 수도 있다. 그 대가는 자기 규율이다. 성공을 향해 나아가기 위해 지킬 것은 지키고 포기할 것은 포기하고 참을 것은 참는 절제다. 리더십 회사를 설립하고 베스트셀러 서적을 발간해 24살에 백만장자가 된 대니얼 앤리는 '비즈니스 인사이더'에 기고한글에서 성공이라는 결과를 낳는 원인인 자기 규율을 10가지로 정리했다. 이 10가지는 매일 반복하는 습관이 돼야 한다. (번역)

(Sưu tầm)

TỪ MỚI

귀결되다	Đi đến kết luận
대가	Cái giá
대사	Lời thoại
맥락	Chuỗi tự duy, mạch tự duy
메시지	Bức thông điệp
백만장자	Nhà triệu phú
서적	Sách, ấn phẩm
시리즈	Chuỗi, hệ thống, phim dài tập
우연	Ngẫu nhiên
절제하다	Kiểm chế
주장	Chủ trương
진지하다	Thận trọng
필연	Đương nhiên, tất yếu

Bài 33.

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

(물품매매계약서)

베햐(갑)을 매도인으로 하고 한베(을)를 매수자로 하여
당사자 간에 다음과 같이 매매 계약을 체결한다.

- 물 품 명: 트럭
- 매매 대금
- 인도 기일: ...년...월...일
- 인도 장소: 베햐(주) 공장
- 운송 방법: 을의 운송수단에 의함
- 대금지급조건: 인도 1일전 갑의 계좌로을 이 현금입금
- 특약 사항
 - 본건 계약이행에 관한 비용 및 기타 이 계약에 의한
매매에 관한 일체의 비용은 매수인을의 부담으로
한다.
 - 갑은 양자의 일방이 본건 계약을 위반시 그 상대방은
최고 없이 본건 계약을 해제할 수 있다. 단, 이 해제로
인하여 생기는 각종 비용에 대해서는 그 손해배상을
청구할 권리가 있다.

- 3) 을은 물품 인수 후 계약의 해제 및 반품을 요구할 수 없다.
- 4) 갑은 물품에 대한 ACCESSORY 및 이력카드를 포함하여 인도한다.

위 계약의 확증으로서 본 계약서 정부 1통을 작성하여 당사자 기명 날인 후 각자 1통씩 보관함.

200 년월일

매도인(갑)

매수자(을)

인도 장소	Địa điểm giao hàng
인수	Sự nhận bàn giao, sự chấp nhận
일체	Toàn bộ
체결하다	Ký kết
트럭	Xe tải
특약 사항	Điều khoản đặc biệt
해제하다	Hủy bỏ
현금입금	Nạp tiền mặt
확증	Sự chứng thực, sự xác thực, bằng cớ

TỪ MỚI

갑	Bên A
계좌	Tài khoản
당사자	Đương sự, bên có liên quan
대금지급조건	Điều kiện chi trả tiền
매도인	Người bán
매매 대금	Số tiền mua bán
매수자	Người mua
손해배상	Sự bồi thường thiệt hại
운송 방법	Phương pháp chuyên chở
을	Bên B
인도 기일	Kỳ hạn giao hàng

Bài 34.

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

(합작 투자 계약서)

- 이 계약은 [대한민국 서울특별시 강남구 삼성동 159]에 주소를 두고 대한민국(이하 "한국"이라 한다) 법률에 따라 설립되어 존속중인 갑회사(이하 "갑"이라 한다)와 [미국 뉴욕주 뉴욕시 웨스트 51가 140]에 주사무소를 두고 [미합중국 법률]에 따라 설립되어 존속중인 을회사(이하 "을"이라 한다) 사이에 [2008. 6. 1.]에 체결되었다.(번역)
- 갑은 한국에서 [각종 제품의 판매업]을, 을은 [미합중국]에서 [컴퓨터의 제조, 판매업]을 영위하고 있는 바, 양 당사자는 [컴퓨터의 제조 및 판매]를 주목적으로 하는 회사를 한국 내에서 설립하고자 하여, 갑과 을은 이 계약에 포함한 전기사항과 상호 약속을 약인으로 하여 다음과 같이 합의하고 그 증거로 이 계약서를 작성하는 바이다.(번역)

제1조 (정의)

본 조의 아래 용어는 본 계약에서 다음과 같은 의미를 갖는다.

- 신회사: 본 계약 제3조의 소정 절차에 따라 본 계약의 양 당사자가 한국법에 의거하여 설립하는 [뉴코

주식회사](이하 "신회사"라 한다), 영어로는 [NEWCO]로 지칭되는 주식회사.(번역)

- 발효일: 본 계약의 서명일.(번역)
- 부속계약: 본 계약과 관련하여 그 때 그 때 필요에 따라 본 계약 제3조에 의거하여 갑, 을 및 신회사 간에 체결되는 계약.(번역)
- 주식: 본 계약 제3조의 소정내용에 따라 행하여지는 각 출자의 대가로 신회사의 발기인 및 본 계약의 당사자들에게 발행 교부되는 액면.보통.의결권부 주식과 본 계약 제7조에 의하거나 기타 다른 방법으로 수시로 발행될 신회사의 모든 추가주식.(번역)
- 방계회사: 아래와 같은 모든 회사, 기타 법인, 조합, 또는 기타 기업.(번역)
 - 위 기업들이 본 계약의 어느 당사자의 이사 선임에 관한 투표권을 직접적이든 간접적이든 50%이상 보유 또는 통제하는 경우.(번역)
 - 본 계약의 어느 일방당사자가 위 기업 등의 이사 선임에 관한 투표권을 직접적이든 간접적이든 50%이상 보유 또는 통제하는 경우.(번역)
 - 제1조 제5항 제1호 또는 제2호 소정의 자격을 구비한 모든 회사, 기타 법인, 조합 또는 여타 기업이 위 기업 등의 이사선임에 관한 투표권을 직접적이든 간접적이든 50%이상 보유 또는 통제하는 경우.(번역)

제2조 (정부의 인가)

- ① 본 계약 체결 즉시, 을은 을의 신회사 주식취득 및 관련 부속계약에 따라 을이 신회사에 제공할 기술상의 협조에 관하여 외국인투자 촉진법에 따른 허가와 그에 관련하여 외국환 거래법상 요구되는 기타 허가 또는 승인을 받기 위하여 한국정부의 관련기관에 신청서를 제출하여야 한다. 상기 허가 또는 승인에는 한국정부가 모든 배당금, 로얄티(royalties), 이자지급, 구상비용, 출자회수금 및 본 계약 및 제반 부속계약에 따른 을에 대한 기타 제반지급금을 상기 제계약의 유효기간 중 을이 지정하는 [미합중국] 소재 은행에 미화로 환금, 송금하는 것을 보장한다는 내용이 포함되어야 한다. 갑은 을이 상기 허가 또는 승인을 취득하는데 필요한 모든 합리적인 협조를 제공하여야 한다. (번역)
- ② 본 계약의 체결 즉시, 을은 본 계약 또는 기타 제반 부속계약에 따라 을이 신회사에 기술 정보를 공개 및 사용허가 하는 것과 관련하여 미합중국 수출규제법상 요구되는 재결, 허가 또는 기타 승인을 받기 위한 신청서를 준비, 제출하여야 한다. (번역)
- ③ 위 제2조 제1항 및 제2항에 규정된 신청의 성실한 수행을 위하여 양당사자가 최선을 다하여 협력한다는 내용의 의무에 관한 것을 제외하고는 본 계약은 위 제1항과 제2항에 의한 모든 승인을 받을 때까지는 전적으로 미확정 및 조건부계약이다. (번역)

제3조 (신회사의 설립)

- ① 발효일 이후 가능한 한 조속히 갑과 을은 한국법에 따라 신회사가 설립 및 등기되도록 조치한다. 등기된 신회사의 주사무소의 소재지는 [한국 서울특별시 강남구 신사동 123]이다. 양당사자는 신회사의 설립 및 등기에 관련된 절차 및 명세에 대하여 서로 협의하고 협력하여야 한다. (번역)
- ② 신회사의 정관 및 이사회 규칙 본 계약서 제3조 제1항에 따라 신회사가 설립 및 등기된 경우 본 계약의 당사자들은 신회사가 본 계약서 별첨[1]의 정관 및 별첨 [2]의 이사회 운영 규정을 채택하도록 조치하여야 한다. (번역)
- ③ 수권자본 및 납입자본 본 계약서 제3조 제1항에 따라 신회사를 설립 및 등기한 때의 신회사의 수권자본은 [100억원]이며, 납입자본은 [50억원]이다. (번역)
- ④ 갑과 을의 출자 신회사의 최초 납입자본 중 갑 및 갑이 지정한 발기인들은 신회사의 액면 [5000원]의 보통·의결권부 주식 [50만주]를 받은 대가로 [25억원]의 현금출자를 하여야 한다. 을은 신회사의 액면 [5000원]의 보통·의결권부 주식 [50만주]를 받은 대가로 [25억원]의 현금출자를 하여야 한다. 갑과 을은 위 금액을 원화로 합작회사 명의의 00 은행 계좌로 납입하여야 한다. (번역)
- ⑤ 지분비율 본 계약에 따라 당사자들이 합작회사에 대하여 갖는 지분비율은 갑이 ()%, 을이 ()%이다. (번역)

- ⑥ 설립비용 제반 신회사 설립비용은 신회사가 발생시켰거나 또는 부담하는 부분을 제외하고는 본 계약의 당사자들의 균등 부담이다. 여행비용 및 법률비용을 포함하여 본 계약 체결시까지 각 당사자가 부담하게 된 비용은 동 비용을 발생시킨 당사자의 부담으로 한다. (번역)
- ⑦ 갑과 을은 합작회사의 주주로서 합작회사가 설립 후 발행하는 신주, 전환사채 등에 대하여 당시 지분비율에 따라 우선매수권을 가진다. (번역)

제4조 (부속계약)

- 신회사의 설립등기 직후 관계 당사자들은 아래의 계약을 체결하여야 한다. (번역)
1. 을과 신회사간의 기술사용계약 (License Agreement)
 2. 갑과 신회사간의 경영협조계약 (Management Assistance Agreement)
 3. 갑과 신회사간의 판매계약 (Distributorship Agreement)
 4. 갑과 신회사간의 공장 및 장비리스계약 (Plant and Equipment Lease Agreement)
 5. 신회사와 갑간의 인력이전계약 (Personnel Transfer Agreement)
 6. 신회사와 을간의 기술이전계약 (Technical Assistance and Technology Transfer Agreement)

제5조 (신회사의 경영)

- ① 주주총회 및 의결 주주총회 장소는 한국 또는 이사회가 주주의 전원일치 서면 동의를 받아 결정한 장소로 한다. 신회사의 정관 또는 한국법에 달리 규정된 경우를 제외하고 정기 주주총회의 결의 사항에 의하여 총 발행 주식의 과반수 이상을 보유한 주주들이 참석하고, 출석한 주주의 과반수의 찬성 투표로 채택된다. 현재 또는 장래에 법률에 의하여 허용되는 한, 주주는 주주총회개최 대신에 서면동의로써 권한을 행사할 수 있다. 주주에 관한 기타 제반사항은 신회사의 정관 또는 법률이 정하는 바에 따른다. (번역)
- ② 신회사의 이사회: 다른 법률의 규정이 없거나 신회사의 정관에 달리 정하여지지 아니하는 한, 신회사의 경영, 관리 및 통제에 관한 책임은 신회사의 이사회에 귀속된다. 이사회는 적법한 이사회의 결의, 정관과 법률의 규정 내용에 따라 신회사의 업무집행에 관한 권한을 신회사의 임직원에게 위임할 수 있다. (번역)
- 1. 신회사의 이사는 주주총회에서 선임된다. 신회사의 정관에는 [8] 명의 이사선임에 관한 규정을 두며 신회사의 이사 중 [4] 명은 갑이 지명한 사람으로, [4] 명은 을이 지명한 사람으로 하기로 본 계약 당사자간에 양해·합의되었다. (번역)
- 2. 신회사의 이사회는 신회사의 매 회계연도 중 적어도 [1회] 이상 개최되어 업무를 수행하여야 한다. 이사회 회의는 신회사의 사장 또는 이사회가 지정하는 타 임직원 또는 이사가 소집한다. 그러나 갑은 을이 이사회 회의

소집을 위한 중대한 사유가 있다고 판단하여 지정하는 경우에는 언제든지 신회사의 사장 또는 이사회에 의하여 전기와 같이 지정되고 갑에 의하여 지명된 태 임직원 또는 이사가 이사회 회의를 소집하도록 조치할 것을 합의한다. (번역)

3. 본 계약의 당사자들은 본 계약 제5조 제2항 제2호에 따라 그들에 의하여 지명된 이사가 신회사의 정관, 본 계약의 제6조, 이사회 운영 규정 등에 따라 이사회의 승인을 요하는 사항을 이사회에 제출하도록 조치하여야 한다. (번역)

③ 대표이사: 대표이사는 2인을 초과할 수 없으며 이사회 구성원 중에서 이사회가 다음 절차에 따라 선임한다. (번역)

1. 본 계약의 당사자들은 우선 신회사의 이사회로 하여금 갑이 지명하고, 을이 승인하는 1인의 대표이사를 선임하도록 하여야 한다. 갑이 대표이사를 지명하고 을의 승인을 받아야 한다. (번역)
2. 본 계약 제5조 제3항 제1호에 따라 선출된 대표이사에 추가하여, 은 언제라도 을에 의하여 지명되고 갑이 동의하는 신회사의 이사 중의 1인을 제2대표이사로 선출할 것을 요청할 권한을 갖는다. 을의 위와 같은 요청이 있는 경우 본 계약의 당사자들은 즉시 신회사의 이사회로 하여금 위 추가 대표이사를 선임하도록 조치하여야 한다. 동 추가 대표이사는 한국에 거주하여야 하며 신회사의 상근고용원 또는 임직원이어야 한다. (번역)

④ 사장 및 부사장

1. 본 계약서 제5조 제3한 제1호에 따라 갑이 지명하고 을이 동의한 대표이사가 신회사의 사장이 된다. 사장은 신회사의 수석임원의 역할을 수행하며 이사회가 정하는 바에 따라 신회사의 일상업무를 집행하고 이사회 회의의 의장이 된다. (번역)
2. 신회사는 을에 의하여 지명되고 갑이 동의하는 이사를 부사장으로 둘 수 있다. 본 계약서 제5조 제3항 제2호에 따라 추가 대표이사가 선임되는 경우 동 대표이사가 부사장이 된다. 부사장은 신회사의 사장을 보좌하며 사장 유고시 이사회 회의의 의장이 된다. (번역)

⑤ 감사: 신회사는 갑에 의하여 지명되고 을이 동의하는 법정감사 [1명]을 두어야 한다. (번역)

- ⑥ 이사, 대표이사 및 감사선임에 관한 협력 이 계약의 각 당사자는 본 조에 규정된 자격을 구비한 사람을 이사, 대표이사, 감사로 선출하기 위해 자신이 보유하는 신회사의 주식에 따른 투표권을 행사하고 또한 자신에 의해 지명된 이사로 하여금 그러한 권한을 행사하도록 할 것을 약속한다. 이사, 대표이사, 감사가 사망, 행위무능력, 사임 기타의 사유로 임기종료 전에 퇴임하였을 경우에는 각 당사자는 본조의 규정된 자격을 구비한 사람을 그 후임자로 선출하기 위해 필요한 투표권을 행사하고 또한 자신에 의해 지명된 이사로 하여금 그 권한을 행사하도록 할 것을 약속한다. (번역)

⑦ 회계기간 및 회계장부

1. 회계기간: 신회사의 회계기간은 매년 [1월 1일] 시작되어 그 해 [12월 31일]에 종료한다. 다만, 첫 회계기간은 본 계약서 제3조 제1항에 따라 신회사가 설립되는 날에 시작되어 그 다음 해 12월 31일에 종료된다. (번역)
2. 회계장부: 신회사는 본 항 제3호의 규정에 따라 지정된 회계사무소에서 규정하는 한국내에서 일반적으로 인정된 회계관행, 기준, 절차에 따른 회계, 경리장부와 그에 관련된 서류를 보유하여야 한다. (번역)
3. 회계감사: 매 회계기간 종료시 신회사는 그의 비용으로 각 당사자가 동의하는 한국 공인회계사 사무소에서 그 회계장부 및 관련서류를 감사받아야 한다. 이 공인회계사 사무소는 각 당사자가 회계보고 및 세금신고에 사용할 수 있는 회계보고서를 작성하여 갑 및 을에게 제출하여야 한다. (번역)
4. 보고 및 신회사 서류에 대한 감사 매 [반년]의 기간의 종료 즉시 신회사는 한국어와 영문으로 된 그 기간 동안의 대차대조표와 손익계산서를 각 당사자에게 제출하여야 한다. 나아가 신회사는 각 당사자가 요청할 때에는 각 당사자나 그 대리인이 열람할 수 있도록 회계장부와 서류를 본점에 비치하여야 한다. (번역)

제6조 (신회사의 사업)

- ① 신회사의 영업목적 신회사의 영업목적은 별첨[1]로 이 계약서에 첨부된 정관 제[X]조에 규정된 업무를 수행하는데 있다. 그러나 각 당사자는 우선 설립초기에는 신회사가 별첨[3]으로 본 계약에 첨부된 기술사용계약에 따라 을로부터 제공받은 기술에 따라 생산될 물건(이하 "제품"이라 한다)의 제조 및 판매업무를 수행하는 것으로 한다. (번역)
- ② 제품의 판매: 신회사는 별첨[5]로 이 계약에 첨부된 판매계약에 따라 한국 내에서는 제품을 갑에게만 판매하여야 하며, 갑은 신회사의 제품을 한국 내에서 독점판매 할 배타적인 권한을 가진다. (번역)
- ③ 제품의 수출: 당사자간에 특별히 달리 합의하지 않는 한 신회사는 제품을 전세계에 수출할 권리를 가진다. 다만, 수출한 물량과 갑에게 판매할 물량은 각 당사자가 협의하여 결정한다. (번역)
- ④ 제품의 판매가격: 위 제2항 및 제3항에 따라 갑에게 판매하거나 수출될 제품의 가격은 갑, 을과 협의한 후 신회사가 결정한다. 다만, 그 가격은 제품이 판매될 시장에서 경쟁력을 갖도록 결정되어야 한다. (번역)
- ⑤ 경업금지: 당사는 자신이나 또는 그 방계회사가 본 조의 제품과 경쟁이 될 물품을 직접 또는 간접으로 한국내에서 제조하거나 판매하지 않도록 할 것에 동의한다. (번역)

- ⑥ 신회사의 공장 및 시설: 갑은 별첨[6]으로 첨부된 공장 및 시설리스계약에 따라 [한국 경기도 안산시 반월공단 1-2]에 위치한 그의 모든 연구실과 생산시설을 신회사에 리스하여야 한다. (번역)
- ⑦ 갑은 별첨[7]으로 본 계약서에 첨부된 종업원 인계계약에 따라 현재 갑의 연구실에 소속된 종업원 전원을 신회사에 인계한다. (번역)

제6조의2 (합작회사의 경영)

- ① 합작회사의 운영 또는 경영과 관련된 아래 사항들은 갑과 을의 사전서면합의가 필요하다. (번역)
 - 1. 정관의 변경, 추가, 삭제
 - 2. 신주 발행, 증자, 감자 등 주주 또는 자본금의 변동을 일으키는 행위
 - 3. 사채발행 또는 운영자금 외의 차입
 - 4. 다른 회사 또는 영업의 인수, 합병, 양수도 등
 - 5. 해산 또는 청산
 - 6. ()원 이상의 금액에 해당하는 자산의 전부 또는 일부의 처분
 - 7. 기타 합작회사의 경영에 중대한 영향을 미치는 사항
- ② 각 회계연도의 결과에 따라 합작회사는 정관규정에 따라 주주들에게 배당금을 지급하여야 한다. 배당금의 지급시기, 방법, 통화 및 조세문제에 대해서는 별도로 서면합의한다. (번역)

제6조의3 (회계 및 보고)

- ① 합작회사의 회계는 대한민국 법체계에서 일반적으로 승인되는 회계기준과 실무에 따르며 국제적으로 승인되는 회계기준과 실무에 적합하여야 한다. (번역)
- ② 합작회사는 회계장부와 기록을 비치하여야 한다. 각 당사자 혹은 그들의 권한 있는 대표자(그로부터 위임을 받은 자를 포함한다) 합작회사의 일상 영업시간 중에 상기 장부와 기록을 조사할 권리를 가진다. (번역)
- ③ 연간 재무제표는 합작회사의 이사회가 선임한 회계법인에 의해 최소 ()년에 ()회 합작회사의 비용으로 감사되어야 한다. (번역)
- ④ 분기 경영 보고서는 합작회사가 갑과 을에게 제공하여야 한다. (번역)

제7조 (자금 조달)

- ① 운영자금 신회사는 필요한 운영자본을 그의 출자자본 이상으로 한국 내에서 차용하여야 한다. 만일 그 차용의 조건으로서 대주가 보증을 요구할 경우에는 각 당사자는 자신의 신회사의 자산에 대한 권리의 비율에 따라 보증할 의무를 부담한다. 신회사가 갑 또는 을이 필요하다고 인정하는 운영자금을 차용하지 못할 경우에는 각 당사자는 그의 신회사에 대한 보유주식의 비율에 따라 그들이 그 때 그 때 합의하는 금액에 이르기까지 필요한 자금을 신회사에 대여하기로 한다. 각 당사자는 신회사에 위 자금을 대여함에 있어서 다른 특별한 약정이 없는 한 기한, 이자, 변제 등 대여조건에

관하여 다른 당사자와 동일한 조건으로 대여하여야 한다. (번역)

- ② 추가자본 조달방법 각 당사자는 당사자간에 의하여 건전하고 신중한 영업관행에 비추어 제3조에 따라 출자될 자본 외에 추가자본이 필요하다고 결정할 때에는 갑과 을은 각각 신회사의 자산에 대한 권리의 비율에 따라 추가자본을 조달하여야 한다. 이러한 추가자본은 현금으로나 또는 당사자간에 합의된 경우에는 시장가격에 따라 기계류, 설비, 기술 혹은 기타의 물건으로 출자될 수 있다. 이러한 자본이 출자된 경우에는, 당사자는 그 출자자본액에 상당하는 보통의결권부 주식을 추가로 배정받는 것으로 한다. (번역)
- ③ 을의 의무부담의 조건 이 계약 제7조의 규정에도 불구하고 당시 시행중인 법령에 의하여 필요한 정부의 인가, 허가, 승인 등을 최초로 받지 아니하거나 그것을 받을 때까지는 을은 신회사에 대하여 보증, 대여, 추가자본의 조달 등의 의무를 지지 않는다. 다만, 을은 이러한 승인 등을 얻기 위해 최대한의 노력을 하여야 한다. 만일 을이 이러한 승인을 얻지 못하고 따라서 보증, 대여, 추가자본의 납부에 관한 자기의 의무분을 이행치 못할 경우에는 각 당사자는 다음 단계의 조치사항을 결정하기 위해 협의하여야 한다. 다만, 이 경우에 갑은 보증, 대여 또는 추가자본에 관한 자기의 의무분을 이행할 의무를 부담하지 아니한다. (번역)

제8조 (주식의 양도)

- ① 양도 등의 일반적 제한 본 조에서 명백히 달리 규정된 경우를 제외하고는 갑과 을은 자기가 보유하고 있는 신회사의 주식 또는 신회사에 대한 신주인수권을 매도, 처분, 담보로 제공하거나 또는 기타의 방법으로 그 명의나 권리를 양도하거나 그 주식상에 다른 권리의 설정 및 이와 같은 결과를 가져오거나 가져올 우려가 있는 행위를 하여서는 아니 된다. 다만, 이러한 제한은 갑 또는 을의 전재산 혹은 대부분의 재산에 일반적인 담보나 부담이 설정되는 것을 금지하는 취지는 아니다. (번역)
- ② 우선매수권 각 당사자는 법률에 의하여 허용되는 한 다른 당사자에게 자기가 소유하고 있는 신회사의 주식에 대한 우선 매수권을 부여한다. 따라서 당사자가 그가 소유하고 있는 신회사의 주식의 전부 또는 일부를 양도하려고 하는 경우에는 그 당사자는 우선 다른 당사자에게 그 매도의 청약을 하여야 한다. 이 매도의 청약은 주당 제시 가격 및 다른 조건들이 포함된 문서로 이루어져야 한다. 또한 이 청약에는 다음의 사유중의 어느 하나가 먼저 발생할 때까지 그 청약이 유효하다는 취지의 기재가 있어야 한다. (번역)
1. 문서로 된 거절의 의사표시의 발송 또는
 2. 이러한 청약의 도달일로부터 [90일]의 경과
- 만일 청약의 조건 등을 반대 당사자가 받아들이기 곤란할 때에는 당사자들은 그 청약의 도달일로부터 [90일]

이 내에 합의에 도달하기 위해 성실히 협의하여야 한다. 본 항에 따라 이루어진 청약에 대한 승낙은 그 승낙의 도달이 청약의 도달일로부터 [90일]이 내에 이루어진 경우, 그 승낙이 청약자에게 도달한 날짜로부터 효력을 가진다. (번역)

③ 매수청약에 대한 불승낙 또는 거절 만일 전 제2항의 매수청약의 전부 또는 일부에 대하여 상대방 당사자가 거절하거나 기간 내에 승낙을 하지 아니한 경우에는 청약자는 [120일]간의 기간 동안 상대방 당사자에게 제시한 가격이상으로 또한 그와 같은 조건으로 그 주식이나 나머지 주식에 대해 제3자에게 매수청약을 할 권리를 갖는다. 다만, 본 항에 따른 제3자에 대한 주식에 대해 제3자에게 매수청약을 할 권리를 갖는다. 다만, 본 항에 따른 제3자에 대한 신회사 주식의 양도는 이 계약 및 이 계약에 따라 체결된 (또는 이 계약의 계속적인 이행을 위해 양도인이 체결할) 타 계약에 규정된 양도인의 모든 의무를 제3자가 무조건으로 인수하는 조건이어야 하며, 그러한 인수는 문서로 이루어져야 한다. 만일 양도인이 위에서 규정된 [120일]기간 내에 그 주식의 전부 또는 일부를 제3자에게 매도하지 아니하는 경우 또는 처음 상대방 당사자에게 제시한 내용보다 낮은 가격이나 다른 조건으로 제3자에게 매도하려고 하는 경우에는 양도인은 먼저 상대당사자에게 제2항의 규정에 따라 청약을 하여야 한다. (번역)

④ 일반 요건으로서의 정부허가 본 조의 규정에 따른 신회사의 주식의 양도 실행 이 전에 양당사자 또는

일방 당사자는 이러한 양도와 그에 관련된 행위, 계약 등에 필요한 정부의 허가를 신청하여 받아야 한다. (번역)

- ⑤ 필요한 정부허가를 받지 못한 경우의 효과 제4항의 규정에 따라 신청하였으나 정부의 허가를 받지 못했다고 하여 청약자가 해당주식을 제3자에게 양도하거나 또는 청약자가 다른 방법으로 주식의 소유명의나 주식에 대한 권리를 매도, 양도, 담보 제공할 수 있는 권한을 갖는 것은 아니다. 위에서 규정된 바에 따라 정부의 허가를 신청하였으나 그 신청일로부터 [90일]이 내에 허가가 나지 않은 경우, 청약인이 그 때에도 그 주식 (그에 관해서 우선 매수청약 및 승낙이 이루어진)의 처분을 원할 경우에는 당사자 사이에 달리 합의되지 않는 한 그 주식을 표창하는 주권의 자기취득, 소각 및 그에 따른 신회사의 납입자본 감소를 포함하여 그 주식의 출자자에 대한 상환에 필요한 모든 필요한 절차를 강구하여야 한다. 이러한 주식의 상환 가격은, 관련 법령에 의거하여, 청약인이 매도청약시 상대방 당사자에게 제시한 가격으로 한다. (번역)
- ⑥ 주식매도에 따른 의무의 제한 본 계약에 당사자가 본 계약의 규정에 따라 신회사 주식전체를 매도, 기타 처분하거나 실질상 신회사 주식전체를 매도 기타 처분하는 것과 동일한 결과를 생기게 하는 행위를 할 경우에는 본 계약에 명백히 달리 규정되어 있지 아니하는 한 동 당사자의 본 계약상의 의무와 책임은 종료된다. (번역)

제9조 (지급 및 조세)

- ① 지급방법 및 지급장소 본 계약 및 부속계약에 포함되어 있거나 상정되고 있는 각종 행위 및 거래의 결과로서 또는 그와 관련하여 신회사가 을에게 행하는 일체의 지급(배당금, 로얄티, 이자지급, 구상비용, 출자회수금 등을 포함하나 이에 한하지 않는다)은 계약상에 달리 규정하는 경우를 제외하고는 경우에 따라 때때로 을이 신회사에 서면으로 지정하는 바에 따라 한국의 원화 또는 미합중국 달러화로서 한국 또는 [미합중국]에 있는 은행 또는 다른 주소에서 지급하는 방식으로 행한다. (번역)
- ② 원천징수 한국세법상 을에게 지급될 금액에 대하여 신회사가 원천징수하여야 할 세금은 신회사가 을로부터 원천징수하여야 즉시 관할 세무당국에 납부한다. 또한 계약당사자들은 신회사로 하여금 위 원천징수 세액과 관련하여 을이 [미합중국] 소득세에 대해 외국납부세액의 공제를 받음에 있어 충분한 근거가 될 수 있는 한국 세무당국발행의 납세필 영수증 또는 기타 적절한 증거를 을에게 제공토록 한다. (번역)

제10조 (기밀보장)

- ① 기밀보장의무 부속계약에 의하여 신회사에 기밀을 제공할 수 있는 경우를 제외하고는 이 계약의 당사자들은 타방 당사자 혹은 신회사에 의해서 기밀로 지정된, 타방 당사자 혹은 신회사로부터 얻은 정보의 기밀을 유지하여야 한다. 이를 위하여 그러한 기밀정보의 모든 기록, 사본, 복사, 번역에는 비밀 물건임을 나타내어

승인되지 않은 사용이나 복사를 방지하기 위한 명백한 표시를 하여야 한다. 다만 다음 각호의 정보는 기밀에 해당하지 아니한다. (번역)

1. 당사자가 공개하기로 합의한 사항
 2. 공지된 정보
 3. 정보를 제공받은 당사자가 제3자로부터 이미 적법하게 취득한 정보
 4. 법원 또는 정부기관이 적법하게 공개 또는 제공을 요구한 정보 (단, 사전에 상대방 당사자에게 서면으로 통지하여야 한다)
- ② 사용제한 부속계약에 명확히 규정된 방법에 따라 행하는 경우를 제외하고는 양당사자는 타방 당사자나 신회사로부터 얻은 기밀정보를 어떤 목적을 위해서도 사용하지 않을 것에 합의한다. (번역)
- ③ 의무의 제한 및 존속 본 계약 제10조에 의한 당사자들의 의무는 이 계약이 종료된 후 [7년]간 존속하며 당사자를 구속한다. 다만, 그러한 정보가 공지의 사실이 되거나 제3의 독립된 출처로부터 얻은 것인 경우에는 그러하지 아니하다. (번역)

제11조 (계약기간, 계약의 해지, 종료 및 효과)

- ① 계약기간: 이 계약은 신회사가 해산되거나 기타 독립된 실체로서 존속하지 아니하거나 본 조 제2항 소정의 사유로 이 계약이 종료되는 경우를 제외하고는 [발효일]로부터 무기한 존속한다. (번역)

② 계약의 종료, 사유: 다음과 같은 사유가 발생했을 때에는 계약은 종료한다.

1. 어느 일방당사자의 채무초과로 인한 지불불능, 어느 일방당사자가 스스로가 파산신청을 하거나 조직변경을 신청했을 때, 또는 어느 일방당사자가 상대방의 파산, 조직변경신청에 대해 반대신청을 하였으나, 그 반대신청이 [90일]이내에 기각되지 않았을 때(번역)
2. 어느 일방당사자가 채권자 일부의 이익을 위해 재산의 양도 등의 사해행위를 했을 때 또는 해산되거나 청산되었을 때(다만, 타방 당사자의 합리적인 견해로 볼 때 일방당사자의 이 계약 및 부속계약상의 의무이행능력에 대한 중대한 역효과를 미치지 않으며, 또 타방당사자에게 중대한 손해를 끼칠 정도로 일방당사자의 성격을 변경시키지 않는 흡수합병, 신설합병(Consolidation) Spin-off, 또는 이와 유사한 조직변경의 경우에는 제외한다). (번역)

어느 일방당사자가 본 계약체결일 후 (00)일이내에 합작회사 설립에 필요한 인허가를 득하지 못하였거나, 법령의 개정, 정부의 정책 변경 등으로 인하여 사업을 시작하거나 계속할 수 없게 된 경우. (번역)

3. 어느 일방당사자가 본 계약 또는 부속계약을 위반하고, 그러한 위반이 본 계약 또는 부속계약들의 이행 및 신회사의 성공적인 활동에 중요한 악영향을 가져오며, 또 계약위반에 관한 서면통지를 받은 후 [60일] 동안

당해 계약위반에 대한 아무런 구제조치도 강구되지 않은 채로 그대로 방치된 때. (번역)

4. 이 계약 또는 부속계약에 의한 어느 일방당사자의 의무의 이행 또는 금전의 수령이 법에 위배될 때. (번역)
5. 신회사의 운영과 관련된 중요한 문제에 대하여 양당사자 사이에 의견의 차이가 발생하고 그러한 의견 차이를 해결치 못한 주주총회 또는 이사회가 있은 날로부터 [90일] 내에 양당사자간의 성실한 협상에 의해서도 해결되지 아니할 때. (번역)
- ③ 전항 제3호 및 제4호의 경우에 있어서 계약위반 또는 위법상태에 있지 않은 일방당사는 서면에 의한 통지로써 타방당사자 소유주식을, 관련 법령에 의거하여, 독립적인 평가기관이 정한 공정한 가격 또는 양당사자간에 합의된 가격에 매입하거나 신회사의 해산절차를 밟을 수 있는 선택권을 보유한다. (번역)
- ④ 제2항 제1호, 제2호, 제2호의2의 경우에 양당사자는 법이 허용하는 바에 따라 신회사의 해산절차를 취하기로 한다. 위 제5호의 경우에는 양당사자는 보유주식을 일방당사자 또는 타인에게 매도하기로 합의하지 아니하는 한, 신회사의 해산절차를 취하기로 한다. (번역)
- ⑤ 권리, 의무의 존속: 본 계약이 어떠한 원인에 의하여 종료된다고 하더라도 계약종료 당시에 이미 발생하거나 계약종료 이전의 작위 또는 부작위와 관련하여 계약종료 이후에 발생되는 계약당사자의 의무는 영향을 받지

아니하며 또한 어떠한 계약종료가 있다고 하더라도 본 계약의 다른 부분에서 계약종료에도 불구하고 존속할 것으로 명백히 선언된 계약당사자의 권리와 의무는 아무런 영향을 받지 아니한다. (번역)

제12조 (해석)

- ① 준거법: 이 계약의 유효성, 성립 및 이행의 문제는 한국의 법률에 의하여 해석된다. (번역)
- ② 언어: 이 계약서는 영어와 기타의 다른 언어로 작성될 수 있다. 서로 다른 언어로 작성된 계약서 간에 차이 또는 불일치가 있는 경우, 영문 계약서가 모든 면에서 우선한다. (번역)
- ③ 중재: 이 계약으로부터 또는 이 계약과 관련하여 발생하는 모든 분쟁은 서울에서 대한상사중재원의 중재규칙에 따라 중재에 의해 최종 해결한다. (번역)
- ④ 제목의 의미: 제1조의 것을 제외하고는 본 계약의 조 및 항에 붙어 있는 제목은 오로지 참조의 편의를 위한 것으로서 이 계약의 일부를 형성하지는 아니하며 계약의 해석에 하등의 영향을 미치지 아니한다. (번역)
- ⑤ 계약의 수정 등: 이 건 계약은 이 합작투자와 관련하여 계약당사자간에 이루어진 완전합의로 구두의 것이든 그 반대의 것이든 이 건 계약체결 이전에 계약당사자간에 이와 관련하여 이루어진 일체의 협정 또는 합의들에 우선하며 또한 이 건 계약의 체결과 동시에 사전에 이루어진 위 협정 또는 합의는 폐기된다. 계약의

일방당사자로부터 구두설명 또는 구두통지가 있었다 하더라도 그것만으로 이 건 계약의 의미 또는 해석이 변경되지는 아니한다. 계약의 양당사자들로부터 정당하게 수권받은 자들에 의하여 서면으로 작성되지 아니하는 한 계약의 수정, 변경, 추가는 계약당사자들에 대하여 아무런 효력 또는 구속력을 갖지 아니한다. (번역)

- ⑥ 불포기: 명시적이든 묵시적이든 계약당사자가 이 계약상의 어떠한 권리를 포기하거나 타방 당사자의 계약불이행 또는 계약위반에 대한 권리행사를 포기하였다 하더라도 그것이 이 계약상의 다른 권리 또는 타방 당사자의 또 다른 계약불이행 또는 계약위반에 대한 권리행사의 포기가 되거나 포기로 간주되지 아니한다. 이러한 해석원칙은 이미 포기한 계약상의 어떠한 권리 또는 어떠한 계약불이행, 계약위반에 대한 권리와 이 계약상의 다른 권리 또는 다른 계약불이행, 계약위반에 대한 권리가 유사한 것인가의 여부를 가리지 아니하고 적용된다. (번역)

제13조 (진술 및 보장)

계약의 당사자들은 본 계약 체결일부터 신회사 설립시까지 다음의 사항들이 진실하고 정확함을 진술 및 보장한다. 본 진술 및 보장 사항은 본 계약의 중요한 내용을 이루는 것으로서 이러한 사항이 허위이거나 부정확한 경우 당해 진술자는 이로 인하여 상대방이 입게 되는 손해, 손실 및 비용을 배상 또는 보상하여야 하며, 본 사항에 영향을 미칠 사유가 발생하는 경우에는 즉시 상대방에게 그 사유를

서면으로 통지하여야 하고, 상대방의 요청에 따라 적절한 대응조치를 취하여야 할 의무를 부담한다. (번역)

1. 계약의 승인 본 계약은 해당 당사자에 의하여 적법하게 체결되었고, 해당 당사자에 대하여 본 계약의 조건들에 따라 집행할 수 있는 유효하고, 구속력이 있는 의무를 구성하며, 당사자는 본 계약의 체결 및 이행에 필요한 모든 법률상의 능력과 자격을 가지고 있고, 본 계약의 체결 및 이행은 해당 당사자의 모든 필요한 내부 절차에 따라 적법하게 승인되었다. (번역)
2. 법령, 정관, 정부승인등 해당 당사자에 의한 본 계약의 체결 및 이행은 (i) 해당 당사자의 정관에 위반되거나, (ii) 해당 당사자에게 적용되는 법령 또는 정부승인에 위반되거나, (iii) 해당 당사자가 당사자인 중요한 계약 또는 해당 당사자가 부담하고 있는 중요한 의무와 관련하여 그 위반 또는 의무불이행을 구성하거나 기한의 이익을 상실시키지 아니한다. (번역)
3. 상대방의 권리에 영향을 미치는 사실관계 각 당사자는 파산, 회생, 지급불능, 지급유예 및 기타 상대방의 권리에 부정적 영향을 미치는 사실관계에 놓인 적이 없으며, 그러한 사실 관계를 초래할 수 있는 상황에 있지 아니하다. (번역)

제14조 (잡칙)

- ① 양도: 이 계약 및 이 계약상의 모든 권리 및 의무는 대인적 성질을 가지고 있으며, 타방당사자의 사전 서면동의가 없는 한 제3자에게 양도될 수 없다. 다만, 계약당사자는 제8조의 규정에 따라서 신회사의 모든 주식을 이전하거나 실질상 이전하는 것과 같은 효과를 내는 행위를 함과 관련하여 또는 어떠한 기업에 자신의 모든 자산 또는 실질상의 모든 자산을 양도하거나 양도인인 계약당사자가 포함된 합병에 있어서 존속하거나 신설되는 회사에 자산이 이전되는 것과 관련하여 타방 당사자의 사전동의가 없다고 하더라도 이 계약을 양도할 수 있다. 그러나 이 양도는 양도인인 계약당사자의 계약상의 모든 의무와 책임을 양수인이 부담하겠다는 서면에 의한 사전약정과 나아가 계약양도와 관련하여 준거법이 요구하는 모든 정부인가·허가·결정 등을 받는 것을 조건으로 한다. (번역)
- ② 불가항력: 계약의 일방당사자는 파업, 폭동, 폭풍, 화재, 폭발, 천재지변, 정부의 조치 또는 당사자의 합리적 통제범위를 넘는 기타 다른 원인에 의하여 타방당사자가 겪거나 입은 일체의 손실, 상해, 자연, 손해 또는 기타 다른 사고에 대하여 아무런 책임을 부담하지 아니하며, 계약당사자가 이 계약상의 의무를 이행하지 못하거나 이행에 있어 지체를 하였다 하더라도 그것이 위의 원인 중 하나 또는 그 이상의 원인 때문에 생긴 것일 때에는 이를 이 계약의 위반으로 보지 아니한다. (번역)

③ 계약조항의 독립: 이 계약의 어느 조건 또는 조항이 어떠한 이유로 무효, 위법 또는 집행불능이라고 하더라도 그러한 사정은 이 계약의 다른 조건 또는 조항에 대하여는 아무런 영향을 미치지 아니한다. 이 경우에 그 조건 또는 조항은 무효, 위법 또는 집행불능으로 판단되는 한도 안에서 이 계약속에 포함되지 않았던 것으로 해석된다. (번역)

④ 통지: 이 계약에서 달리 정하고 있는 경우를 제외하고, 이 계약상 요구하거나 허용되는 일체의 통지는 서면으로 행하여져야 하며, 등기항공우편으로 발송하여 수신인 본인에게 직접 교부되거나, 또는 텔레스나 전신(동일자 발송의 서신에 의하여 확인 되어야 함)에 의하여 발송되면 통지로서 유효하고 충분하다. (번역)

이상의 증거로서, 각 계약당사자는 이사회의 승인을 받은 후, 각 정당하게 수권받은 자들로 하여금 이 계약서의 모두에 기재된 일자에 이 계약서를 작성하게 하였다. (번역)

TỪ MỚI

거래법상	Theo luật giao dịch
결의 사항	Mục cần thống nhất
계약위반	Vi phạm hợp đồng
공장 및 장비리스계약	Hợp đồng thuê nhà xưởng và thiết bị
구비하다	Trang bị, chuẩn bị sẵn
구속력	Sức ràng buộc

기술상	Về mặt kỹ thuật
납부	Việc đóng thuế
납세필	Nộp thuế hoàn tất
납입자본	Vốn huy động
담보	Thế chấp
대리인	Người đại diện, người được ủy nhiệm
대차대조표	Bảng cân đối
독점판매	Bán hàng độc quyền
매도	Việc bán, việc chuyển nhượng
미화	Đô la Mỹ
미확정	Chưa rõ ràng, chưa xác định
발효일	Ngày có hiệu lực
방계회사	Công ty con
배당금	Cổ tức
법체계	Hệ thống pháp luật
변제하다	Thanh toán nợ, trả nợ
별첨	Đính kèm, kèm theo
보유주식	Cổ phần nắm giữ
보좌하다	Hỗ trợ, trợ lý
본점	Trụ sở chính
부속계약	Hợp đồng đính kèm
분기 경영보고서	Báo cáo kinh doanh quý
불가항력	Bất khả kháng
불승낙	Không chấp nhận

비추다	Chiếu theo, căn cứ vào	약인	Đóng dấu
사임	Từ chức	약정	Ước định, cam kết
사전약정	Cam kết trước	양당사자	Hai bên đương sự
사채발행	Phát hành trái phiếu	양도하다	Sang nhượng
사해행위	Hành vi gian lận	업무집행	Tiến hành công việc
상기	Điều đề cập ở trên	열람하다	Tham khảo, tìm hiểu
생산시설	Cơ sở sản xuất	영위하다	Vận hành, thực hiện
서면 동의	Đồng ý bằng văn bản	외국환	Ngoại hối
선임되다	Được bổ nhiệm	우선매수권	Quyền mua trước
세금신고	Báo cáo thuế	원천징수	Truy thu từ nguồn gốc
세무당국	Cục thuế	위배되다	Bị vi phạm
세무당국발행	Cơ quan thuế phát hành	유효기간	Thời gian có hiệu lực
소재지	Địa chỉ	의무부담	Có nghĩa vụ
소집	Triệu tập	이사선임	Bổ nhiệm giám đốc
손익계산서	Bảng báo cáo tài chính	이사회 규칙	Qui tắc của hội đồng quản trị
송금하다	Chuyển tiền, chuyển khoản	이사회	Hội đồng quản trị
수권자본	Vốn điều lệ	이자	Tiền lãi
수시로	Thường xuyên	이자지급	Thanh toán lãi
수출규제법	Luật hạn chế xuất khẩu	인계계약	Hợp đồng bàn giao
승낙	Sự đồng ý, sự chấp thuận	인력이전계약	Hợp đồng thiên chuyển nhân lực
신설	Sát nhập	재결	Phán quyết
신주	Cổ phiếu mới	재무제표	Báo cáo tài chính
악명향	Ảnh hưởng xấu	전환사채	Trái phiếu chuyển đổi
액면	Mệnh giá	정관	Điều khoản

제반지급금	Tất cả các khoản chi trả	하여금	Một cách bắt buộc, một cách ép buộc
제조	Chế tạo, sản xuất	한국 공인회계사	Kế toán viên được công nhận
조건부계약	Hợp đồng có điều kiện	합병	Sáp nhập, hợp nhất
존속하다	Tiếp tục tồn tại	합작회사	Thỏa thuận
주목적으로	Với mục đích chính	해당주식	Công ty liên doanh
주식	Cổ phần	해산절차	Cổ phần tương ứng
주주	Cổ đông	허위	Thủ tục giải thể
주주총회	Đại hội cổ đông	협의하다	Xuyên tạc, giả dối
증자	Tăng vốn	회계감사	Thảo luận, bàn bạc
지급유예	Trì hoãn chi trả	회계연도	Kiểm tra kế toán
지명하다	Để cử, chỉ định	회계장부	Năm kế toán, năm tài chính
지분비율	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	흡수합병	Sổ kế toán
지칭되다	Được chỉ định		Sáp nhập
차용하다	Vay mượn		
채권자	Bên cho vay		
채택하다	Lựa chọn		
추가자본 조달방법	Phương pháp huy động vốn bổ sung		
추가주식	Cổ phần bổ sung		
출자	Sự xuất vốn, sự bù vốn		
통제하다	Khống chế, kiểm soát		
퇴임하다	Về hưu		
투표권	Quyền bỏ phiếu		
파산신청	Xin phá sản		
파업	Đình công		

Bài 35.

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(표준 근로 계약서)

(이하 "사업주"라 함)과 (와) (이하 "근로자"라 함)은 다음과 같이 근로계약을 체결한다.

1. 근로계약기간: ... 년... 월... 일부터... 년... 월... 일까지
 - 근로계약기간을 정하지 않는 경우에는 "근로개시일"만 기재
2. 근무 장소:
3. 업무의 내용:
4. 소정근로시간: ... 시 분부터... 시... 분까지 (휴게시간 ... 시... 분... 시... 분)
5. 근무일/휴일: 매주... 일(또는 매일단위)근무, 주휴일 매주... 요일
6. 임금:
 - 월 (일, 시간)급 ... 원
 - 상여금: 있음 (...) 원, 없음 (...)
 - 기타급여: (제수당 등) 있음 (...), 없음 (...)
 - 임금 지급일: 매월(매주 또는 매일)... 일 (휴일의 경우는 전일 지급)

- 지급방법: 근로자에게 직접지급(...), 근로자 명의 예금통장에 입금(...)
- 7. 연차유급휴가: 연차유급휴가는 근로기준법에서 정하는 바에 따라 부여함
- 8. 사회보험 적용여부(해당란에 체크)
 - 고용보험 산재보험 국민연금 건강보험
- 9. 근로계약서 교부
 - 사업주는 근로계약을 체결함과 동시에 본 계약서를 사본하여 근로자의 교부요구와 관계없이 근로자에게 교부함 (근로기준법 제17조 이행)
- 10. 기타
 - 이 계약에 정함이 없는 사항은 근로기준법령에 의함
... 년... 월... 일 ...
(사업주) 사업체명 (전화)
주 소
대 표 자 (서명)

(근로자) 주 소

연 락 처

성 명 (서명)

TỪ MỚI

교부	Việc cấp phát
근로개시일	Ngày bắt đầu làm việc
근로기준법	Luật lao động cơ bản
기타급여	Thù lao khác
상여금	Tiền thưởng
소정근로시간	Thời gian làm việc quy định
연차유급휴가	Nghỉ phép có lương
예금통장	Sổ tài khoản tiền gửi
임금 지급일	Ngày trả lương
임금	Tiền lương
제수당	Tiền trợ cấp
주휴일	Ngày nghỉ hàng tuần
체크	Kiểm tra
해당란	Cột tương ứng

Bài 36.

LUYỆN DỊCH DANH NGÔN

(명언)

- 노력을 멈추지 않는 한 패자는 아니다. (Mike Ditka)
- 사람은 산같은 난관에 마주칠 때 큰 일이 이루어진다. (William Blake)
- 용기가 없이는 어떤 지혜도 결실을 맺을 수 없다. (Baltasar Gracian)
- 자기가 하는 일을 잘 파악하라. 일에 통달하라. 일에 끌려다니지 말고 일을 끌고 다녀라. (Whitt N. Schultz)
- 성공이란 지성이나 행운보다는 인품에 좌우될 때가 많다. (William Lecky)
- 관습에 역행하는 방도를 택하면 항상 일이 잘 될 것이다. (Rousseau)
- 겸손해서 손해본 적이 없다. 돈이 가장 안 드는 즐거움이며 비용이 전혀 안들면서 좋은 인상을 준다. 주는 사람도 받는 사람도 기쁘게 하고 따라서 온정처럼 두배로 축복을 받는 것이다. (Erastus Wiman)
- 절망에 빠졌을 때 변화가 시작된다. (미상)

9. 시냇물이 알아도 깊은 것으로 생각하고 건너라.
(한국속담)
10. 가장 좋은 팔자는 시기를 받을 정도의 부자도 아니며 멸시당 할 정도로 가난 하지도 않는 사람의 경우다.
(Seneca)
11. 용기가 중요하다. 용기가 사라지면 모든 것이 없어진다.
(James Barrie)
12. 섬유처럼 부드러운 마음과 오크나무 처럼 단단한 용기를.
(Cervantes)
13. 확신은 쉽게 확산된다. 자신부족도 마찬가지다.
(Michael O'Brien)
14. 가난한 사람보다는 죽은 사람이 더 행복하다.
(중국속담)
15. 노년에 극빈자가 되면 철학가라도 견디어내기 힘들다.
(Cicero)
16. 가장 중요한 자질이 상식이다. 그런데 대부분 사람들은 상식이 없다.
(Peter Druker)
17. 용감한 사람만이 제 뜻을 찾는다.
(John Dryden)
18. 성공 하려면 새로운 길을 닦아나갈 것이지 이미 성공한 사람들이 닮도록 "P고 지나간 길을 걸어서는 안된다.
(John D. Rockefeller)
19. 최고의 방어가 최선의 공격이다.
(Nelson)
20. 변화란 어떤 것이든 두려운 것이다.
(Henry L. Doherty)
21. 용기가 야심을 끌어주는 한 실패란 성공이 연기되는 것에 불과하다, 끈덕짐의 습관이 승리의 습관이다.
(Herbert Kaufman)
22. 재 빨리 듣고 천천히 말하고 화는 늦추어라.
(James)
23. 곤란에 대처하는 것을 보면 사람의 됨됨이를 안다.
(Epictetus)
24. 성공이란 행동의 요령이다. 성실성 결여가 어떤 일을 하는데 있어서도 주요 실패요인 가운데하나다.
(Napoleon Mill)
25. 성공이란 간단하다. 올바른 것을 옳은 방법으로 적절한 타이밍에 하라.
(Arnold Glasow)
26. 성공하는 비결은 목적을 바꾸지 않는 것이다.
(Benjamin Disraeli)
27. 습관이란 반줄이다. 우리는 매일 습관의 꼬 실을 엮고 있는데 마침내는 그것을 풀어버릴 수 없게 된다.
(Horace Mann)
28. 당신의 건강을 유지하려면 당신이 원치않는 것을 먹고 안 좋아하는 것을 마시고 하고 싶지 않은 것을 하는 수밖에 없다.
(Mark Twain)
29. 사람의 계산대로 되는 일은 없다. 사람의 일생은 운명에 달려있다.
(중국속담)
30. 결단력은 강력한 자산이다.
(Blaise Pascal)
31. 책은 당신의 마음을 열어주고 당신의 마음을 넓혀주며 당신의 정신력을 키우는데 책말고 이것을 해낼 수 있는 것은 없다.
(William Feather)

32. 사람이 훌륭할수록 더더욱 겸손하다. (Tennyson)
33. 단호한 결의야말로 최상의 지혜이다. (Disraeli)
34. 어느 말이나 자기 짐이 가장 무겁다고 생각한다. (Thomas Fuller)
35. 자신의 마음을 보다 깨끗이 맑게 닦아라. 자신이라는 창문을 통해 세상을 보아야 하기 때문이다. (George Bernard Shaw)
36. 성공하려면 마음가짐이 능력만큼이나 중요하다. (Douglas Wilder)
37. 성격이 운명이다. (Heraclitus)
38. 일에 대한 열정이 있어야 진정 위대한 일을 이룩하게 된다. (Friedrich the Great)
39. 말할 것이 가장 적은 사람이 가장 말이 많다. (Matthew Prior)
40. 이 세상에서 최악의 파산은 열정을 잃어버린 사람이다. 이 세상에서 열정 이외의 모든 것을 다 잃는다 해도 그는 다시 성공하게 될 것이다. (H. W. Arnorld)
41. 시시하게 살기에는 인생이 너무나 짧다. (Disraeli)
42. 운동을 할 시간이 없다고 생각하는 사람은 조만간 앓아눕게 되는 시간을 갖지 않을 수 없다. (Edward Stanley)
43. 인간운명의 시발점이 되는 인생의 중대사 대부분은 사소한 일들이다. (R. Smith)
44. 삶은 변화하는 것이기에, 완벽하다는 것은 자꾸 변화를 주어야 한다는 것이다. (John Henry Newman)
45. 국가의 가장 값진 자랑거리는 도덕적으로 훌륭한 위인들이 있다는 것이다. 그 위인들의 솔선수범을 그대로 본 받는다면 그 국가는 번영할 것이다. (Fisher Ames)
46. 할 일이 많지 않으면 여가를 제대로 즐길 수 없다. (Jerome K. Jerome)
47. 젊은이에게 가장 유익한 투자는 고용주를 위해 헌신적으로 일하는 것이다. (Roger Babson)
48. 당신이 하고 있는 일이 유익한 것이라면 그 보상으로 낙낙한 생활을 하게 될 것이다. (William Feather)
49. 인생에서나 비즈니스에서나 미소진 표정으로 말하는 사람이 이기는 것이다. (Paul E. Lego)
50. 곤란에 봉착해도 차분한 마음을 지키도록 노력하라. (Horace)
51. 아무것도 해 볼 용기가 없는 사람은 아무것도 바랄 필요가 없다. (Schiller)
52. 끈덕짐을 대신할 만한 것이 이 세상에는 없다. 재능도 안 된다. 천재도 안 된다. 끈덕짐과 단호한 결의는 무엇이든 해낼 수 있다. (Calvin Coolidge)
53. 리더십이란 사람들로 하여금 그들이 하기 싫어하는 것을 하게 하고 그 일을 좋아하게 만드는 능력이다. (Harry S. Truman)

54. 괘락을 추구한 젊은이는 어른이 되어 고생한다. (Young)
55. 경험을 현명하게 사용한다면, 어떤 일도 시간 낭비는 아니다. (오귀스트 르네 로댕)
56. 계산된 위험을 감수해라. 이것은 단순한 무모함과는 완전히 다른 것이다. (조지 스미스 패튼)
57. 성공이란 열정을 잃지 않고 실패를 거듭할 수 있는 능력이다. (원스턴 처칠)
58. 경쟁우위가 없다면, 경쟁하지 마라. (잭 웰치)
59. 실수를 해 보지 않은 사람은 한번도 새로운 일을 시도해 보지 않았던 사람이다. (아인슈타인)
60. 한번 실패한 것이, 앞으로의 모든 일에 실패할 것이라고 의미하지는 않는다. (마릴린 먼로)
61. 사업의 비결은 다른 사람들이 아무도 모르고 있는 무엇인가를 아는 것이다. (아리스토텔 오나시스)
62. 성공에 대한 비밀은 따로 존재하지 않는다. 그것은 바로 준비, 근면성, 실패로부터의 배움이다. (콜린 파월)
63. 비전이 있어야 전략이 생긴다. (제인스 쿠퍼)
64. 리스크를 줄이는 것이 이익을 추구하는 일보다 더 중요하다. (제임스 핑크스)
65. 최악의 시나리오를 대비하지 않는 사업 계획이 가장 나쁜 계획이다. (슘페터)
66. 아무리 힘들지라도 최선으로 여겨지는 길을 선택하라. (피타고拉斯)
67. 새로운 경쟁우위 전략은 지금까지의 원칙과 디자인을 지속적으로 개선해 나가는 것이다. (다이앤 브래디)
68. 부자들은 보통 무엇인가 가치 있는 것을 창조하여 무엇인가 사회에서 필요한 것을 만들어 낸다. 그 부산물로 부를 창출하는 것이다. (게리 헥터)
69. 지난 실수를 잊어라. 실패도 잊어라. 자신이 할 것을 빼 놓고 전부 잊어라. 그리고 그 할 것을 실행하라. (윌리엄 드런트)
70. 중요한 질문은 "당신이 얼마나 바쁜가?" 가 아니다. "당신이 무엇에 바쁜가" 가 핵심 질문이다. (오프라 윈프리)
71. 나는 실패한 것이 아니었다. 단지 성공하지 않는 10,000 가지 방법을 발견했을 뿐이다. (에디슨)
72. 가장 중요한 것은 기회를 잡는 것을 두려워 않는 것이다. 기억하라, 가장 큰 실패는 시도하지 않는 것이다. (데비 필즈)
73. 놀라운 아이디어는 넘쳐난다. 단지 부족한 점은 그것을 실행하는 의지이다. (세스 고딘)
74. 가장 중요한 것은 당장 자리에서 일어나서 무엇인가를 하는 것이다. (놀란 부쉬넬)
75. 절대적인 목표는 만족하는 고객으로부터 돈을 받는 것이다. (존 이간)

76. 몇몇 사람들을 정말로 행복하게 만드는 것이 많은 사람들을 조금 행복하게 만드는 것보다 낫다. (폴 그레이엄)
77. 아이디어가 전부는 아니다. 아이디어를 실현하는 것이 더 중요하다. (스콧 벨스키)
78. 작은 규모로 머물러 있는 것이 나쁜 것은 아니다. 작은 팀으로도 얼마든지 큰 것들을 할 수 있다. (제이슨 프라이드)
79. 실패를 걱정하지 마라. 한번만 옮기만 하면 된다. (드류 휴스턴)
80. 많이 실패해라. 그래서 빨리 성공할 수 있게 해라. (톰 켈리)
81. 가능한 자기자본만으로 회사를 운영하라. (개릿 캠프)
82. 데이터가 감정을 이긴다. (션 래드)
83. 근면함이 행운의 어머니이다. (벤자민 프랭클린)
84. 사람들은 자주 영뚱한 것에 열심이다. 열심히 하는 것보다 더 중요한 것은 올바른 것에 노력을 기울이는 것이다. (카트리나 페이크)
85. 이론은 멋지지만, 실행에 옮기기 전까지는 쓸모없는 것이다. (제임스 페니 - James Fenimore Cooper)
86. 가족들이 서로 맷어져 하나가 되어 있는 것이야말로 이 세상에서의 유일한 행복이다. (마리퀴리)
87. 반드시 요청하라. 요청은 성공과 행복으로 가는 가장 강력한 지름길이다. (피시로스)
88. 한평생 살다가 죽을 때 한명의 진정한 스승과 열명의 진정한 친구 그리고 백권의 좋은 책을 기억할 수 있다면 당신은 성공한 삶을 산 것이다. (장영희)
89. 언젠가 삶을 모질게 만들려고 할 때 기억해야 할 격언은 '이 것은 불운이다'가 아니라 '이 것을 훌륭하게 견디는 것이 행운'이라는 것이다. (아우렐리우스)
90. 정말 불행하다고 느끼더라도 세상에는 당신이 다른 사람의 고통을 덜어 줄 수 있는 한 삶은 절대로 헛되지 않다. (헬렌캘러)
91. 행운과 기회는 같은 것이 아니다. 기회는 우리가 미래를 향해 힘껏 내딛는 첫 걸음이며 행운은 그뒤에 오는 뜻밖의 결과다. (에이 미텐)
92. 행복은 깊이 느끼고, 단순하게 즐기고, 자유롭게 생각하고, 삶에 도전하고, 남에게 필요한 사람이 되는 능력으로부터 나온다. (스톰제임슨)
93. 세계최고의 청소부가 되는 것도 좋고 세계최고의 모델이 되는 것도 좋다. 무엇을 하든 최고가 될 수 있다면 그것으로 좋다. (무하마드알리)
94. 가장 커다란 행복은 한해가 끝나갈 무렵 바로 그 때가 시작하던 때보다 나았다고 느끼는 것이다. (헨리데이 비드소로우)

95. 눈이 부실정도로 아름다운 것이 언제나 선한 것이라고 할 수는 없다. 그러나 선한 것은 언제나 아름답다. (링클로)
96. 아름다움은 어느 곳에나 있다. 다만 우리의 눈이 그 것을 알아보지 못할 뿐이다. (바처)
97. 웃음은 인간의 모든 독을 제거하는 해독제이다. (데일카네기)
98. '내 것'과 '너의 것'이라는 두 단어만 없었어도 인류는 지금보다 훨씬 평화로웠을 것이다. (아낙사고 라스)
99. 웃음은 마음의 치료 제일뿐만 아니라 몸의 미용제이다. 당신은 웃을 때 가 장아름답다. (칼조세프쿠렐)
100. 기회를 놓치지 말라! 인생은 모두가 기회인 것이다. 제일 앞서가는 사람은 과감히 결단을 실행하는 사람이다. (데일카네기)

TỪ MỚI

결실하다	Kết trái
결여하다	Thiếu
경쟁우위	Ưu thế, lợi thế cạnh tranh
극빈자	Kẻ cực nghèo
끈덕짐	Kiên trì
난관	Khó khăn
노년	Tuổi già

단호하다	Vững chắc
데이터	Dữ liệu
도덕적으로	Về mặt đạo đức
됨됨이	Tài năng
무모하다	Sự liều linh
밧줄	Dây thừng
방도	Phương pháp
방어	Phòng ngự
보상	Bồi thường
봉착하다	Đối diện
부	Sự giàu có
상식	Thường thức
성실성	Sự chân thực
시기	Sự ghen ghét
시나리오	Kịch bản
시냇물	Nước suối
시발점	Điểm xuất phát
시시하게	Một cách vô nghĩa
얕다	Cạn
역행하다	Đi ngược
열정	Nhiệt huyết
오크나무	Cây sồi
인품	Nhân phẩm

자질	Tư chất
중대사	Việc quan trọng
지혜	Trí tuệ
쾌락	Khoái lạc
타이밍	Thời điểm
통달하다	Thông hiểu
파산	Phá sản
팔자	Số phận
패자	Kẻ thất bại

Bài 37.

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC BÁN SẢN PHẨM

(제품 위탁 판매 계약서)

oo제조업체인 oo주식회사 (이하 “갑”이라 한다) 와 판매 대리점인 oo 상사 (이하 “을”이라 한다) 는 oo제품의 위탁판매를 위하여 다음과 같이 계약을 체결한다. (번역)

【제1조】 갑은 oo의 판매를 을에게 위탁하며, 을은 이를 수탁한다. (번역)

【제2조】 갑이 제조 생산하는 제품에 대해 갑은 판매를 위해 을에게 항상 위탁하여야 하며, 을은 판매 대리자로서 판매촉진을 위해 성실히 임해야 한다. (번역)

【제3조】 갑은 을에게 위탁 판매를 위한 제품의 최소 매입수량과 판매가격을 지정하여야 하며, 을은 갑이 지정한 수량과 판매가격을 준수하여야 한다. (번역)

【제4조】 갑은 제품의 공급을 을이 요청하는 경우 이를 즉시 배송하여야 하며, 제품배송에 따른 제반 경비일체는 갑이 부담한다. (번역)

- 【제5조】** 갑은 위탁판매에 따른 제품판매 수수료를 을에게 판매가격의 oo%로 하여 지불한다. (번역)
- 【제6조】** 갑은 을에게 판매 수수료의 지급에 있어 매달 말일을 기준으로 하여 월별로 그 익월 oo일에 현금 또는 어음으로 지급한다. 다만 어음의 지급은 ooo만원 이상인 경우에 한하며 그 기간은 3개월을 초과하지 않는다. (번역)
- 【제7조】** 을은 갑 제품의 위탁 판매에 따른 판매금 총액을 매달 말일을 기준으로 하여 월별로 그 익월 oo 일까지 현금으로 지불하여야 하며, 그 지불시 월간의 판매 내역서를 첨부하여야 한다. (번역)
- 【제8조】** 갑은 을의 제품 판매 방법에 대하여 일체의 간섭을 할 수 없으며, 을은 상거래 관행에 반하는 방법으로 판매를 하여서는 않된다. (번역)
- 【제9조】** 갑은 을이 제품의 하자나 불량, 파손, 판매부진에 따른 정당한 반품을 요청하는 경우 신속히 이를 처리하여야 한다. 다만 을의 고의적인 과실이나 판매 과정상의 주의태만에 의한 경우에는 예외로 한다. (번역)
- 【제10조】** 을은 갑 제품과 유사한 상품의 판매나 이를 위한 타사와의 거래계약을 원하는 경우 반드시 사전에 갑의 승낙을 얻어야 한다. (번역)
상기 계약을 증명하기 위하여 계약서를 2통 작성하여 서명 날인 후 각각 1통씩 보관한다. (번역)

oooo년 oo월 oo일
제조업체 (갑) oo주식회사 대표이사 ooo
oo시 oo구 oo동 ooo-oo번지
판매 대리점 (을) oo상사 대표이사 ooo
oo시 oo구 oo동 ooo-oo번지

TỪ MỚI

경비일체	Tất cả mọi kinh phí
과실	Lỗi
내역서	Bảng chi tiết
불량	Hàng hư
상거래 관행	Tập quán thương mại
상기 계약	Hợp đồng ở trên
승낙하다	Cho phép, đồng ý
신속히	Một cách nhanh chóng
위탁판매	Bán hàng ủy thác
유사하다	Tương tự
익월	Tháng tiếp theo
제조업체인	Doanh nghiệp chế tạo
주의태만	Thiếu chú ý
타사와	Với công ty khác
판매 대리점	Đại lý bán hàng
판매부진	Bán hàng kém

Bài 38.

NỘI QUI CÔNG TY

(근로 내규)

회사명: 유한책임회사 베한.

주소:

목록

제 1장 총칙

제 1조 목적

제 2조 적용 범위

제 3조 효력

제 2장 고용

제 4조 고용 방침

제 3장 근로계약

제 5조 각 근로 계약 종류

제 6조 직책

제 7조 실습 기간

제 8조 계약 중지

제 9조 근무처 변경

제 10조 훈련

제 4장 임금

제 11조 임금 구조

제 12조 임금 인상

제 13조 통상임금

제 14조 시간외 근무 수당

제 15조 연차 보너스

제 5장 노동조합

제 16조 사회 보험, 의료 보험

제 17조 단체 협약서

제 18조 노조

제 6장 근무시간 휴식 시간

제 19조 근무시간

제 20조 주휴일

제 21조 설날, 명절 휴일 규정

제 22조 사적 휴일 규정

제 23조 사적 휴일 신청 절차

제 24조 연차 휴일 규정

제 25조 연장 근무 동원에 대한 규정

제 7장 회사 질서

- 제 26조 근로자의 책임
- 제 27조 작업 시간 동안의 질서 규정

제 8장 노동 안전

- 제 28조 노동 안전 규정
- 제 29조 노동 위생
- 제 30조 화재 안전사고 안전

제 9장 기술 기밀보장과 재산 보호

- 제 31조 회사 재산 보호
- 제 32조 기술 기밀 보장

제 10장 포상과 벌 (위반제재)

- 제 33조 포상의 종류
- 제 34조 포상 형식
- 제 35조 노동 규율 위반 행위
- 제 36조 제재 형식
- 제 37조 물질 배상책임 종류
- 제 38조 배상한도 규정
- 제 39조 배상 제재 절차와 원칙

제 11장 복리, 사회보험, 의료 보험

- 제 40조 작업복과 안전사고 보호
- 제 41조 점심 식사

제 42조 사회보험, 의료보험

- 제 43조 위생, 의료 복지
- 제 44조 안전사고

제 12조 시행 조항

제 일장 총칙

제1조 목적

본 근로 내규는 베트남사회주의공화국 근로 법 바탕에 의거하여 작성함 회사에서 근무한 모든 베트남 근로자의 근로조건을 규정함.

제2조 적용범위.

모든 계약종류와 형식에 의해 회사에서 근무되는 모든 근로자에게 적용되는 근로 내규입니다.

제3조 효력

본 근로 내규에 있는 모든 항목이 호치민 산업수출단지관리국 (Hepza) 의 승인이 통과하는 일부터 효력 발생함

본 내규에 없는 사항은 베트남 사회주의공화국의 근로 법에 따라 해결함.

제이장 고용

제4조 고용 방침

1. Việt Hàn 유한책임회사가 전자 스피커 부품을 생산하는 회사임. 18세 이상 건강한 기강과 기술가진 노동력을 필요함.
2. 고용 서류
 - 도장 있는 이력서
 - 6개월이내 찍은 사진.
 - 주민등록증 사본
 - 호적등본 사본
 - 전문전공증명서 또는 근무경험진술서
3. 취직희망자는 근무하기 전에 회사 책임자 (사장 또는 사장위임을 받는 사람) 의 면접과 허락을 받아야 함

제 삼장

제5조 각 근로계약 종류

- + 회사의 모든 근로자들은 근로 계약에 설명한다.
 - + 근로계약 양식은 베트남 근로 법 소정양식이며 Hepza 에 등록됨
 - + 근로계약은 근로법의 규정에 따라 고용주와 근로자간의 합의 하에 서명함.
- 계약종류는 다음과 같다.

1. 기한 있는 계약서 1년-3년 까지, 일정기간 동안 회사에서 근무 동의한 사람.
2. 기간 미확인 계약.
3. 계절식 계약기간 일년 이하 계약, 계절상 발생하는 업무에 일을 하게 채용된 사람, 또는 일정기간 동안 상무직원을 대신 근무한 사람. 회사는 이 계약종류를 언제나 끝낼 수 있으며 3일 전에만 통보함. 일을 하지 않는 사람의 경우는 결근 날수에 따라 봉급공제.
계절식 계약 근무자는 연속적으로 120일 이상 계약하지 못함.

제6조 근로자의 직무

근로자는 다음과 같이 직무 배정

1. 관리급 회사의 구조 화면에 따라 관리부서에 근무한 사람 (부서담당, 공장장).
2. 조장급 회사의 구조 화면에 따라 중간 관리급에 속함.
3. 그 외에 운전기술, 봉사인원, 경비와 생산 부서, 생산공장에서 근무한 사람들 있음.

제7조 실습기간

1. 특별한 경우 아니면 모든 신입사원이 실습시간을 통과해야 함. 실습기간이 다음과 같음
 - a. 일반 근로자 실습기간이 한달이며 (일 배움, 일 실습 포함).
 - b. 중급 대학수준 이상 전문근로자는 실습기간이 2달입니다.

- c. 다른 근로자는 최다 6일입니다.
- 2. 실습기간 동안에 실습자가 어떤 이유든 업무를 완성하지 못하면 회사가 아무 배상없이 업무 중지.
- 3. 신입사원이 실습기간 동안에는 계약과 직무에 따라 70%의 월급을 받으며 실습기간 동안에 결근할 경우 월급 없음.

제8조 계약 중지

- 1. 자퇴 근로자는 다음 경우에 자퇴할 수 있음.
 - a. 계약에서 기재한 직무에 맞지 않게 배정함, 정식적으로 직무변경 허락 있는 경우는 예외 임.
 - b. 계약 때로 월급, 수당이 적시에 또는 충분 지급할지 않음.
 - c. 건강 또는 가족의 어려움 등 이유로 근로자가 계약 계속 이행 못 함.
- 자퇴하고싶은 경우에는 인사부서에 사전 통보함, 계약 종류에 따라 사전 통보기간이 다음과 같음
 - d. 계절식 계약 근로자 최소 3일전
 - e. 기간 있는 계약 근로자 최소 30일전.
 - f. 기간 미확인 계약 근로자 최소 45일전.
- 2. 계약 중지 회사가 일방적으로 다음 경우에 계약 중지권한이 있음 (근로 법 38조에 따라).
 - a. 계약에 소정 업무를 항상 완성하지 못한 경우.
 - b. 근로법의 제55조에 퇴사 조치 당한 근로자.

- 3. 정년퇴직
 - a. 여성근로자는 55세 되면 마지막 월말에 정년 퇴직해야 함.
 - b. 남성 근로자는 60세 되면 마지막 월말에 정년 퇴직해야 함.
 - c. 그러나 업무의 필요성에 따라 고용주와 근로자 간에 합의가 있으면 정년퇴직 된 사람이 회사에서 계속 근무할 수 있음.
- 4. 퇴사 시킴.
 - a. 정신, 오랜 병으로 업무를 완성하지 못 한 것으로 간주 경우.
 - b. 업무진행이 낮은 수준으로 하고 전망개선이 없는 근로자.

제9조 근무처 변경

영업 생산의 필요에 회사가 근로자를 다른 근무처로 변경할 수 있음. 현근무처에 적합하지 못 한다고 판단되면 고용주와 근로자의 합의하에 회사가 근로자를 다른 근무처로 변경 시킬 수 있음.

제10조 근로자가 다음 훈련을 받을 수 있음

- 1. 현장 훈련 조장, 또는 부서장이자가 담당하는 범위 또는 책임 안에 근로자한테 기술 훈련.
- 2. 회사에서 진행한 훈련 반에 참가할 수 있음.

3. 회사 외에 진행한 훈련 반에 참가할 수 있음. 회사가 필요한다고 판단한 경우에는 근로자가 훈련 반에 참가할 수 있도록 배정함.
4. 자기 발전 위해 스스로 공부함 근로자들이 한가 시간에 스스로 공부를 장려함. 회사사장의 사전 동의하면 업무 관련 공부는 회사측에서 비용 지출.

제사장

봉급

제 11조 임금구조 회사 임금 규정, 임금구조 작성은 Helpza에 등록함 (근로 법 57조에 따라).

- * 임금구조는
- + 기본임금 외국자본 있는 기업한테 소정 최저 임금이상.
- + 수당 책임 수당, 직책 수당, 유해 수당.
- * 임금지급 방법 시간제 월급 (일당은 월급에서 26일을 나눔) 과 제품 생산량에 따라 지급 임금.

제 12조 임금 인상

매년 일년 한번 정기적으로 회사가 근무실적에 따라 임금인상 여부 평가함.

그 외에 직책이 올라가는 사람도 임금이 인상되며 임금인상 건은 회사의 재정문제에 근거하여 회사가 전면적으로 결정함.

제 13조 정상 근무월급

1. 월급, 연장근무수당, 다른 수장이 그 달 20일과 다음달 5일 2번으로 나눠 지급함.
2. 모든 근로자가 근무성적에 따라 월급인상, 직책 인상 도는 보너스를 받을 수 있음. 이 결정은 회사의 권한에 있음.

제 14조 시간외 근무수당

1. 시간외 근무수당이 일반월급의 150%를 받을 수 있음. 휴일에 근무할 경우에는 (다른 날로 대신 쉬지 않는 경우) 일반월급의 20%를 받을 수 있음. 시간외 야간 근무경우는 일반 월급의 180%를 받을 수 있으며 (야간 근무시간은 22시부터 다음날 6시까지). 명절, 유급휴일에 연장근무하면 일반월급의 300%를 받을 수 있음.
2. 시간외 근무시간은 부서장 또는 공장장 서명 확인이 있어야 돈을 받을 수 있음.

제 15조 년차 보너스

1. 매년의 영업성적에 따라 음력 설날에는 근로자들이 일정한 보너스를 받을 수 있음.
2. 년차 보너스는 회사에서 일년이상 근로자한테만 적용되며 보너스는 최저 임금액 이상. 회사에서 근무기간 일년 미만 근로자는 근무성적과 회사의 영업실적에 따라 이사회가 결정함.

제 16조 사회보험과 의료보험

1. 베트남 법에 따라 회사가 의료보험, 사회보험 가입하며. 구체는 한달 총월급의 15% 사회보험과 2% 의료보험.
2. 매월 근로자가 한달 월급의 5% 사회보험과 1% 의료보험비 지급.
3. 회사는 사회보험자금에서 지금 책임 있음.

제 오장

노동조합

제 17조 단체 협약서는 자유와 자원 원칙 하에 작성함. 회사대표와 노조 대표자가 단체 협약 체결함.

제 18조 노조 회사는 노조결성, 활동과 노조의 역할을 존중함. 회사가 노조의 연속적 활동하기 위해 필요정보 제공 또는 편리한 조건 제공.

제 육장

근무시간과 휴식시간

제 19조 근무시간

1. 근로자의 평일 근무시간은 일당 8시간, 주당 6일. 부서의 필요성에 따라 근로자들이 교대근무.
2. 일당 근무시간은 다음과 같이 계산;
* 행정 근무시간
 - 아침 7시 30분부터 11시 30분까지

- 오후 12시 30분부터 16시 30분 까지

* 교대 근무시간

- 오전 6시 주터 14시까지

- 오후 14시부터 22시까지.

8시간 연속 근무할 경우는 30분을 휴식을 취할 수 있으며 야간 근무 (제3 교대 있는 경우) 는 최소 45시간 휴식 (근무시간으로 계산함).

여성 근로자는 국가의 규정에 따라 휴식할 수 있음 (12개월 이하 얘기 있으면 1시한 일찍 휴식).

제 20조 주휴일은 일요일입니다. 생산부서는 생산 일정 또는 전력 공급현황에 따라 주휴일을 적합한 시간에 제공, 꼭 일요일 아니도 상관 없음.

제 21조 명절 설날 결근

1. 근로자는 다음 날에 유급 휴식 취할 수 있음.
 - 양력설날 하루 (매년 양력 일월 일일).
 - 구정 4일 (매년 음력해 마지막날과 다음 해초 3일).
 - 독립의 날 하루 (양력 4월 30일).
 - 국제 노동절 하루 (양력 5월 1일).
 - 국경의 날 하루 (양력 9월 2일).
2. 상기 명절, 설날은 주휴일에 겹치면 다음 날로 대신 휴식 취할 수 있음.

제 22조 사적 휴일

1. 다음 경우에는 사적 휴일 해도 월급을 받을 수 있음.
 - 결혼 3일
 - 자녀 결혼 하루
 - 부모님 (남편측과 아내측 포함), 남편, 아내, 자녀 사망 3일
 - 무급 개인 휴식 구체 경우에 회사와 근로자가 서로 합의 함.
2. 국가에서 허락 해주지 않는 모든 개인 휴일은 무급휴식입니다.
3. 자녀 간호, 질병 등 사회보험 혜택을 받으면서 휴일 경우는 의료기관의 합법 서류 있어야 함 (개인 간병실의 서류는 불합법으로 간주). 합법 서류 없는 경우는 무단 결근으로 간주.

제 23조 사적 휴일 신청 절차

1. 모든 개인 휴일은 3일-7일전에 신청서를 제출하여 관리부서가 통과해야 결근 할 수 있음.
2. 4일 이상 결근 경우는 사장님의 허락을 받아야 함. 신청허가 제출 필요 없는 경우 부모님 (남편측과 아내측 포함), 남편, 아내, 자녀 사망.
3. 갑자기 질병, 자녀 간호는 사전 신청서를 제출 필요 없으나 전화로 통보하거나 다른 사람을 통해 신청서를 제출함.

제 24조 연차 휴일

1. 회사에서 12개월 만근 근로자는 연차 휴가를 취할 수 있고 월급을 그대로 받을 수 있음
2. 일상적으로 근무할 경우에는 연차 휴가는 12일입니다 (도금 부서는 14일).
3. 연차 휴가는 근로 연수에 따라 인상. 5년 연속 회사에서 근무하면 하루 더 휴가 있음 (75조 근로 법).
4. 12개월 이하 근무 근로자의 휴가는 한 달에 한번 (하루).
5. 그 외에 회사의 생산 현황에 따라 회사가 근로자의 연차 휴가 일정을 조정함.

제 25조 연장근무 동원 규정

1. 객관 이유로 생산중지, 생산 목표 미달 경우는 연장 근무함.
2. 완성 필요성 있는 돌발 계획 때문에
연장 근무시간이 하루 4시간 연간 200시간을 초과할 수 없음. 생산의 필요성이 발생하면 회사가 고용주와 같이 합의하여 규정 연장 근무시간이상 근무할 수 있도록 함, 근로자는 연장 근무수당을 받을 수 있어야 함.

제 칠장
회사질서

제 26조 회사직원의 책임

1. 근호자는 정시 출퇴근, 작업복 사용, 근로자의 명찰 포착
2. 회사정문에 하차, 소정장소에 차 보관
3. 술 맥주 취한 상태에서는 회사에 진입할 수 없고 회사 안으로 폭발물, 독성물, 위험물과 무기 운반 금지.
4. 퇴근시간에는 근로자들이 회사에서 계속 있을 수 없음. 업무완성하기 위하여 회사에 계속 있는 경우는 관리부서의 허락을 받아야 하고 경비실에 통보함.
5. 작업시간 동안에는 외출하고 싶은 경우에는 관리부서의 외출허가증이 있어야 하며 경비실에 보고함.
6. 업무로 회사 방문 손님, 근로자의 가족 친척 회사방문 등 경우는 경비실에서 업무 해결 또는 친척 방문하기 위하여 만남, 안내 책임 있음.

제 27조 작업 시간 동안의 질서 규정

1. 근로자가 근무현장에 5분 이전 출근해야 함. 명찰 포착, 사적일로 또는 다른 사람의 일로 관련하지 않는 부서에는 출입금지.
2. 관리급의 허락 없는 경우에 담당 업무에 벗어나 단 업무를 할 수 없음.
3. 작업시간에는 독서, 도박 하기 위하여 근무부처 이탈금지, 서로 싸움, 농성, 장난, 남의 모욕 근무처와 회사에의 질서를 훼손 행위는 금지.

4. 회사 내에 음주, 나쁜 소문 일으킴, 불 음란 문화 품 유통 금지. 회사 내 모금조직 참가 금지.
5. 근무처, 창고, 회의실에서는 금연, 소정장소에서만 흡연할 수 있으며 흡연 후에 담배꽁초불 꺼짐.
6. 교대 인수인도할 때는 인도자는 인수자가 와서 인수할 수 있도록 계속 회사에 있어야 함, 인수자 출근하지 않는 경우는 해결할 수 있도록 관리부서에 보고해야 함.
7. 자녀, 가족 친척 등을 회사에 데려 올 수 없음. 근무처에 차량을 가져가거나 회사내의 오토바이 과속 운전 금지.
8. 기계에 다리를 걸치거나 제품, 원자재위에 누워, 앓기 금지.

제 팔장
노동안전 노동위생

제 28조 노동안전

1. 근로자들은 자기담당업무관련 안전훈련, 안전근무 방법, 안전기술 등을 충분히 참가해야 함.
2. 생산관리부서는 설비원자재, 근무처, 기계종류에 따라 안전방법, 노동위생과 안전 규정을 작성하며, 근로자한테 훈련 시킴, 근로자가 이 규정들을 집행해야 함.
3. 작업시간에 근로자가 배급된 근무보호공구를 사용해야 함. 분실하거나 무책임으로 훼손 시키면 배상 책임 있음.
4. 절대적으로 알려지는 기술 조정법 준수 생산에 영향을 주는 자기 의사로 바꿈 또는 틀리게 운영하면 안 됨.

- 불확실한 경우는 다시 안내를 받을 수 있도록 다시 물어보고 관리자의 허락이 있어야 작업진행.
5. 회사의 재산인 원자재, 공구, 설비기계, 전기 스위치, 전환기 들을 자의로 조정, 분해, 열거나 닫을 수 없음 (책임 있는 부서와 노동 안전보장 경우는 제외).
 6. 검사수리일정에 따라 정기적으로 기계상태를 검사, 보관. 규정한 노동안전 설비공구 또는 개인 보호공구 검사 확인.
 7. 화재 폭발방지공구의 위치 이전 금지, 다른 일에 마음대로 사용하지 않다
 8. 병이 있는 경우에는 간병휴무 신청할 수 있음, 의료기관의 허락이 있으면 휴식가능. 작업과정에 너무 힘들면 인명과 설비의 안전 위하여 작업 중지 직접 관리급에 보고함.

제 29장 노동 위생

1. 근로자는 규정대로 항상 설비기계 청소, 원자재, 제품, 쓰레기 근무위치 정리정돈, 생산 안전 보장.
2. 유행병위생 환경위생 규정 준수, 회사 내의 꽃나무 꺾으면 안 됨.

제 30조 방화 화재 안전 초치

1. 모든 근로자는 화재 방화 규정을 준수해야 함. 항상 화재 방화 공구 검사, 관리, 화재조치 급수시스템, 회사의 재산과 인명의 절대적 안전 보장.

2. 화재안전 공구의 전기 스위치, 전기 배급판에 물품, 원자재를 적재금지.
3. 퇴근하기 전에 전기 안전, 물, 화재 안전 검사, 방지 조치.
4. 화재 안전 공구를 다른 목적으로 사용하면 안 됨.

제 구장

영업기술 비밀과 재산 보호

제1조 회사재산 보호.

제품이 회사밖으로 보낼 때 충분한 합법서류가 있어야 하며 경리부서의 검사를 받아야 함. 회사의 재산은 설비기계, 원자재, 부품, 전지, 물, 폐물, 완성품, 반 완성품, 토지, 공장, 자금, 업무관련 장치와 개인 보호 장치 포함

1. 회사의 재산을 사용하는 사람이 보관 책임이 있음. 회사의 재산을 손실, 훼손, 낭비 사용, 다른 목적으로 사용할 경우에는 원인과 한도에 따라 시장 가격으로 일부 또는 전부 배상해야 함 (근로 법 89-90조).
2. 회사의 반 완성품과 생산 위한 원자재 설비 구입담당자는 규정을 준수해야 함. 개인 이익 위해 회사의 손익을 시키는 행위는 금지.
3. 담당업무 아닌 본인의 의사 때로 재산 사용자 또는 담당자이지만 목적에 맞지 않게 사용해서 손해, 분실, 고장시키는 경우에는 손해 배상하면서 조치를 받아야 함.

4. 모든 형식이든 도둑, 횡령, 수뢰, 수뢰 요구, 재산의 고의적 훼손 행위는 금지. 위반 경우에는 위반 한도에 따라 행정제재, 물질적 손해 배상, 또는 형사법에 따라 제재.
5. 무관계자는 관리 지역에 진입금지.
6. 사장님의 허락이 없으면 회사의 재산 이전할거나 회사밖으로 운반 금지.
7. 창고 담장자와 원자재 인수자간의 원자재 공급이 합법적인 서류와 품질 보장 조건하에 수량증량검사. 합법서류 없거나 품질 안 좋은 경우는 절대적으로 인수 공급하지 않음.
8. 퇴근할 때는 창고 담장자 또는 공장장의 서명 있는 딱지로 부침. 키는 경비실에 있는 열쇠 보관함에 보관. 도난 흔적 발견, 또는 딱지 미리 뜯어 판단하면 경비실한테 보고 초치함.
9. 경비실은 서류에 맞은 물품을 검사하고 밖으로 보낸다.
10. 경비직원은 순찰, 화재 방지, 화재 제재, 물품 재산이전 등 경비업무를 충분히 해야 함.
11. 근로자한테 경비업무를 맡긴 경우에 근로자가 자의로 경비업무를 포기하면 안 됨.

제 32조 회사의 영업생산 기밀 보호

1. 회사의 모든 직원이 책임권한 안에 재산종류, 재료, 숫자, 경리숫자, 통계, 검사 등 회사의 재산 기술 기밀을 보호하는 의무가 있음. 아무에게 공급 제공금지, 사장님의 허락 없으면 집으로 서류를 가져갈 수 없음.

2. 절대적으로 책임 없는 사람한테 경제적 계약을 주면 안됨, 위반 경우에는 다른 직장으로 보내고 6개월 동안 받았던 월급 이하로 받고 심한 경우에는 퇴사시킬 수 있음.

제10장 포상과 위반제재

제 33조 포상형식

회사가 부서장 또는 공장장의 보고에 의하여 확인한 다음에 근로자가 다음 경우에 포상을 받을 수 있음. 사장님이 최종 결정자이다.

1. 근로자의 생산효율이 높고, 열심함과 책임감 있음, 모범적.
2. 노동안전 규정 준수, 또는 사고제재 또는 노동사고제재에 큰 기여한 근로자
3. 회사의 이익 상출 또는 회사의 재산 보호를 잘하는 근로자.

제 34조 포상형식

1. 선물 또는 보너스.
2. 규정 기간 전에 월급 인상.

제 35조 노동규율 위반 행위

1. 본 내규에서 소정 규정 또는 회사의 현행 규정을 준수하지 않으면 노동 규율을 위반 간주.
2. 노동 규율 위한 행위는 물론 베트남 근로법의 제재조항과 국가현행 규정에 근거하여 제재함.

제 36조 위반 제재 형식

1. 다음 경우는 구도로 경고 제재 하지만 문서로 작성하고 관리하도록 함 (한달 당위로)
 - a. 무단으로 3번 조퇴 또는 지각
 - b. 3번 작업복 사용하지 않고 명찰 부착하지 않음.
 - c. 회사에 들어가 있으나 근무현장에 없으면 (2시간이상) 무단 결근으로 간주.
 - d. 3제 중간 휴식시간 초과.
 - e. 하루 무단 결근. 회사 범위 내 한번 심하지 않는 근로자의 단결성 파괴 행위.
 - f. 회사 내규, 노동 규율들을 처음 위반하거나 심하지 않은 한도
2. 문서로 경고 경우는 다음과 같습니다.
 - a. 구두고 경고 받은 행위가 3개월 기간 이내 재발생.
 - b. 한번 음주 농성, 회사와 근무부처의 질서를 훼손함.
 - c. 한번 직접 관리자의 작업지시를 준수하지 않음.
 - d. 한번 소정수량, 소정 품질, 소정내용과 완성시간을 어기고 업무를 완성하지 못함, 거짓 또는 함부로 작업함.
3. 근무처 변경과 최다 6개월 동안 월급인하 제재는 다음과 같이
 1. 경고 문서고 경고 했으나 3개월이내 재범
 2. 월급인상기간 6개월 이하로 연장, 근무처 변경과 최다 6개월 동안 월급인하, 또는 면직제재는 다음 경우입니다

- a. 관리급의 잠시적 업무 배정지시 준수하지 않음 (근로 법 34조).
- b. 5백만 동 이하 상당한 금액의 회사재산을 훼손, 분실하거나 회사내규 위반.

제재 받은 자는 현 월급 수준이하로 받고 적극적으로 결점을 극복하고 3개월 연속 업무완벽 완성하면 관리부서가 사장님한테 제재 기간 단축건의하고 계약 내용 때로 전 근무부서로 돌아감.

제 33조 1, 2, 3 항의 제재 형식 외에 다음제재 형식이 있음

연말 우수근로자 평가급 인하, 물질적 책임 제재를 받게 되면 본 내규의 35조와 36조에 따라 배상책임.

4. 다음경우는 퇴사 시킬 수 있음
 - a. 근로자의 도둑, 부패 행위.
 - b. 본 내규의 17조에 규정한 회사 기술 경영기밀 유출.
 - c. 회사와 관련 회사들한테 수고비 커미션 등을 요구 행위로 인해 회사의 경영에 큰 손해를 입힘.
 - d. 노동안전규정, 화재 방화 안전사고 규정, 산업 위생, 기술 규정 등을 고의적으로 준수하지 않는 이유로 회사가 5백만 동 이상의 상당액 재산 또는 이익 손해 입힘.
 - e. 계약 잠시중지기간 또는 사적 휴일 기간이 사장의 허락시간의 5일 이상 초과하는데도 회사에 나오지 않음 (198/CP의정서 제 8조 2항).

- f. 무책임으로 생산 또는 물건 인수진도에 영향을 주고 회사의 심한 손실을 시킴.
- g. 한 달에 5일, 일년에 합계 20일 정당한 이유없이 무단 결근 근로자 (근로 법 85조 1항 C목).
- h. 5백만 동 이상의 상당한 금액을 회사의 재산을 시킴 (41CP의 정서).

3개월-6개월 실습 또는 계절적 근로자는 노동 내규를 위반 하여 경고를 받았으며 제재 기간이 초과하지 않는 동안에 재범하면 회사가 계약 기간 만료 전에 계약 종지.

본 내규에 근거하여 근로자의 제재할 때 경우에 따라 근무태도, 위반 한도, 근무과정과 개인상황을 고려 감급 제재.

제 37조 물질적 책임

- a. 본인의 책임 안에 재산 분실 훼손
- b. 자의로 재산 사용 회사 손해 시킴.
- c. 소정한도 초과 원자재 사용.
- d. 회사의 자금 분실
- e. 책임감 부족 또는 과정을 어기고 회사의 기계, 원자재, 제품, 반 완성품을 훼손 시킴.
- f. 저 품질, 소정규격에 맞지 않는 원자재, 설비 구입으로 회사한테 손해 시킴.
- g. 회사정문 검사하는데 회사의 재산 손실 시킴.
- h. 회사의 이익을 손해 시키는 행위.

제 38조 배상 한도

- a. 100 000-500 000동 상당액으로 회사재산을 훼손하면 직접 관리급이 배상한도를 고려함.
- b. 500 000- 5000 000 동 손해 시킴.
- 부주의로 발생한 사고이며 또는 회사가 발견하기 전에 근로자가 자각으로 신고하면 손해 액의 50%로 정하지만 최대 액은 3개월의 월급을 초과하지 않고 월급에서 공제함 (월급의 30%이하).
- 무책임 또는 시행 규정을 어기로 사고 발생하면 손해전액을 배상해야 함.
- c. 5000 000 동 이상의 손익을 시키면 사장님이 조사 검사 반을 구성 결론이 나오면 관리급의 통과한 후에 배상결정이 사장님이 결정함.
- d. 부주의로 사고를 냈으나 회사가 발견하기 전에 근로자가 스스로 신고하면 손실액의 50%를 배상하며 최다 6 개월동안 다른 근무부서로 변경.
- e. 무책임 또는 이생규정을 어기로 발생한 사고를 낸 경우는 그 시점 시장 가격의 손해전액을 배상해야 함. 그 외에 위반한도에 따라 6개월 도안 근무처 변경할거나 퇴사 당할 수 있음. 행정 제재, 물질배상 동시에 근로자의 위반 그 해에 우수정석을 취소. 심한 경우에는 회사가 법적 기관에 서류를 넘겨 제재함.

제 39조 물질배상 처리 절차와 원칙

물질 배상 처리 절차와 원칙은 정부 1995년 7월 6일 반행한 41/CP 의정서의 7,10,11조에 근거해 진행함. 회사의 내규는 생산 좋은 성적 있는 근로자, 내규 준수 근로자의 포상과 노동 규율 위반자의 제재 기준입니다.

제 11장

제 40조 작업복과 노동 보호

- 근로자의 필요에 따라 회사에서 작업복과 안전사고 보호공구를 제공함. 근로자는 작업복과 회사 제공한 안전사고 보호 공구를 사용해야 함. 실습기간이 지나가면 작업복을 받게 되며 첫째 일년과 둘째년은 작업복 2 부로 발급. 세번째 년부터는 일년에 한부만 발급.
- 계약 만료 때 근로자가 작업복과 안전사고 보호공구를 회사한테 돌려주어야 함. 이행하지 않는 근로자는 월급에서 공제.

제 41조 점심식사

회사가 회사의 식당에서 근로자들한테 무료로 점심제공. 점심시간이 근무시간에 따라 조정.

제 42조 위생, 의료 복리

- 매년 회사에서 근로자의 건강검진을 진행함
- 전염병환자는 회사한테 신고하고 치료를 받을 수 있도록 업무 중지.

제 43조 안전사고

- 근로자가 사고를 입는 경우에는 회사가 의료비용전액을 지출 책임.
- 사망 또는 노동력의 81% 이상 잃은 근로자는 회사에서 배상 책임 있음. 사망원인은 근로자의 잘못 아닌 경우에는 배상금액이 최소 기본월급 30개월이며 근로자의 잘못이면 최소 기본월급 12개월 지급.

제12장 이행 규정

- 본 노동 내규는 11장 43조 포함 근로자의 개인한테 알려주며 회사의 필요한 위치에 붙여 있음.
- 회사의 각 부서관리자는 이 내규를 준수 검사 책임.
- 변경사항이 있으면 관리국의 허락이 있어야 함.

...년....월... ... 일

TỪ MỚI

각 근로 계약 종류	Các loại hình hợp đồng lao động
간병휴무	Nghỉ chăm bệnh
경영기밀 유출	Tiết lộ thông tin kinh doanh
계약 중지	Ngưng hợp đồng
고용	Tuyển dụng
고용 방침	Phương châm tuyển dụng
규율	Qui định, kỷ luật
근로 내규	Nội qui lao động

근로계약	Hợp đồng lao động	독성물	Chất độc
근로자의 책임	Trách nhiệm của người lao động	모범적	Có tính gương mẫu
근무부처	Bộ phận làm việc	목록	Mục lục
근무시간	Thời gian làm việc	목적	Mục đích
근무시간 및 휴식 시간	Thời gian làm việc và nghỉ ngơi	무급휴식	Nghỉ không lương
근무실적	Kết quả làm việc	물질 배상책임 종류	Các loại hình trách nhiệm bồi thường vật chất
근무처 변경	Thay đổi nơi làm việc	배상 제재 절차와 원칙	Trình tự và nguyên tắc thủ tục bồi thường
급수시스템	Hệ thống cấp nước	배상한도 규정	Qui định về mức độ bồi thường
기술 기밀 보장	Giữ gìn bí quyết kỹ thuật	변경사항	Nội dung thay đổi
기술 기밀보장과 재산 보호	Bảo vệ tài sản và giữ gìn bí quyết kỹ thuật	복리, 사회보험, 의료 보험	Phúc lợi, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế
년차 보너스	Thưởng năm	부서장	Trưởng bộ phận
년차 휴일 규정	Qui định nghỉ phép năm	사적 휴일	Ngày nghỉ cá nhân
연장 근무 동원에 대한 규정	Qui định về việc huy động làm tăng ca	사적 휴일 규정	Qui định ngày nghỉ cá nhân
노동 규율 위반 행위	Hành vi vi phạm kỷ luật lao động	사회 보험, 의료 보험	Trình tự xin nghỉ phép cá nhân
노동 안전	An toàn lao động	사회보험자금	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
노동 안전 규정	Qui định an toàn lao động	상당액	Quĩ bảo hiểm xã hội
노동 위생	Vệ sinh lao động	설날, 명절 휴일 규정	Chi phí tương đương
노조	Công đoàn	소정규격	Qui định ngày nghỉ Tết, lễ
단결성 파괴 행위	Hành vi phá hoại sự đoàn kết	손실액	Qui cách dã qui định
단체 협약서	Thỏa ước lao động tập thể	시간외 근무 수당	Số tiền thiệt hại
			Lương ngoài giờ

시행 조항	Điều khoản thi hành	주휴일	Ngày nghỉ trong tuần
실습 기간	Thời gian thực tập	중지권한	Quyền ngưng, quyển chấm dứt
안전사고	An toàn lao động	직책	Chức vụ
안전훈련	Huấn luyện an toàn	총칙	Nguyên tắc chung
원자재	Nguyên phụ liệu	통상임금	Mức lương thông thường
월급 인상	Nâng lương	포상 형식	Hình thức khen thưởng
위생, 의료 복지	Vệ sinh, phúc lợi y tế	포상과 벌 (위반제재)	Khen thưởng và xử phạt (Xử phạt vi phạm)
위생규정	Qui định vệ sinh	포상의 종류	Các loại hình khen thưởng
위험물	Chất nguy hiểm	폭발물	Chất nổ
유행병위생	Vệ sinh bệnh dịch	필요성	Tính cần thiết
음란 문화품	Sản phẩm văn hóa đồi trụy	현근무처	Nơi làm việc hiện tại
의정서	Nghị định thư	협약서	Bản thỏa thuận
임금	Tiền lương	화재 안전사고 안전	An toàn lao động về hỏa hoạn
임금 구조	Thang bảng lương	회사 재산 보호	Bảo vệ tài sản công ty
임금 인상	Nâng lương	회사 질서	Trật tự ở công ty
임금구조	Cấu trúc lương	회사측	Phía công ty
작업 시간 동안의 질서 규정	Qui định về trật tự trong thời gian làm việc	효력	Hiệu lực
작업복	Áo quần lao động	훈련하다	Đào tạo, huấn luyện
재정문제	Vấn đề tài chính	훼손하다	Hư hỏng, thiệt hại
적용 범위	Phạm vi áp dụng		
적합하다	Phù hợp		
점심 식사	Cơm trưa		
제재 형식	Hình thức chế tài		

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Họ và tên: Lê Huy Khoa, bút danh Lê Cát An Châu.

Facebook: Lê Huy Khoa Kanata.

Email: Lecatanchau@yahoo.com

Quê quán: Nghệ An.

Nơi cư trú hiện nay: Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm nghề phiên dịch từ 1995.

Tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Học viện Ngôn ngữ
Đại học Yonsei Hàn Quốc, Thạc sĩ Đại học Nam Columbia Mỹ.

Là dịch giả và tác giả hàng đầu về tiếng Hàn hiện nay. Là
tác giả từ điển Hàn - Việt đầu tiên, từ điển Hàn - Việt Naver
và 50 loại từ điển, giáo trình khác nhau. Hiện đang giữ kỷ
lục Việt Nam là tác giả biên soạn nhiều giáo trình từ điển
Hàn Việt nhất.

Từng công tác tại Đại sứ quán Việt Nam ở Hàn Quốc, Bộ
Lao động Thương binh và Xã hội. Giảng dạy tại các trường
Đại học Shunchonhyang Hàn Quốc, Hồng Bàng, Nguyễn
Tất Thành.

Hiện đang là phiên dịch viên tiếng Hàn Quốc cao cấp,
Trợ lý ngôn ngữ của Đội tuyển bóng đá Quốc gia U23, đội
tuyển bóng đá nam Việt Nam.

Hiện đang là Hiệu trưởng trường Hàn ngữ Việt Hàn
Kanata, một đơn vị đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn tại
Việt Nam hiện nay.

Địa chỉ liên lạc

Trường Hàn ngữ Việt Hàn Kanata

384/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



"Sách tập hợp các loại tài liệu phục vụ cho việc phiên dịch, biên dịch tiếng Hàn như: Kịch bản MC, lời chào mừng, lời phát biểu, các mẫu công văn, thư hồi đáp, bản tin, nội qui công ty bằng tiếng Hàn... giúp những người làm công tác biên phiên dịch trong thời gian sớm nhất có thể nắm được cách phiên và biên dịch theo đúng văn phong tiếng Hàn".

Lê Huy Khoa

Hiệu trưởng trường Hàn ngữ Việt Hàn KANATA

